33 VỊ TỔ ẤN HOA

Mục lục

Án Độ:

1- Tổ Ma-Ha-Ca-Diếp. (Mahakasyapa) To-01

2-Tổ A-Nan. (Ananda) To-02

3-Tổ Thương-Na-Hòa-Tu. (Sanakavasa) To-03

4-Tổ Ưu-Ba-Cúc-Đa. (Upagupta) To-04

5-Tổ Đề-Đa-Ca. (Dhrtaka) To-05

6-Tổ Di-Dá-Ca. (Miccaka) To-06

7-Tổ Bà-Tu-Mật. (Vasumitra) To-07

8-Tổ Phật-Đà-Nan-Đề. (Buddhanandi) To-08

9-Tổ Phục-Đà-Mật-Đa. (Buddhamitra) To-09

10-Tổ Hiếp-Tôn-Giả. (Parsvika) To-10

11-Tổ Phú-Na-Dạ-Xa. (Punyayasas) To-11

12-Tổ Mã-Minh. (Asvaghosha) To-12

13-Tổ Ca-Tỳ-Ma-La. (Kapimala) To-13

14-Tổ Long-Thọ. (Nagarjuna) To-14

15-Tổ Ca-Na-Đề-Bà. (Kanadeve) To-15

16-Tổ La-Hầu-La-Đa. (Rahulata) To-16

17-Tổ Tăng-Già-Nan-Đề. (Sanghanandi) To-17

18-Tổ Già-Da-Xá-Đa. (Gayasata) To-18

19-Tổ Cưu-Ma-La-Đa. (Kumarata) To-19

20-Tổ Xà-Dạ-Đa. (Jayata) To-20

21-Tổ Bà-Tu-Bàn-Đầu. (Vasubandhu) To-21

22-Tổ Ma-Noa-La. (Manorhita) To-22

23-Tổ Hạc-Lặc-Na. (Haklena) To-23

24-Tổ Sư-Tử. (Aryasimha) To-24

25-Tổ Bà-Xá-Tư-Đa..(Basiasita) To-25

26-Tổ Bất-Như-Mật-Đa. (Punyamitra) To-26

27-Tổ Bát-Nhã-Đa-La. (Prajnatara) To-27

28-Tổ Bồ-Đề-Đạt-Ma. (Bodhidharma) To-28

Trung Hoa:

29-Tổ Huệ-Khả. To-29

30-Tổ Tăng-Xán. To-30

31-Tổ Đạo-Tín. To-31

32-Tổ Hoằng-Nhẫn. To-32

33-Tổ Huệ-Năng. To-33

1.- Tổ Ma-Ha-Ca-Diếp (Mahakasyapa)

Đồng thời đức Phật

Ngài dòng Bà-la-môn (Brahmana) ở nước Ma-Kiệt-Đà, cha tên Ẩm-Trạch, mẹ tên Hương-Chí. Thuở bé, Ngài dung nghi trang nhã, toàn thân màu vàng, ánh sáng chiếu rất xa. Thầy tướng xem tướng ngài nói:

─ Đứa bé nầy đời trước có phước đức thù thắng, lẽ ưng xuất gia

Cha mẹ Ngài nghe nói lo sợ,cùng nhau thầm bàn (sẽ cưới vợ đẹp để làm nhụt chí của nó). Vừa lớn lên, cha mẹ liền lo chọn người lập gia thất cho ngài, nhưng ngài một bề từ chối, sau cùng bất đắc dĩ ngài phải nói:

─ Có người con gái nào thân đồng màu sắc như con, con mới ưng cưới.

Cha mẹ ngài bèn đúc một tượng vàng, đẩy đi khắp trong nước, tìm người nữ nào giống màu sắc ấy, cưới cho ngài. Quả nhiên, gặp được một cô con gái giống hệt như ngài, thế là ngài phải lập gia đình.

Bởi đời đức Phật Tỳ Bà Thi (Vipasyin), sau khi Phật Niết-bàn, chúng xây tháp thờ Xá-lợi, trong tháp có an trí một pho tượng Phật phết vàng. Lâu ngày pho tượng trên mặt bị lở khuyết. Khi ấy, ngài ca-diếp là thợ đúc vàng, có cô gái nhà nghèo, vì thấy mặt Phật hư khuyết, cô còn một đồng tiền vàng đem đến nhờ Ngài ca-diếp nấu ra để phết lại tượng Phật.Thấy cô phát tâm tu bổ tượng Phật, ngài rất hoan hỷ đứng ra làm chu tất việc nầy, nhơn đó, hai người cùng nguyện đời đời sẽ làm vợ chồng, mà coi như đôi tri-kỷ, chớ không vì tình dục.

Do phước báo đó nên 91 kiếp thân thể hai vị đều toàn một màu vàng. Sau sanh cõi Phạm-thiên, hết phước cõi Phạm-thiên chết, sanh về cõi nầy trong nhà Bà-là-môn giàu có hiện tại. Tuy hiện nay hai vị làm vợ chồng, mà sống như tình tri-kỷ, không có ý dâm dục.

Đến sau, cả hai đều xin cha mẹ xuất gia. Cha mẹ bằng lòng,ngài liền xuất gia làm Sa-môn vào núi tu hạnh Đầu-đà (Dhuta). Một hôm, nhơn nghe trong hư không có tiếng bảo:

─ Phật đã ra đời, nên đến đó thọ giáo.

Ngài liền tìm đến tịnh-xá Trúc-Lâm, chí thành đảnh lễ Phật.

Phật bảo:

─ Lành thay Tỳ-kheo đến đây, hãy cạo bỏ râu tóc đi.

Ngài liền cạo bỏ râu tóc, thọ giới Tỳ-kheo, mặc y cà-sa. Từ đây, ngài theo Phật hiểu sâu giáo Pháp, tinh tấn tu hành không lúc nào lơi lỏng, cho đến chứng quả A-La-Hán. Có lần ngài từ xa đến ra mắt Phật. Các chúng Tỳ kheo ngồi vây quanh Phật, trông thấy ngài mặc y bằng vải rách, thân hình tiều tụy, có ý thầm khi. Phật biết, bèn bảo:

─ Ca-Diếp đến đây! Ta nhường nửa tòa cho ngồi.

Ngài vẫn không dám ngồi. Phật bảo các Tỳ-kheo:

Ta có đại từ đại bi, các thiền-định tam-muội và vô lượng công đức để tự trang nghiêm. Tỳ-kheo Ca-Diếp cũng như thế. Do đó,ta nhường nửa tòa cho Ca-Diếp ngồi. Chúng Tỳ-kheo đều dứt tâm ngạo mạn, lại thầm cung kính ngài.

Hôm nọ, Phật ở trong hội Linh-sơn, tay cầm cành hoa sen đưa lên, cả hội chúng đều ngơ-ngác. Chỉ có ngài đắc ý chúm chím cười (niêm hoa vi tiếu). Phật bảo :

─ Ta có chánh Pháp nhãn tạng, Niết-bàn diệu-tâm, pháp môn mầu nhiệm, chẳng lập văn-tự, ngoài giáo lý truyền riêng, nay giao phó cho ngươi. Ngươi khéo gìn giữ chánh pháp nầy, truyền trao mãi đừng cho dứt, đến sau sẽ truyền cho A-Nan. Thế-Tôn đến trước tháp Đa-Tử gọi Ma-Ha-Ca-Diếp đến chia nửa tòa cho ngồi, lấy y Tăng-Già-Lê quấn vào mình Ca-Diếp, rồi nói kệ phó pháp **:**

Pháp bổn pháp vô pháp

vô pháp pháp diệc pháp

Kim phó vô pháp thời

Pháp pháp hà tằng pháp.

Dịch:

Pháp gốc pháp không pháp

Pháp không pháp cũng pháp

Nay khi trao không pháp

Mỗi pháp đâu từng pháp.

Ngài già yếu, Phật nhiều lần khuyên:

─ Ca-Diếp tuổi đã già, nên ở một chổ nhận những thức cúng dường của thí chủ, chớ đi khất thực nhọc nhằn.

Ngài bạch Phật :

─ Con tuy già yếu, song không dám ở một chổ thọ sự cúng dường của thí chủ. Vì sợ e sau này, các Tỳ kheo đời sau sẽ nói :

─ Đệ tử lớn của Phật trước kia vẫn ở một chỗ thọ sự cúng dường, rồi họ sanh phóng túng.

Lúc Phật Niết-bàn tại thành Câu-Thi-Na trong rừng Sa-La, thì ngài đang ở trong động Tất-Bát-La (SthaviRa) trên núi Kỳ-Xà-Quật. Nghe tin Phật Niết-bàn, ngài và 500 đệ tử vội vã hướng về thành Câu-Thi-Na. Đến nơi, đã để Phật vào kim-quan, ngài buồn bã. Thầy trò đi nhiễu kim-quan ba vòng, rồi đảnh lễ Phật. Khi ấy, hai bàn chân Phật duỗi ra ngoài kim-quan để an ủi ngài. Ngài vuốt ve hai bàn chân Phật, lòng rất bi thảm.

Sau khi thiêu thân Phật xong,ngài tuyên bố với chúng Tỳ-kheo:

─ Xá-lợi của Phật giao cho trời, người xây tháp thờ làm ruộng phước, còn trách nhiệm Tỳ-kheo chúng ta phải lo kết tập kinh điển để lưu lại đời sau.

Ngài bèn nói kệ :

Như-Lai đệ tử

Thả mạc Niết-bàn

Đắc thần thông giả

Đương phó kiết tập

Dịch:

Đệ tử Như-Lai

Chớ vội Niết-bàn

Người được thần thông

Nên đến kiết tập .

Thế là, sau Phật Niết-bàn 7 ngày, Ngài triệu tập 500 vị đại A-La-Hán tụ hợp tại núi Kỳ-Xà-Quật, trong động Tất-Bát-La kiết tập. Chỉ có tôn giả A-Nan không được dự hội, vì chưa sạch các lậu, Tôn-giả A-Nan buồn bả, suốt đêm chuyên tâm thiền-định, đến gần sáng liền chứng ngộ, các lậu dứt sạch được quả A-La-Hán .

Sau đó,tôn giả được mời dự hội. Ngài thưa toàn chúng:

─ Tỳ-kheo A-Nan nhớ giỏi bậc nhất, thường theo hầu hạ Như-Lai, nghe pháp Phật nói ghi nhớ không sót, như nước rót vào bình không rơi ngoài một giọt, nên mời kiết-tập tạng Kinh và tạng Luận . Mời Tỳ-kheo Ưu-Ba Ly kiết tập tạng Luật. Toàn chúng đều hoan-hỷ chấp thuận.

Hội kiết-tập nầy, Ngài là chủ-tịch. Sau cuộc kiết tập đã viên mãn, nhơn duyên độ sanh đã xong xuôi, Ngài thấy tuổi đã già yếu lắm, bèn gọi tôn giả A-Nan đến bảo:

─ Khi Như-Lai sắp vào Niết-bàn có dặn ta đem chánh pháp nhãn tạng giao phó cho ông. Nay ta sắp ẩn, đúng lúc giao phó cho ông, ông phải khéo gìn giữ chớ để đoạn dứt.

Ngài nhớ lời Phật dặn giữ gìn y bát của Phật đợi đến Phật Di-Lặc ra đời sẽ trao lại, nên dự bị vào núi Kê-Túc nhập định. Liền đó, Ngài đi từ giả vua A-Xà-Thế và những người thân thuộc, rồi vào núi Kê-Túc trải tòa cỏ ngồi an nhiên nhập định

2.- Tổ A-Nan (Ananda)

Sanh sau Phật 30 năm

Ngài con vua Hộc-Phạn, dòng Sát-đế-lợi, ở thành Ca-tỳ-la-vệ, em ruột Đề-bà-đạt-đa, em con nhà chú của Phật Thích Ca. Thuở nhỏ, ngài có nhiều tướng tốt và thông minh tuyệt vời. Đến 25 tuổi xin theo Phật xuất gia.

Một hôm, Phật cần chọn người làm thị giả, tất cả hội chúng lần lượt đứng ra xin làm thị giả, mà Phật không bằng lòng. Sau cùng, Tôn-giả Đại-Mục-Kiền-Liên nhập định biết tôn ý Phật muốn A-Nan làm thị giả.

Đại chúng cử Tôn- giả Mục-Kiền-Liên, Xá-Lợi-Phất, v, v…. đến yêu cầu Ngài làm thị giả. Ngài nhiều lần từ chối, song các Tôn-giả một bề nài nỉ buộc lòng Ngài phải xin Phật ba điều, nếu Phật ưng cho, Ngài mới dám làm thị giả.

1/ Không theo Phật thọ trai riêng, nếu thí chủ không mời ngài.

2/ Không mặc y thừa của Phật.

3/ Không đến Phật phi thời. Thế-Tôn chẳng những chấp thuận lời xin của Ngài, mà còn khen ngợi Ngài thông minh biết dự đoán trước những điều sẽ xảy ra. Thế là, Ngài theo làm thị giả Phật ngót 25 năm.

Hôm nọ, Ngài đi khất thực về đến tịnh-xá Phật, thấy Di mẫu Ma-ha Ba-Xà-Ba-Đề đang đứng tựa cửa khóc. Di mẫu quần áo bụi bặm, chân dính bùn nhơ, vẻ người bi thảm. Ngài đến gần hỏi duyên cớ. Biết Bà từ xa tìm đến xin Phật xuất gia, đôi ba phen năn nỉ mà Phật quyết định không cho. Ngài cảm động, vào đảnh lễ Phật xin cho Bà được xuất gia. Phật vẫn nhiều lần từ chối, Ngài vẫn kiên chí xin kỳ được mới thôi. Thế là mở đầu cho phái nữ xuất gia, chính Ngài là người tích cực khai đường vậy.

Chính đức Phật đã từng khen Ngài:

– Thị giả của các đức Phật đời quá khứ, không ai hơn A-Nan, thị giả các đức Phật đời vị lai cũng không ai hơn A-Nan.

Và Phật khen A-Nan được tám điều chưa từng có v.v…

Sau khi Phật Niết-bàn, Tổ Ca-Diếp triệu tập các đại Tỳ-kheo kiết tập kinh điển, Ngài là người được toàn hội đề cử kiết tập tạng kinh… Khi sắp tụng lại lời Phật, Ngài nhìn qua đại chúng nói kệ:

Tỳ-kheo chư quyến thuộc

Ly Phật bất trang nghiêm !

Du như hư không trung

Chúng tinh chi vô nguyệt.

Dịch:

Tỳ-kheo các quyến thuộc

Vắng Phật chẳng trang nghiêm !

Ví như trong hư-không ,

Nhiều sao mà không trăng.

Nói kệ xong, Ngài đảnh lễ đại chúng, lên pháp tòa mở đầu:

─ Tôi nghe như vầy, một lúc nọ Phật ở tại xứ….nói kinh…. cho đến trời người v.v…đều kính lễ vâng làm .

Ngài kiết tập kinh xong Tổ Ca Diếp hỏi đại chúng:

─ Đại-Đức A-Nan tụng đọc lại có chỗ nào sai lầm chăng ?

Đại chúng đồng thinh đáp:

Chẳng khác những lời đức Thế-Tôn đã nói.

Một hôm Ngài hỏi Tổ Ca-Diếp:

─ Khi Thế-Tôn phú chúc và truyền y kim-tuyến cho sư-huynh, còn có truyền pháp gì riêng nữa chăng ?

Tổ Ca-Diếp liền gọi:

─ A-Nan !

Ngài ứng thinh:

─ Dạ.!

Tổ Ca-Diếp bảo:

─ Cây cột phướng trước chùa ngã. Ngài nhơn đây tỏ ngộ.

Tổ Ca-Diếp bèn ấn chứng và đem chánh pháp nhãn-tạng truyền lại cho Ngài. Tổ nói kệ:

Pháp pháp bổn lai pháp,

Vô pháp vô phi pháp.

Hà ư nhất pháp trung,

Hữu pháp hữu phi pháp

Dịch:

Các pháp, pháp xưa nay,

Không pháp, không phi pháp .

Tại sao trong một pháp,

Có pháp, có phi pháp ?

Ngài đảnh lễ thọ nhận. Môn đệ của Ngài có hai vị xuất sắc, Thương-Na-Hòa-Tu và Mạc-Điền-Để Ca (Mạc-Điền-Địa). Ngài chọn Thương Na Hòa Tu làm người kế thừa tổ vị và truyền trao y bát lại.

Cảm thấy thân bèo bọt đã đến thời kỳ hoại diệt, đã tìm được người kế.thừa, Ngài dự định vào Niết-bàn, Ngài đến từ giả vua A-Xà-Thế, song không gặp vua. Ngài liền đi thẳng đến bờ sông Hằng, lên một chiếc thuyền ngồi kiết-già thả trôi lơ lửng giữa dòng sông. Vua A-Xà-Thế hay tin Ngài sắp vào Niết-bàn ở sông Hằng, liền cùng quan quân tùy tùng tìm đến bờ sông. Vua thấy Ngài ngồi trên thuyền ở giữa dòng sông bèn đảnh lễ nói kệ:

Khể thủ tam giới tôn,

Khí ngã như chí thử.

Tạm bằng bi nguyện lực,

Thả mạc Bát-niết-bàn.

Dịch:

Lạy đấng tôn tam giới,

Bỏ con đến nơi nầy.

Tạm nương sức bi nguyện,

Xin chớ vội Niết-bàn.

Vua nước Tỳ-Xá-Ly nghe tin cũng đến bên bờ kia sông Hằng, đảnh lễ và nói kệ:

Tôn giả nhất hà tốc,

Nhi qui tịch diệt trường !

Nguyện trụ tu du gian,

Nhi thọ ư cúng dường.

*Dịch**:***

Tôn giả sao quá nhanh,

Sớm vào nơi tịch diệt !

Xin tạm dừng chốc lát,

Để nhận con cúng dường.

Ngài thấy hai vua đồng đến khuyến thỉnh, bèn nói kệ:

Nhị vương thiện nghiêm trụ,

Vật vi khổ bi luyến.

Niết-bàn đương ngã tịnh,

Nhi vô chư hửu cố.

Dịch:

Hai vua ở an vui,

Chớ vì thương buồn khổ.

Niết-bàn, tôi an tịnh,

Vì không còn các nghiệp.

Ngài giữ tâm bình đẳng ở giữa dòng sông vào Niết-bàn. Hai vua họp nhau làm lễ thiêu thân Ngài và phân chia xá-lợi xây tháp cúng dường.

3.- Tổ Thương-Na-Hòa-Tu (Sanakavasa)

Thế kỷ đầu sau Phật Niết-bàn

Ngài dòng Tỳ-Xá-Đa nước Ma-Đột-La, cha tên Lâm-Thắng, mẹ là Kiều-Xa-Da. Ngài ở trong thai mẹ sáu năm mới sanh. Tục truyền ở Ấn-Độ khi nào cỏ Thương-Nặc-Ca sanh là có một vị thánh nhơn ra đời. Chính khi Ngài lọt lòng mẹ thì thứ cỏ ấy cũng mọc lên, vì thế cha mẹ Ngài đặt tên là Thương-Na-Hòa-Tu.

Lúc đầu, Ngài xuất gia làm đồ đệ vị tiên ở núi Tuyết. Chính Ngài tu theo pháp tiên đã được thần thông, sau gặp Tổ A-Nan, Ngài hồi đầu trở về chánh pháp. Tổ A-Nan, thấy Ngài đã thâm ngộ diệu tâm nên truyền pháp kệ rằng :

Bổn lai truyền hửu pháp,

Truyền liễu ngôn vô pháp

Các các tu tự ngộ

Ngộ liễu vô vô pháp.

Dịch :

Xưa nay truyền có pháp

Truyền rồi nói không pháp.

Mỗi mỗi cần tự ngộ

Ngộ rồi không không pháp.

Tổ lại dặn:

─ Xưa Đức Như-Lai đem đại pháp nhãn nầy trao cho Ngài Ca-Diếp, Ngài Ca-Diếp trao lại cho ta, nay ta sắp vào Niết-bàn đem trao lại cho ngươi, Ngươi phải khéo gìn giữ truyền trao không để dứt mất.

Sau khi đắc pháp nơi Tổ A-Nan, Ngài đi đến khu rừng Ưu-Lưu-Trà cất tịnh-xá hoằng hóa Phật-pháp rất hưng thịnh. Chính nơi đây, khi Phật còn tại thế có lần đi giáo hóa ngang khu rừng nầy, Phật nói với A-Nan:

Sau khi ta Niết-bàn, khoảng 100 năm, có một Tỳ-kheo tên Thương-Na-Hòa-Tu ở tại khu rừng nầy hoằng truyền chánh pháp

Thấy cơ duyên hóa đạo đã viên mãn, Ngài đem chánh pháp nhãn tạng truyền lại cho đệ tử là Ưu-Ba-Cúc-Đa. Ngài vào núi Bạch-Tượng phía Nam nước Kế-Tân sắp vào Niết-bàn. Nhơn trong chánh định Ngài thấy nhóm 500 người đệ tử của Ưu-Ba-Cúc-Đa thường hay lười biếng và khinh mạn, Ngài liền đến cảnh tỉnh họ, khi Ngài đến, Ưu-Ba-Cúc-Đa đi vắng. Ngài lại tòa của Ưu-Ba-Cúc-Đa ngồi, đệ tử Cúc-Đa không biết Ngài là người gì ? Tất cả đều bực tức không phục. Họ chạy báo cho Cúc-Đa hay. Cúc-Đa về đến

thấy thầy mình liền đảnh lễ. Song đệ tử vẫn còn tâm khinh mạn chẳng kính. Ngài lấy tay mặt chỉ lên hư không liền có sữa thơm chảy xuống,

Ngài bảo Cúc-Đa.:

─ Ngươi biết gì chăng .

Cúc-Đa thưa:

─ Chẳng biết. Cúc-Đa bèn nhập chánh định để xem xét, cũng không thể hiểu.

Cúc-Đa thưa:

─ Điềm lành nầy do chánh định gì xuất hiện ?

─ Đây là chánh định Long-Phấn-Tấn. Còn cả năm trăm thứ chánh định như thế mà ngươi chưa biết. Chánh định của Như-Lai, hàng Bích-Chi không thể biết. Chánh định của Bích-Chi, hàng La-Hán không thể biết. Chánh định thầy ta là A-Nan, ta cũng không biết. Nay chánh định của ta, ngươi đâu thể biết. Chánh định ấy là tâm không sanh diệt, trụ trong sức đại từ, cung kính lẫn nhau, được thế đó mới có thể biết.

─ Đệ tử của Cúc-Đa trông thấy những kỳ-diệu ấy đều kính phục, chí thành sám hối. Ngài lại nói kệ :

Thông đạt phi bỉ thử

Chí thánh vô trường đoản

Nhữ trừ khinh mạn ý

Tất đắc A-La-Hán.

Dịch :

Thông suốt không kia đây

Chí thành không hay dở

Ngươi trừ tâm khinh mạn

Chóng được A-La-Hán.

Sau đó, Ngài thị tịch bằng cách dùng hỏa quang tam muội thiêu thân. Thầy trò Ưu-Ba-Cúc-Đa thu nhặt xá-lợi xây tháp cúng dường .

4.- Tổ Ưu-Ba-Cúc-Đa (Upagupta)

Cuối thế kỷ thứ nhất sau Phật Niết-bàn

Ngài dòng Thủ-Đà-La ở nước Sất-Lợi, cha tên Thiện-Ý. Trước khi sanh Ngài, thân phụ nằm mộng thấy mặt trời vàng xuất hiện trong nhà. Thuở bé Ngài mặt mũi khôi ngô, tánh tình thuần hậu, trí huệ minh mẫn

Khoảng 12 tuổi, Ngài được gặp Tổ Thương-Na-Hòa-Tu đến tận nhà và dạy cho Ngài phương pháp buộc niệm. Nghĩa là mỗi khi khởi nghĩ ác liền bỏ một hòn sỏi đen vào hũ, khi khởi nghĩ lành liền bỏ một hòn sỏi trắng vào hũ. Mỗi tháng đem ra xem xét coi đen nhiều hay trắng nhiều ; nếu đen nhiều phải cố gắng sửa đổi. Ngài vâng làm như vậy, ban đầu sỏi đen nhiều, dần dần bằng nhau và sau nầy trắng nhiều.

Năm 17 tuổi, Ngài xin Tổ Thương-Na-Hòa-Tu xuất gia. Tổ hỏi : - Ngươi được bao nhiêu tuổi ?

Ngài thưa : - Bạch thầy, con được 17 tuổi. - Thân ngươi 17 tuổi hay tánh ngươi 17 tuổi ?

Ngài hỏi lại : - Đầu thầy tóc bạc, vậy tóc thầy bạc hay tâm thầy bạc ?

Tổ bảo : - Tóc ta bạc không phải tâm ta bạc - Con cũng thế, thân con được 17 tuổi, không phải tánh con 17 tuổi Tổ bèn hoan-hỉ nhận cho xuất gia làm thị giả. Đến 20 tuổi, Ngài thọ giới cụ túc và ngộ đạo. Tổ bảo:

Xưa Đức Thế-Tôn đem chánh pháp vô thượng truyền cho Tổ Ca-Diếp. Tổ Ca-Diếp truyền lại cho thầy của thầy ta là Đức A-Nan, thầy ta truyền cho ta và nay ta truyền lại cho ngươi chánh pháp nầy. Ngươi cố gắng hộ trì đừng để đoạn dứt. Hảy nghe bài kệ đây :

Phi pháp diệc phi tâm, Vô tâm diệc vô pháp. Thuyết thị tâm pháp thời, Thị pháp phi tâm pháp

Dịch : Phi pháp cũng phi tâm, không tâm cũng không pháp, Khi nói tâm pháp ấy, Pháp ấy phi tâm pháp.

Khi, Ngài đến nước Ma-Đột-La, Ngài cảm hóa rất đông dân chúng qui hướng Phật pháp, có nhiều người đã chứng đạo quả. Có những khi Ngài thuyết pháp, chư thiên rải hoa, quả đất rúng động, khiến cung ma cũng bị chấn động. Vua ma-ba-tuần sợ e Phật-giáo thạnh hành thì bè đảng của chúng bị tiêu diệt, nên quyết dùng hết thần lực phá hoại Phật-pháp. Ma bèn hiện các ngọc nữ đến làm nhiễu loạn tâm thính giả. Ngài liền nhập định để quán sát nguyên do, Được cơ hội thuận tiện, ma đem vòng chuỗi anh-lạc quàng vào cổ Ngài. Xuất định, Ngài dùng thần lực biến ba thây chết -người, chó, rắn – thành một tràng hoa đẹp. Ngài dùng lời diệu ngọt bảo ma :

Ngươi sẵn lòng tốt đem chuỗi anh-lạc rất quí tặng ta, giờ ta biếu lại ngươi tràng hoa đẹp nầy, gọi là thù tạc nhau.

Vua ma nghe rất mừng, đưa cổ nhận tràng hoa. Tràng hoa tròng vào cổ giây lát hóa thành thây thúi, giòi tửa ghê tởm. Vua ma kinh sợ gớm chán, muốn cởi ra mà cởi không được, dùng hết thần lực cũng không cởi nổi. Túng thế, vua ma chạy lên cõi trời Dục cầu cứu với vua Trời, rốt cuộc không kết quả. Lần lượt vua ma cầu cứu đến Trời Phạm. Vua các Trời đều bảo: - Pháp ấy là do đệ tử Phật biến hóa ra, chúng ta còn phàm lậu làm sao trừ được.

Vua ma nghe phán như vậy lại hỏi : - Thế thì làm thế nào gỡ ra ? Vua Trời nói kệ :

Nhược nhơn địa đảo, Hoàn nhơn địa khởi. Ly địa cầu khởi, Chung vô kỳ lý.

Dịch : Nếu nhơn đất ngã, Phải nhờ đất dậy. lìa đất muốn dậy, Trọn không lý ấy.

Vua ma nhận lời dạy, rời khỏi cung Trời trở về chỗ Ngài Ưu-Ba-Cúc-Đa chí thành lễ tạ sám hối. Ngài bảo: -Thánh trước dạy ta hàng phục ngươi. Tuy vậy, nếu ngươi biết cải thiện là được thờ phụng Phật, khỏi sa vào đường dữ. Vua ma nghe dạy vui vẻ thưa: - Tôn-giả vì con làm lợi ích lớn, cúi xin Tôn-giả cởi vòng thây thúi dùm con .- Ngài dạy:- Vậy ngươi phải quỳ gối chấp tay tự xướng ba lần quy-y tam bảo đi. Vua ma quỳ gối chấp tay xướng ba lần quy-y tam bảo xong, thì vòng thây thúi biến mất. Vua ma vui mừng nhảy nhót đảnh lễ Ngài nói kệ:

Khể thủ tam muội tôn, Thập lực đại từ túc. Ngã kim nguyện hồi hướng, Vật linh hữu liệt nhược.

Dịch : Cúi lạy chánh-định tột, Đủ mười lực đại từ. Nay con xin hồi hướng, Chớ còn tánh yếu hèn.

Sau khi quy-y tam bảo xong, Ngài bảo vua ma: - Xưa ngươi thường thấy Như-Lai, giờ đây hiện thử cho ta xem.

Vua ma thưa: - Hiện việc xưa không khó, chỉ xin Tôn-giả trông thấy đừng lễ. Vua ma liền vào rừng ẩn mất. Chốc lát bỗng thấy Phật từ mé rừng đi ra oai nghi nghiêm chỉnh, theo sau đoàn Tỳ-kheo 1250 vị. Ngài vừa trông thấy, bất giác cúi mình đảnh lễ. Ma hoảng kinh biến mất. Lúc hóa đạo, mỗi khi giáo hóa một người thâm ngộ Phật-pháp Ngài để vào thất đá một thẻ tre. Ngôi thất ấy bề dài 18 thước tay bề ngang 12 thước tay. Thế mà một thời gian thẻ tre đầy khắp cả thất. Sau cùng, Ngài độ ông Hương-Chúng con một vị trưởng giả và truyền chánh pháp lại cho ông nầy. Nhơn thân phụ ông Hương-Chúng mộng thấy mặt trời vàng xuất hiện trong nhà, nên Ngài đổi hiệu là Đề-Đa -Ca. Đã có người kế thế và nhơn duyên hóa đạo đã xong. Ngài từ biệt đại chúng, Ngồi kiết già thị-tịch. Đề-Đa-Ca và môn đệ mở cửa thất đá lấy thẻ tre làm vật liệu thiêu Ngài., thiêu xong lượm xá-lợi xây tháp cúng dường .

5.- Tổ Đề-Đa-Ca (Dhrtaka)

Đầu thế kỷ thứ hai sau Phật Niết-bàn

Ngài tên Hương-chúng ở nước Ma-Già-Đà. Nhơn thân phụ Ngài nằm mộng thấy mặt trời vàng ánh xuất hiện trong nhà, chiếu sáng khắp cả. Lại thấy phía trước hiện ra một hòn núi lớn, trang nghiêm bằng bảy báu, trên đảnh núi có dòng suối, nước chảy trong veo, tràn khắp bốn phía. Sau đó, mẹ sanh ra Ngài.

Ngài gặp Tổ Ưu-Ba-Cúc-Đa bèn đem điềm mộng của cha thuật lại và nhờ giải hộ. Tổ giải:

< Núi báu là thân ta, suối nước tuôn ra là pháp vô tận, mặt trời xuất hiện trong nhà là tướng ngươi vào đạo, ánh sáng chiếu khắp là trí tuệ siêu việt của ngươi >. Ngài nghe giải xong, vui mừng khắp khởi xướng kệ rằng :

Nguy nguy thất bảo sơn, Thường xuất trí huệ tuyền. Hồi vi chân pháp vị, Năng độ chư hữu duyên.

Dịch : Vòi vọi núi bảy báu, Thường tuôn suối trí huệ. Chuyển thành vị chơn pháp, Hay độ người có duyên

Tổ Ưu-Ba-Cúc-Đa cũng nói kệ đáp :

Ngã pháp truyền ư nhữ, Đương hiện đại trí huệ . Kim nhựt tùng ốc xuất, Chiếu diệu ư thiên địa .

Dịch : Pháp ta truyền cho ngươi, Sẽ hiện trí-huệ lớn . Mặt trời mọc trong nhà, Chiếu sáng khắp trời đất .

Ngài nghe kệ rồi, xin theo Tổ xuất gia học đạo. Thấy Ngài ứng đối lanh lẹ, trí-huệ minh đạt, Tổ hoan hỷ chấp nhận cho xuất gia làm đệ-tử. Một hôm, Tổ gọi Ngài bảo: Như-Lai đem đại pháp nhãn tạng trao cho Đại-Ca-Diếp, lần lượt trao truyền cho đến ta, nay ta trao lại cho ngươi. Hãy nghe kệ đây:

Tâm tự bổn lai tâm, Bổn tâm phi hữu pháp. Hữu pháp hữu bổn tâm, Phi tâm phi bổn pháp.

Dịch : Tâm tự xưa nay tâm, Bổn tâm chẳng có pháp. Có pháp có bổn tâm, Chẳng tâm chẳng bổn pháp

Ngài thành kính nhận lãnh chánh pháp. Sau, Ngài sang Trung-Ấn giáo hóa. Nơi đây có tám ngàn vị đại tiên, dưới sự lãnh đạo của đại tiên Di-Dá-Ca. Nghe Ngài đến đây, Di-Dá-Ca vân tập tiên chúng đến yết kiến Ngài.

Gặp Ngài, Di-Dá-Ca thưa: - Xưa tôi cùng Thầy đồng sanh cõi trời Phạm-Thiên. Tôi gặp tiên A-Tư-Đà truyền cho pháp tiên. Thầy gặp đệ tử Phật hướng dẫn tu tập thiền định. Từ đó, cách nhau đã đến sáu kiếp.

Ngài bảo: - Lời tiên nhơn đã nói đúng như vậy. Song, ông chuyên về pháp tiên tột cùng sẽ đến đâu ?

Di-Dá-Ca thưa: - Tôi tuy chưa gặp bậc chí thánh, song tiên A-Tư-Đà thường thọ ký rằng: < Sáu kiếp về sau, tôi sẽ nhờ bạn đồng học mà được chứng quả giải thoát. Nay gặp nhau đây đâu không đúng như vậy ư ?

Ngài bảo: - Ông đã biết như vậy thì cần phải xuất gia, pháp tiên là đường nhỏ, không thể đưa người đến giải thoát. Ta hóa đạo đã lâu, cũng muốn dừng nghỉ. Nếu ông thật thú hướng về đại pháp thì không nên chậm trễ.

Di-Dá-Ca nghe nói vui mừng liền xin xuất gia. Ngài độ cho ông xuất gia thọ giới.

Lúc đó, tiên chúng theo Di-Dá-Ca thấy vị tiên trưởng của mình làm như vậy, rất bất mãn. Họ nói thầm với nhau rằng: < Đề-Đa-Ca đâu đủ sức làm thầy mình mà theo xuất gia >.

Ngài biết tâm họ, muốn gây cho họ có niềm tin, liền phóng quang sáng chiếu, chân đi trên hư không như người đi trên đất bằng, lại hóa cây dù báu che khắp chúng tiên, nơi ngón tay sữa thơm tuôn ra, trong sữa hiện lên một hoa sen, trong hoa sen hóa ra Đức Phật.

Chúng tiên trông thấy thần biến phi thường, bèn cuối đầu cầu xin xuất gia. Tôn giả hoan hỷ chấp nhận.

Thấy cơ duyên hóa độ đã viên mãn, Ngài truyền pháp lại cho Di-Dá-Ca, rồi thâu thần tịch diệt.

Di-Dá-Ca và đồ chúng thiêu hài cốt Ngài, thâu lượm xá-lợi xây tháp tại núi Ban-Trà thờ phụng cúng dường.

6. - Tổ Di-Dá-Ca (Miccaka)

Đầu thế kỷ thứ ba sau Phật Niết-bàn

Ngài người Trung-Ấn, không rõ họ gì. Ngài cùng chúng tiên thọ giáo xuất gia với Tổ Đề-Đa-Ca. Sau đó, Ngài tu hành chứng được quả thánh. Khi sắp tịch, Tổ Đề-Đa-Ca gọi Ngài lại bảo:

-Xưa Như-Lai thầm trao đại pháp nhãn cho Đại-Ca-Diếp lần lượt truyền trao đến ta, nay ta trao cho ngươi, ngươi phải gìn giữ truyền trao chớ dứt. Nghe ta nói kệ :

Thông đạt bổn tâm pháp, Vô pháp vô vi pháp . Ngộ liễu đồng vị ngộ, vô tâm diệc vô pháp .

Dịch : Thông đạt pháp bổn tâm, Không pháp không phi pháp Ngộ rồi đồng chưa ngộ, Không tâm cũng không pháp .

Sau khi được pháp, Ngài du hóa các nơi tùy căn cơ giáo hóa chúng sanh. Một hôm, Ngài đến Bắc-Ấn chợt thấy trên thành có vầng mây màu vàng. Ngài ngó sang những người bên cạnh bảo : Đây là vượng khí đại thừa. Trong thành nầy sẽ có bậc chí nhơn nối pháp cho ta . Khi đi vào trong thành đến chợ, quả gặp người tay ôm bầu rượu, đón Ngài hỏi :- Tôn-giả từ phương nào đến, muốn đi về đâu ? Ngài đáp : -Ta từ tâm mình đến, muốn đi không chỗ. – Tôn-giả biết vật trong tay tôi chăng ? Đây là đồ đựng vật làm mất thanh tịnh. – Tôn-giả biết tôi chăng ? – Tôi thì chẳng biết, biết thì chẳng tôi

- Ngài lại bảo :- Ngươi hãy nói tên họ ra, ta sẽ chỉ nhơn đời trước cho ngươi. Người ấy bèn nói kệ :

Ngã kim sanh thử quốc, Phục ức tích thời nhựt . Bổn tánh Phả-La-Đọa, Danh tự Ba-La-Mật.

Dịch : Nay tôi sanh nước nầy, Lại nhớ ngày xa xưa Dòng họ Phả-La-Đọa, Tên là Bà-La-Mật

Ngài nghe rồi nhớ lại duyên trước, bèn bảo Bà-Tu-Mật : - Thầy ta là Đề-Đa-Ca thường nói : Xưa kia Như-Lai du hóa Bắc-Ấn có báo A-Nan : < Sau khi ta diệt độ khoảng ba trăm năm, ở nước nầy sẻ có vị thánh nhơn ra đời, họ Phả-La- Đọa tên Bà-Tu-Mật, làm vị Tổ thứ bảy của Thiền-Tông >. Đây là Như-Lai thọ ký cho ngươi, ngươi nên xuất gia.

Bà-Tu-Mật liền để bầu rượu xuống, đảnh lễ Ngài. Đảnh lễ xong, đứng qua một bên thưa :- Con nhớ lại kiếp xưa thường làm thí chủ cúng dường Phật một bảo tòa. Như-Lai thọ ký cho con rằng : < Ngươi ở hiền kiếp sẽ được Phật-pháp làm Tổ thứ bảy >. Nay gặp gỡ đây là cái duyên trước vậy, cúi xin Tôn giả đại từ thương xót độ thoát cho con. Ngài liền vì ông cho cạo tóc xuất gia và thọ đầy đủ giới pháp. Thấy tuổi đã già và cơ duyên hóa độ cũng xong,

Ngài truyền chánh pháp lại cho Bà-Tu-Mật. Truyền xong, Ngài thâu thần tịch diệt. Bà-Tu-Mật và môn đồ lượm xá-lợi để vào bình báu, xây tháp cao tôn thờ trên từng chót để mọi người cúng dường.

7.- Tổ Bà-Tu-Mật (Vasumitra)

Cuối thế kỷ thứ ba sau Phật Niết-bàn

Ngài họ Phả-La-Đọa sanh trưởng tại miền Bắc-Ấn. Khi còn tại gia, Ngài thường mặc đồ sạch sẽ, tay cầm bầu rượu, đi dạo chơi trong xóm làng, có khi Ngài ngâm thơ thổi sáo, người thường không sao hiểu nổi, họ bảo Ngài là người điên. Sau khi gặp Tổ Di-Dá-Ca nói lại lời huyền ký Như-Lai, Ngài liền tỉnh ngộ tiền duyên, ném bầu rượu phát nguyện xuất gia. Theo Tổ tu hành, Ngài ngộ được tâm tông. Một hôm,Tổ Di-Dá-Ca gọi Ngài căn dặn:

-Công hạnh của ta gần viên mãn,chánh pháp nhãn tạng nầy trao lại cho ngươi, ngươi phải ân cần gìn giữ chớ để đoạn diệt. Hãy nghe kệ đây :

Vô tâm vô khả đắc, Thuyết đắc bất danh pháp. Nhược liễu tâm phi tâm, Thủy giải tâm tâm pháp.

Dịch : Không tâm không thể được, Nói được chẳng gọi pháp Nếu rõ tâm phi tâm, Mới hiểu tâm tâm pháp.

Sau khi Tổ Di-Dá-Ca nhập Niết-bàn, Ngài đi hoằng khắp nơi tuyên dương chánh pháp. Khi đến nước Ca-Ma-La

Ngài lên pháp tòa giảng đạo,có một trí sĩ đến dưới tòa lớn tiếng tự xưng: -Tôi là Phật-Đà-Nan-Đề, hôm nay quyết luận nghĩa với thầy. Ngài bảo:- Nầy nhơn giả! Nếu luận thì chẳng phải nghĩa, nếu nghĩa thì chẳng phải luận. Nếu nghĩ luận nghĩa, trọn chẳng phải nghĩa luận. Nan-Đề biết đây là người nói nghĩa thù thắng, khởi tâm kính phục, thưa rằng: - Con nguyện cầu đạo, được thưởng thức vị cam lồ. Ngài thương xót liền cho xuất gia thọ giới, không bao lâu truyền pháp cho Nan-Đề. Đã có người thừa kế, Ngài dự định vào Niết-bàn. Ngài liền nhập từ tam-muội để vào tịch định. Lúc đó, Đế-Thích, Phạm-Vương cùng chư thiên đồng đến đảnh lễ, nói kệ :

Hiền kiếp thánh chúng Tổ, Nhi đương đệ thất vị. Tôn giả ai niệm ngã, Thỉnh vị tuyên Phật địa.

Dịch : Hiền kiếp các thánh Tổ, Ngài là vị thứ bảy, Tôn giả thương xót con, Thỉnh vì nói Phật địa .

Ngài xuất định nói với họ rằng : - Pháp ta đã được là không phải có. Nếu muốn biết Phật-địa phải lìa có và không.

- Nói xong, Ngài vào tịch định thị hiện tướng Niết-bàn. Chư thiên nghe rồi hoan hỷ tán hoa trời, đảnh lễ. Nan-Đề cùng đồ chúng trà tỳ thân Ngài, rồi lượm xá-lợi xây tháp cúng dường .

8.- Tổ Phật-Đà-Nan-Đề (Buddhanandi)

Đầu thế kỷ thứ tư sau Phật Niết-bàn

Ngài họ Cù-Đàm, người nước Ca-Ma-La. Thuở nhỏ trên đảnh Ngài có cục thịt nổi cao, thường phát ra hào quang năm sắc xen lẫn. Ngài thông minh tuyệt vời, chữ nghĩa một phen xem qua là ghi nhớ. Năm 14 tuổi, Ngài phát tâm xuất gia chuyên dùng hạnh thanh tịnh để tự tu. Khi Tổ Bà-Tu-Mật đến nước Ca-Ma-La, Ngài đến vấn nạn, nhơn đó kính phục xin theo làm đệ tử. Tổ sắp Niết-bàn, gọi Ngài đến phó chúc rằng :

-Chánh pháp nhãn tạng của Như-Lai, nay ta trao cho ngươi, ngươi phải truyền bá chớ để đoạn dứt, Nghe ta nói kệ:

Tâm đồng hư không giới, Thị đẳng hư không pháp. Chứng đắc hư không thời, Vô thị vô phi pháp

Dịch : Tâm đồng hạn hư không, Chỉ pháp bằng thái hư. Khi chứng được hư không, Không pháp, không phi pháp Ngài vâng giữ phụng trì. Sau khi đắc pháp, Ngài thống lãnh đồ chúng du hóa khắp nơi. Đến nước Đề Già, Ngàiđi qua cổng nhà họ Tỳ-Xá-La, chợt thấy trên nóc nhà có hào quang trắng xông lên hư không. Ngài chỉ chúng xem và bảo:

-Trong nhà nầy hiện có một vị thánh nhơn, tuy miệng không nói một lời, chơn không đi một bước, mà thật là bậc căn khí đại thừa. Dù không ra ngoài đường mà biết việc xúc uế. Quả là người nối pháp cho ta, khiến Phật-pháp hưng thịnh. Vị nầy, sau sẽ độ được năm trăm người chứng quả thánh.

Ngài nói xong, có người trưởng giả trong nhà bước ra làm lể thưa: - Tôn-giả cần điều gì dừng lại đây ?

Ngài bảo:- Ta đến tìm người thị giả, chớ không cần gì. Trưởng giả thưa: Nhà tôi đâu có người kỳ đặc mà Ngài tìm,chỉ có đứa con trai tên Phục-Đà-Mật-Đa không biết nói, không biết đi, tuổi đã năm mươi, nếu Ngài cần tôi cho, không tiếc. Ngài bảo:-Đứa con ông nói đó,chính là người tôi tìm.Trưởng giả thỉnh Ngài vào nhà. Phục-Đà-Mật-Đa vừa trông thấy Ngài liền chổi dậy,chấp tay nói kệ:

Phụ mẫu phi ngã thân, Thùy vi tối thân giả ? Chư Phật phi ngã đạo, Thùy vi tối đạo giả ?

Dịch : Cha mẹ chẳng phải thân, Ai là người chí thân ? Chư Phật phi đạo tôi, Cái gì là tột đạo ?

Ngài nói kệ đáp: **Nhữ ngôn dữ tâm thân, Phụ mẫu phi khả tỷ, Nhữ hạnh dữ đạo hiệp, Chư Phật tâm tức thị,**

Ngoại cầu hữu tướng Phật, Dữ nhữ bất tương tợ, Nhược thức nhữ bổn tâm, Phi hiệp diệc phi ly .

Dịch : Lời ngươi cùng tâm thân, Cha mẹ không thể sánh, Hạnh ngươi cùng đạo hiệp, Chư Phật chính là tâm.

Ngoài cầu Phật có tướng, Cùng ngươi không chút giống, Nếu biết bổn tâm ngươi, Chẳng hiệp cũng chẳng lìa .

Mật-Đa nghe bài kệ xong rất hoan hỷ, bước xuống đảnh lễ Ngài và đi bảy bước, một lòng thành khẩn xin xuất gia

Ngài chấp nhận cho xuất gia,liền triệu tập chúng hiền thánh làm lễ truyền giới cụ túc.Sau đó, Ngài lại dặn dò Mật-Đa:

- Pháp nhãn của Như-Lai thầm truyền đến đời ta, nay ta trao lại cho ngươi, ngươi nên truyền trao chớ đoạn dứt.

Nghe ta nói kệ : **Hư không vô nội ngoại, Tâm pháp diệc như thử, Nhược liễu hư không cố, Thị đạt chơn như lý.**

Dịch : Hư không chẳng trong ngoài, Tâm pháp cũng như thế, Nếu hiểu rõ hư không, Là đạt lý chơn như .

Mật-Đa hân hạnh được truyền pháp vui mừng vô hạn, liền nói kệ khen ngợi :

Ngã sư thiền Tổ trung, Thích đương vi đệ bát, Pháp hóa chúng vô lượng, Tất hoạch A-La-Hán .

Dịch : Thầy tôi trong thiền Tổ, Hiện là vị thứ tám, Giáo hóa chúng không cùng, Thảy được quả La-Hán .

Ngài truyền pháp xong, sắp vào Niết-bàn. Hôm ấy đang ngồi trên bổn tòa, Ngài an nhiên thị tịch. Số chúng Ngài độ có đến năm trăm vị chứng nhị quả. Toàn chúng trà tỳ hài cốt Ngài, lượm xá-lợi xây bảo tháp tôn thờ .

9. - Tổ Phục-Đà-Mật-Đa (Buddhamitra)

Cuối thế kỷ thứ tư sau Phật Niết-bàn

Ngài họ Tỳ-Xá-La ở nước Đề-Già. Từ lọt lòng mẹ đến năm mươi tuổi chưa từng nói một lời,chưa từng đi một bước. Cha mẹ nghi nhơn duyên gì mà Ngài thế ấy ? Đến gặp Tổ Phật-Đà-Nan-Đề nói duyên đời trước rằng :

- Đứa bé nầy đời trước thông minh lắm,ở trong Phật pháp do lòng đại bi muốn làm lợi ích lớn cho chúng sanh, cho nên thường nguyện :< Nếu tôi sanh chỗ nào không bị tình phụ tử ràng buộc, tùy duyên lành kia liền được giải thoát >

Miệng nó không nói là tiêu biểu đạo không tịch. Chơn nó không đi là tiêu biểu pháp không đến đi. Cha mẹ Ngài nghe lời giải thích của Tổ sạch hết nghi ngờ,vui vẻ cho theo Tổ xuất gia.

Sau khi đắc pháp, Ngài du hóa khắp nơi, sang Trung-Ấn giáo hóa. Nơi đây có ông trưởng-giả tên là Hương-Cái. Ông nầy có người con trai tên Nan-Sanh. Ông trưởng-giả Hương-Cái dẫn con đến yết kiến Ngài. Đảnh lễ xong, ông trưởng-giả thưa :- Thằng bé nầy ở trong thai mẹ ngót sáu mươi năm,do đó tôi đặt tên là Nan-Sanh. Có một tiên đến xem tướng nó,rồi nói:< Thằng nhỏ nầy hẳn là tướng phi phàm,sẽ làm pháp khí đại thừa, sau gặp Bồ-Tát hóa độ >. Bởi có duyên lành nên nay được gặp Ngài, tôi nguyện cho nó theo Ngài xuất gia học đạo. Ngài hoan hỷ nhận cho Nan- Sanh xuất gia thọ giới. Trong buổi lễ xuất gia thọ giới bỗng có ánh sáng mát chiếu khắp chổ Nan-Sanh ngồi. Cơ duyên hóa độ sắp viên mãn, Ngài kêu Nan-Sanh lại dặn dò :- Đại pháp nhãn tạng của Như-Lai, nay ta trao cho ngươi, ngươi phải gìn giữ truyền trao đừng cho đoạn dứt. Ngươi nhận lời ta dạy, hãy nghe kệ đây :

Chơn lý bổn vô danh, Nhơn danh hiển chơn lý, Thọ đắc chơn thật pháp, Phi chơn diệc phi ngụy.

Dịch : Chơn lý vốn không tên, Nhơn tên bày chơn lý, Nhận được pháp chơn thật, Chẳng chơn cũng chẳng ngụy.

-Nói kệ xong, Ngài bèn vào chánh định hiện tướng Niết-bàn. Chư thiên trổi nhạc cúng dường. Nan-Sanh cùng đồ chúng dùng dầu thơm gỗ chiên đàn làm lễ hỏa táng chơn thể của Ngài. Hỏa táng xong lượm xá-lợi về tôn thờ nơi chùa Na-Lan-Đà .

10. - Tổ Hiếp-Tôn-Giả (Parsvika)

Đầu thế kỷ thứ năm sau Phật Niết-bàn

Ngài tục danh là Nan-Sanh, người Trung- Ấn. Thân mẫu mang thai đến 60 năm mới sanh ra Ngài. Lúc Ngài sắp sanh, thân phụ nằm mộng thấy một con voi trắng to trên lưng có chở một bảo tọa, trong bảo tọa có hạt minh châu, từ ngoài cửa đi vào chiếu sáng khắp nhà. Ông giựt mình tỉnh giấc thì Ngài ra đời.

Sau gặp Tổ Phục-Đà-Mật-Đa độ cho xuất gia. Được xuất gia rồi Ngài cần mẫn tu học cho đến quên ăn bỏ ngủ, suốt ngày đêm chưa từng đặt lưng xuống chiếu, như thế mãi cả đời. Vì thế thời nhơn gọi Ngài là Hiếp-Tôn-Giả (Tôn-giả hông không dính chiếu). Lãnh thọ chánh pháp xong, Ngài đi vân du các nơi tùy cơ giáo hóa. Đến nước Hoa-Thị, Ngài

tạm nghỉ dưới cây đại thọ. Khi ấy, Ngài lấy tay chỉ xuống đất bảo chúng :

- Khi nào đất này biến thành màu vàng, sẽ có một thánh nhơn vào hội. Ngài vừa nói dứt lời, đất liền biến thành màu vàng. Chốc lát có một thanh niên con nhà giàu tên Phú-Na-Dạ-Xa đến trước Ngài đứng chắp tay, Ngài hỏi :

- Ngươi từ đâu đến ? Thanh niên thưa :- Tâm con chẳng phải đến. –Ngươi dừng chổ nào ? –Tâm con chẳng phải dừng.

- Ngươi chẳng định sao ? – Chư Phật cũng thế. –Ngươi chẳng phải chư Phật. –Chư Phật cũng chẳng phải. Ngài nhơn đó nói bài kệ : **Thử địa biến kim sắc, Dự tri ư thánh chí, Đương tọa bồ-đề thọ, Giác hoa nhi thành dỉ.**

Dịch : Đất này hóa sắc vàng, Biết có thánh nhơn sang, Ngồi dưới cây bồ-đề, Hoa giác nở hoàn toàn .

Phú-Na-Dạ-Xa cũng đọc bài kệ:

Sư tọa kim sắc địa, Thường thuyết chơn thật nghĩa, Hồi quang nhi chiếu ngã, Linh nhập tam-ma-đề .

Dịch : Thầy ngồi đất sắc vàng, Thường nói nghĩa chơn thật, Xoay ánh sáng chiếu con, Khiến vào nơi chánh định .

Ngài biết ý Phú-Na-Dạ-Xa lòng cầu đạo rất thiết tha, nên độ cho xuất gia và truyền giới cụ túc. Một hôm, Ngài gọi Phú-Na bảo : -Đại pháp nhãn tạng của Như-Lai, nay trao cho ngươi, ngươi phải khéo lưu truyền chớ để dứt mất. Hãy nghe ta nói kệ : **Chơn thể tự nhiên chơn, Nhơn chơn thuyết hữu lý, Lãnh đắc chơn chơn pháp,Vô hành diệc vô chỉ**

Dịch : Chơn thể đã sẵn chơn, Bởi chơn nói có lý, Hội được pháp chơn nhơn, Không đi cũng không dừng .

Truyền pháp xong, Ngài ngay nơi chỗ ngồi thị hiện các tướng rồi vào Niết-bàn. Hỏa táng thân Ngài xong có xá-lợi nhiều vô số, chúng phải lấy y bọc đem về kính thờ cúng dường .

11.- Tổ Phú-Na-Dạ-Xa (Punyayasas)

Giữa thế kỷ thứ năm sau Phật Niết-bàn .

Ngài dòng Cù-Đàm ở nước Hoa-Thị, thân phụ là Bảo-Thân. Thân phụ sanh được bảy người con trai, Ngài là con út. Thuở nhỏ. Ngài tâm tư bình thản không tịnh không loạn. Ngài thường nói với các anh :- Nếu gặp bực đại-sĩ ngồi nơi đạo tràng thuyết pháp, em quyết đến đó gần gũi tùy hỷ.

Khi Tổ Hiếp-Tôn-Giả đến nước nầy chấn hưng Phật pháp, Ngài liền đến dự trong hội ấy. Thấy Ngài ứng đối mẫn tiệp, ngôn ngữ hợp lý, Tổ độ cho xuất gia. Sau khi đắc pháp nơi Tổ Hiếp-Tôn-Giả, Ngài một lòng tinh tấn, lấy sự giáo hóa làm trọng trách. Đạo đức Ngài vang khắp, số chúng qui ngưỡng đến ngàn vạn, những người được quả thánh tới năm trăm vị. Về sau, Ngài đến nước Ba-La-Nại có một vị trưởng-giả vào hội. Ngài hỏi đồ chúng :

- Các ngươi có biết người mới vào đây chăng ? Xưa Phật huyền ký rằng : < Sau khi ta diệt độ gần 600 năm,sẽ có một vị thánh nhơn ra đời hiệu Mã-Minh, sanh trong nước Ba-La-Nại, nói pháp nơi thành Hoa-Thị, bẻ dẹp các đạo khác, độ người vô lượng >. Mã-Minh nghe Ngài nói trúng tên mình thì thầm khen, bước ra đảnh lễ Ngài và hỏi :

- Tôi muốn biết Phật, thế nào là Phật ? –Ngài đáp : - Ông muốn biết Phật, chẳng biết ấy là phải. – Đã chẳng biết Phật thì đâu biết là phải ? – Ông đã chẳng biết Phật, tại sao biết chẳng phải ? – Đây thật là nghĩa cưa. – Đó là nghĩa cây. Ông nói nghĩa cưa là thế nào ? – Tôi cùng thầy phân ra bằng nhau. Nghĩa cây của thầy nói là sao ? – Ngươi bị ta xẻ

Mã-Minh liền ngộ được thắng nghĩa của Ngài, vui thích cầu xin xuất gia. Ngài độ cho ông xuất gia và thọ giới cụ-túc

Số chúng được Ngài độ, có đến hai trăm vị chứng quả A-La-Hán, ngoài ra còn vô số người phát tâm qui kính Tam-bảo. Thấy cơ duyên giáo hóa sắp viên mãn, Ngài kêu Mã-Minh lại dặn dò :

-Ngươi nên chuyển bánh xe pháp làm vị Tổ thứ 12. Xưa đại pháp nhãn tạng của Như-Lai trao cho Tổ Ca-Diếp lần lượt truyền trao, nay ta trao cho ngươi, ngươi phải truyền tiếp . Nghe ta nói kệ :

Mê ngộ như ẩn hiển, Minh ám bất tương ly, Kim phó ẩn hiển pháp, Phi nhất diệc phi nhị .

Dịch : Mê ngộ như ẩn hiện, Tối sáng chẳng rời nhau, Nay trao pháp ẩn hiện, Chẳng một cũng chẳng hai .

Ngài truyền pháp cho Mã-Minh xong, liền hiện thần biến, rồi lặng lẽ viên tịch . Mã-Minh và đồ chúng xây tháp trùm trên chơn thân thờ Ngài .

12. - Bồ-Tát Mã-Minh (Asvaghosha)

Cuối thế kỷ thứ năm sau Phật Niết-bàn .

Bồ-Tát người nước Ba-La-Nại, hiệu Mã-Minh cũng có hiệu Công-Thắng. Vì khi Ngài sanh ra, các con ngựa đều ré lên, nên gọi là Mã-Minh. lại cũng có thuyết nói, mỗi khi Ngài thuyết pháp, các con ngựa trong chuồng ở gần đều lặng lẽ lóng nghe, khi thuyết xong chúng lại hý vang, nên gọi Ngài là Mã-Minh. Lúc chưa xuất gia, Ngài là một biện sĩ lỗi lạc, danh tiếng đồn đãi vang cả quốc nội và quốc ngoại.

Sau khi được Tổ Phú-Na-Dạ-Xa độ cho xuất gia và truyền tâm ấn, Ngài lại nổi tiếng là một nhà thuyết pháp tài tình.

Bao nhiêu tà thuyết ngoại đạo đều bị Ngài bẻ dẹp. Chính Ngài là người thắp sáng ngọn đuốc Đại-Thừa ở đầu thế kỷ thứ sáu sau Phật Niết-bàn. Ngài đi giáo hóa đến nước Hoa-Thị nơi đây ngọn đuốc pháp của Ngài càng sáng rực hơn.

Một hôm, có một ông già gầy ốm vào trong hội nghe pháp, bỗng nhiên ngã xuống đất. Ngài bảo chúng :

> -Đây là việc phi thường, sẽ có tướng lạ. Ông già kia liền biến mất. Chợt thấy dưới đất vọt lên một người con gái nhan sắc đẹp đẽ thân như màu vàng, dùng tay chỉ Ngài nói kệ :

Khể thủ trưởng lão tôn, Đương thọ Như-Lai ký, Kim ư thử địa thượng, Nhi độ sanh tử chúng .

Dịch : Cúi đầu lễ trưởng lão, Hiện nhận lời Phật ghi, Nay ở nơi xứ nầy, Độ chúng khỏi sanh tử .

Nói kệ xong, trong chớp mắt không thấy cô nữa. Ngài bảo chúng : - Giây lát đây sẽ có ngoại đạo đến đấu sức với ta.

Bỗng chốc gió mưa ầm ĩ xối xả kéo đến, khiến trời đất mịt mù. Ngài bảo :

- Đây là báo hiệu ngoại đạo sẽ đến. Ta sẽ trừ chúng. Nói xong, Ngài chỉ tay lên hư không, hiện ra con rồng vàng to lớn, phấn khởi oai thần, khiến pháp ngoại đạo tan biến .

Sau bảy ngày, có một con sâu nằm nép dưới tòa của Ngài. Ngài lấy tay nắm bắt con sâu ấy đưa cho đại chúng xem và nói : - Con sâu nầy là trá hình của ngoại đạo, đến ẩn núp nơi đây đặng nghe trộm pháp của ta . Nói xong, Ngài ném con sâu ra bảo : < đi ngay ! >. Nhưng con sâu sợ hãi nằm im không động Ngài an ủi :

- Ta không có hại ngươi. Ngươi hãy hiện lại bổn hình. Ngoại đạo liền hiện bổn hình đảnh lễ xin sám hối. Ngài hỏi :

- Ngươi tên gì ? Có bao nhiêu đồ đệ ? Ngoại đạo thưa : - Con tên Ca-Tỳ-Ma-La, có đến ba ngàn đồ đệ.

- Ngài hỏi : - Tột thần lực của ngươi biến hóa thế nào Ngoại đạo thưa : - Con hóa biển cả là việc chẳng khó.

- Ngài hỏi : - Ngươi hóa tánh biển được chăng ? Ngoại đạo mờ mịt không biết, thưa : - Lời nầy con không thể biết.

Ngài vì giải thích : - Tánh biển là núi sông quả đất đều y cứ nơi đó mà lập, tam muội lục thông do đây phát hiện.

Ngoại đạo nghe pháp ấy, liền khởi lòng tin mạnh mẽ, cùng ba ngàn đồ đệ đều cầu xin xuất gia. Ngài vì họ cho cạo đầu xuất gia, rồi triệu tập năm trăm vị thánh tăng đến làm lễ thọ giới cụ túc. Ngài bảo giới tử : - Các ngươi thú hướng Bồ-Đề sẽ thành đạo thánh. Ca-Tỳ-Ma-La quả nhiên được giới thể, phát hào quang sáng, có mùi hương lạ xông khắp.

Một hôm, Ngài gọi Ma-La đến bảo : - Đại pháp nhãn tạng của Như-Lai, nay trao cho ngươi, truyền bá chớ để đoạn dứt. Nghe ta nói kệ :**Ẩn hiển tức bổn pháp, Minh ám nguyên bất nhị, Kim phó ngộ liễu pháp, Phi thủ diệc phi khí.**

Dịch : Ẩn hiện vốn pháp này, Sáng tối nguyên không hai, Nay truyền pháp liểu ngộ, Không lấy cũng chẳng bỏ .

Truyền pháp xong, Ngài vào chánh định hiện tướng viên tịch. Ca-Tỳ-Ma-La và đồ chúng đem chơn thể của Ngài để vào khám thờ. Ngài là vị Tổ thứ 12 của Thiền-Tông, cũng là một vị pháp sư làm sáng tỏ giáo pháp Đại-Thừa. Ngài sáng tác ba bộ luận: 1-Đại-Thừa Khởi Tín Luận. 2.-Đại Tông địa huyền văn bổn luận. 3.-Sự sư pháp ngũ thập tụng. Nổi tiếng nhất là bộ Đại-Thừa Khởi Tín Luận, đến hiện giờ những nước Phật-giáo Đại-Thừa vẫn truyền dạy bộ luận nầy.

13. - Tổ Ca-Tỳ-Ma-La (Kapimala)

Đầu thế kỷ thứ sáu sau Phật Niết-bàn.

Ngài người nước Hoa-Thị, ban đầu học theo ngoại đạo, giỏi các pháp huyễn thuật, đồ chúng có đến ba ngàn. Khi đến so tài với Mã-Minh, bị Tổ hàng phục, liền cùng đồ chúng phát tâm xuất gia. Tổ Mã-Minh độ cho Ngài xuất gia, sau truyền tâm pháp. Sau khi được truyền tâm pháp, Ngài đi giáo hóa khắp nơi. Lần lượt đến nước Tây-Ấn, nơi đây có Thái-tử tên Vân-Tự-Tại rất ngưỡng mộ Ngài. Thái-Tử thỉnh Ngài và đại chúng vào cung cúng dường, Ngài từ chối bảo:

-Phật cấm Sa-môn không được gần gũi vua quan những nhà có thế lực, nên tôi không dám nhận lời. Thái-tử bạch:

-Thưa Tôn-giả ! phía Bắc thành nầy có một hòn núi lớn, trong núi có hang đá yên lặng bặt người thế tục, có thể ở nơi đó thiền định được. Tuy nhiên, trong đó có nhiều rắn và thú dữ, song tin tưởng đức cao dày của Tôn-giả sẽ chuyển hóa chúng. Ngài nhận lời, cung đồ đệ tiến thẳng đến núi ấy. Vừa đến núi nầy quả gặp một con rắn lớn dài gần một dặm, trợn mắt nhìn Ngài, Ngài vẫn đi thẳng không ngó đến nó. Ngài đi đến phía Nam chân núi dừng nghỉ chỗ đất bằng, con rắn ấy đến quấn chung quanh Ngài, Ngài cũng chẳng đoái hoài, giây lát con rắn bò đi. Ngài tìm lại chúng theo Ngài thì họ đã chạy tán loạn hết. Ngài một mình đi thẳng đến hang đá. Bỗng thấy một ông già mặc toàn đồ trắng đi ra chấp tay kính lễ Ngài, Ngài hỏi : -Ông ở đâu ? Ông già thưa : -Con xưa làm vị Tỳ-kheo rất thích vắng lặng, bực người mới học đến hỏi, nhơn đó nổi sân; bởi duyên cớ ấy khi chết đọa làm thân rắn ở trong hang nầy, đến giờ đã ngàn năm. Vừa gặpTôn-giả là bực thánh đức nên ra kính lễ. Ngài hỏi :-Núi nầy còn có người nào ở nữa chăng?

Và họ theo đạo nào ? Ngươi chỉ cho ta biết ? Ông già thưa : -Cách đây mười dặm về phía Bắc có một tàng cây thật to, dưới tàng cây có năm trăm vị nhân tài ẩn dật, vị lãnh tụ hiệu là Long-Thọ, thường vì chúng nói pháp, con cũng thường đến nghe. Ngài chờ đồ chúng tụ hội, cùng họ tiến đến phía Bắc. Vừa đến cây to, quả nhiên Long-Thọ ra nghinh tiếp Ngài. Long-Thọ vui vẻ đảnh lễ thưa Ngài :- Chỗ núi sâu vắng vẻ, nơi hang ổ của thú dữ, đại đức chí tôn sao thương xót đến đây ? Ngài đáp : -Ta không phải chí tôn, đến để phỏng vấn hiền giả. Long-Thọ lặng thinh thầm nghĩ: -Tôn-giả nầy được tánh quyết định, đạo nhãn đã sáng chưa ? Phải là người đại thánh, thừa kế chơn tông chăng ?

Ngài biết liền bảo: -Tuy tâm niệm của ngươi, ta đã biết rồi, chỉ cần xuất gia, lo gì ta chẳng phải thánh ?

Bấy giờ Long-Thọ sám hối tạ tội. Ngài độ cho xuất gia. Một hôm, Ngài gọi Long-Thọ lại bảo: -Nay ta đem đại pháp nhãn tạng của Như-Lai trao cho ngươi, ngươi phải truyền nối chớ dứt. Nghe ta nói kệ :

Phi ẩn phi hiển pháp, Thuyết thị chơn thật tế, Ngộ thử ẩn hiển pháp, Phi ngu diệc phi trí .

Dịch : Pháp không ẩn không hiển, Nói là mé chơn thật, Ngộ pháp ẩn hiển nầy, Chẳng ngu cũng chẳng trí .

Truyền pháp xong, Ngài trình thần biến rồi tịch diệt. Long-Thọ và đồ chúng hỏa táng thân Ngài, lượm xá-lợi xây tháp cúng dường .

14. - Bồ-Tát Long-Thọ (Nagarjuna)

Giữa thế kỷ thứ sáu sau Phật Niết-bàn.

Ngài cũng có tên là Long-Thắng, dòng Phạm-Chí ở miền Tây-Ấn. Thuở nhỏ, Ngài bẩm tánh thông minh; vừa nghe Phạm-Chí tụng bốn kinh Phệ-Đà là Ngài thuộc lòng văn nghĩa. Đến 20 tuổi, Ngài đi châu du khắp các nước tìm học các môn thiên văn, địa lý, toán số, sấm ký và các học thuật của ngoại đạo. Môn nào Ngài học đến đều xuất sắc hơn mọi người. Nhơn một cơ duyên chẳng lành. Ngài nhận thực được các pháp là vô thường đau khổ nên vào núi ở ẩn. Số người tìm đến cầu học với Ngài rất đông.

Sau khi gặp Tổ Ca-Tỳ-Ma-La cảm hóa, Ngài xin xuất gia được Tổ độ cho và truyền cả tâm ấn. Từ đó, Ngài vân du thuyết pháp khắp nơi, lần lượt đến miền Nam-Ấn. Dân chúng xứ nầy chỉ sùng phước nghiệp, từ Ngài đến đem pháp yếu chỉ dạy, họ tự bảo nhau :< Chỉ phước nghiệp nầy là việc tối thắng, nói về Phật tánh thì đâu thể thấy >.

Ngài nhơn đó bảo họ : -Các ngươi nếu muốn thấy được Phật tánh thì trước hết phải bỏ tâm ngã mạn đi, mới có thể thấy được. Họ hỏi Ngài : -Phật tánh lớn hay nhỏ ? Ngài đáp : -Chẳng nhỏ chẳng lớn, không rộng không hẹp, không phước không báo, chẳng chết chẳng sống. Dân chúng nghe Ngài nói tột lý, vui mừng nguyện học pháp ấy. Ngài liền ngay trên tòa hóa thân như vầng mặt trăng. Dân chúng tuy nghe thuyết pháp mà không thấy có hình Ngài. Trong ấy có con một ông nhà giàu tên là Ca-Na-Đề-Bà, khi thấy thế liền cảm ngộ.

Đề-Bà bảo dân chúng : -Biết tướng nầy chăng ? Dân chúng thưa : -Chúng tôi không thể phân biệt được. Đề-Bà nói: -Đây là Bồ-Tát thị hiện để biểu thị Phật tánh, muốn chúng ta hiểu rỏ vậy. Vô tướng tam muội giống như mặt trăng tròn là nghĩa Phật tánh rỗng rang sáng suốt. Đề-Bà nói dứt lời thì vầng trăng ẩn mất, Bồ-Tát hiện ngồi an nhiên chỗ cũ, nói kệ: **Thân hiện viên nguyệt tướng, Dĩ biểu chư Phật thể, Thuyết pháp vô kỳ hình, Dụng biện phi thinh sắc.**

Dịch : Thân hiện tướng trăng tròn, Để nêu thể các Phật, Nói pháp không hình ấy, Dùng rõ phi thinh sắc .

Toàn chúng nghe xong, đều cảm ngộ, cầu xin xuất gia. Ngài triệu tập các bậc thánh tăng đến truyền giới. Trong số xuất gia nầy, Đề-Bà là người dẫn đầu. Một quốc gia ở gần miền Nam-Ấn, có đến năm ngàn người tu theo ngoại đạo được nhiều phép lạ, Vua và quốc dân đều thọ giáo nơi họ, khiến đạo Phật mờ tối. Ngài thấy thế cảm động, bèn đổi hình thức, mặc áo trắng đợi mỗi khi vua ra thành, Ngài cầm cây cờ đi trước, hoặc ẩn hoặc hiện. Làm như thế đến bảy lần. Hôm nọ,vua lấy làm lạ kêu lại hỏi : -Ngươi là người gì dám đi trước ta, mà bắt không được, thả chẳng đi ?

Ngài đáp : -Tôi là người trí, biết tất cả việc. Vua nghe ngạc nhiên, muốn thí nghiệm nói: -Chư thiên nay đang làm gì ?

Ngài đáp : -Chư thiên đang đấu chiến với A-Tu-La. Vua hỏi :-Làm sao được biết ? Ngài đáp :-Nếu bệ hạ muốn biết chốc lát sẽ thấy chứng nghiệm. Quả nhiên, phút chốc

thấy gươm giáo tay chơn ở trên không rơi xuống. Vua và quốc dân rất kính phục Ngài, nhơn đó, Ngài chuyển họ trở lại quy y Tam-Bảo. Hôm nọ, Ngài gọi Ca-Na-Đề-Bà đến dặn dò.

-Như-Lai lấy đại pháp nhãn tạng trao cho Tổ Ca-Diếp, cho đến đời ta, nay ta trao cho ngươi. Hãy nghe kệ :

Vị minh ẩn hiển pháp, Phương thuyết giải thoát lý, Ư pháp tâm bất chứng, Vô sân diệc vô hỷ.

Dịch : Vì sáng pháp ẩn hiển, Mới nói lý giải thoát, Nơi pháp tâm chẳng chứng, Không sân cũng không hỷ.

Dặn dò xong, Ngài nhập nguyệt luân tam muội rồi hiện tướng thần biến vào Niết-bàn. Ngài sáng tác rất nhiều bộ luận để xiển dương giáo pháp Đại-Thừa :

1-Trung luận, 2-Thuận trung luận, 3-Thập nhị môn luận, 4-Đại-Thừa phá hữu luận, 5-Lục thập tụng như lý luận,

6- Đại-Thừa nhị thập tụng luận, 7-Thập bát không luận, 8-Hồi tránh luận, 9-Bồ-đề tư lương luận, 10-Bồ-đề tâm ly tướng luận, 11-Bồ-đề hạnh kinh, 12-Thích ma ha diễn luận, 13-Khuyến phát chư vương yếu kệ, 14-Tán pháp giới tụng, 15-Quảng đại pháp nguyện tụng.

Bồ-Tát Mã-Minh là người khêu mồi ngọn đèn chánh pháp đại-thừa ; chính Ngài là người thắp sáng và truyền bá khắp nơi cho đến vô tận ngọn đuốc Đại-Thừa, Những tác phẩm của Ngài, bộ Trung-Luận có giá trị nhất, đến hiện nay đã dịch ra nhiều thứ chữ để truyền bá khắp thế giới

15. - Bồ-Tát Ca-Na-Đề-Bà (Kanadeva)

Cuối thế kỷ thứ sáu sau Phật Niết-bàn.

Ngài dòng Tỳ-Xá-Ly ở Nam-Ấn. Thuở nhỏ Ngài bẩm tánh thông minh, biện tài vô ngại, Ban sơ Ngài học phong tục trong nước, ưa làm việc phước thiện. Khi Tổ Long-Thọ đến nước nầy, Ngài tìm đến yết kiến. Tổ Long-Thọ muốn thử Ngài, sai đồ đệ múc một thau nước đầy để ở trước lối vào. Ngài đi qua lấy cây kim bỏ vào, rồi thẳng đến yết kiến Tổ.

Thầy trò gặp nhau vui vẻ lãnh hội, khi Tổ Long-Thọ thuyết pháp hiện tướng vầng trăng tròn, Ngài thầm ngộ yếu chỉ. Ngài theo Tổ xuất gia và được truyền tâm ấn.

Sau khi đắc pháp, Ngài vân du khắp nơi, lần lượt sang nước Ca-Tỳ-La để giáo hóa. Trong nước nầy có ông trưởng giả tên Tịnh-Đức sanh được hai người con trai, người cả tên La-Hầu-La-Điểm, người thứ tên La-Hầu-La-Đa. Ông hằng ngày chỉ săn sóc vườn tược. Hôm nọ, một cây trong vườn nẩy sanh thứ nấm lạ, ông nhổ về ăn thử, thực ngon lành. Song chỉ ông và người con thứ hăng ngày đều nhổ được nấm ăn,ngoài ra không ai nhổ được. ông bảo con thứ: <Nấm cây nầy chỉ ta và ngươi được ăn, ắt là việc phi thường. Ước gì có ai thông hiểu giải thích cho việc này>. La-Hầu La-Đa nói kệ: **Thử mộc sanh kỳ nhĩ, Ngã thực bất khô khao, Trí giả giải thử nhơn, Ngã hồi hướng Phật đạo .**

Dịch : Cây nầy sanh nấm lạ, Con ăn rất ngon lành, Người trí giải nhơn nầy, Con xin theo Phật đạo .

Chợt gặp Bồ-Tát Đề-Bà đến nhà, cha con ông Tịnh Đức vui mừng đem việc nầy ra hỏi. Ngài dạy :-Khi xưa lúc ông hai mươi tuổi thường mời một vị Tỳ-kheo về nhà cúng dường. Vị Tỳ-kheo ấy tuy có chút ít giới hạnh mà con mắt pháp chưa sáng, tâm không thấu lý, luống nhận sự cúng dường của ông. Song vị Tỳ-kheo ấy có chút ít tu hành nên khỏi sa vào đường ác,vẫn phải làm cây sanh nấm nầy để trả nợ cho ông. Xưa khi vị Tỳ-kheo ấy đến nhà ông, trong nhà chỉ có ông và người con thứ nầy thành kính cúng dường, còn bao nhiêu người đều không vui. Vì thế, nên nấm hiện nay chỉ hai cha con ông được hưởng. Ngài lại bảo: -Ông nay được bao nhiêu tuổi ? Trưởng giả thưa: -Tôi được 79 tuổi.

Ngài nói kệ : **Nhập đạo bất thông lý, Phục thân hoàn tín thí, Nhữ niên bát thập nhất, Thử mộc diệc vô nhĩ.**

Dịch : Vào đạo không thông lý, Hoàn thân đền tín thí, Trưởng giả tuổi tám mốt, Cây nầy không sanh nấm.

Ông trưởng giả nghe nói xong,biết rõ duyên trước càng thêm thán phục, Ông thưa :-Tôi già yếu tuy muốn xuất gia e không kham theo thầy. Đứa con thứ của tôi hết lòng mộ đạo, tôi xin cho nó theo làm thị giả cho thầy, mong thầy dung nạp. Ngài hoan hỷ chấp nhận La-Hầu-La-Đa xuất gia và triệu tập các vị thánh tăng đến truyền giới.

Ngài du hóa đến nước Ba-Liên-Phất gặp lúc ngoại đạo hưng thịnh Phật pháp lu mờ. Ngài đem hết khả năng chuyển hóa ngoại đạo trở về quy y Tam-Bảo, khiến xứ nầy Phật pháp hưng thịnh lại.

Khi già yếu, Ngài gọi La-Hầu-La-Đa đến phó chúc pháp nhãn tạng và dặn dò đừng để đoạn diệt. Kế nói kệ :

Bổn đối truyền pháp nhơn, Vị thuyết giải thoát lý, Ư pháp thật vô chứng, Vô chung diệc vô thủy.

Dịch : Xưa đối người truyền pháp, Vì nói lý giải thoát, Nơi pháp thật không chứng, Không chung cũng không thủy.

Dặn dò xong, Ngài nhập định ngồi nghiêm chỉnh thị tịch. La-Hầu-La-Đa và đồ chúng xây tháp cúng dường.

Ngài là Bồ-Tát thứ ba làm nổi bật giáo lý Đại-Thừa. Những tác phẩm Ngài trước thuật :

1.-Bách luận, 2.-Bách tự luận, 3.- Đại trượng phu luận, 4.-Đề-Bà Bồ-Tát phá Lăng-Già kinh trung ngoại đạo tiểu-thừa tứ tông luận, 5.- Đề-Bà Bồ-Tát thích Lăng-Già kinh trung ngoại đạo tiểu-thừa Niết-bàn luận…

Những bộ luận trên nổi tiếng nhất là bộ Bách-luận và Đại-Trượng-Phu luận .

16. -Tổ La-Hầu-La-Đa (Rahulata)

Đầu thế kỷ thứ bảy sau Phật Niết-bàn .

Ngài dòng Phạm-Ma ở nước Ca-Tỳ-La, Thuở nhỏ đã có sẵn lòng mộ đạo. Khi lớn do cơ duyên trong vườn có cây mọc nấm, Tổ Đề-Bà giải thích nhơn do, mà Ngài được xuất gia. Sau khi được truyền tâm ấn, Ngài thống lãnh đồ chúng du hóa nhơn gian, lần lượt đến phía Nam thành Thất-La-Phiệt gặp sông Kim-Thủy. Ngài bảo chúng :

-Các ngươi biết chăng ? Vừa thấy bóng năm đức Phật hiện dưới dòng sông, ta lấy bát mút nước nếm có mùi vị lạ, ngược dòng sông nầy chừng năm trăm dặm sẽ có bực chí nhơn ở, hiệu là Tăng-Già-Nan-Đề.

Ngài bèn dẫn chúng theo ven bờ sông trở lên, quả nhiên thấy Nan-Đề đang ngồi thiền trong thất đá.Ngài và đồ chúng dừng lại xem, chờ đến bảy ngày Nan-Đề mới xuất định. Ngài hỏi Nan-Đề: -Thân ông định hay tâm ông định ?

Nan-Đề đáp: -Thân tâm đều định. –Thân tâm đều định sao có xuất nhập ? –Tuy có xuất nhập mà không mất tướng định, như vàng ở trong giếng, vàng ra ngoài giếng, thể vàng vẫn yên lặng. -Nếu vàng ở trong giếng, vàng ra ngoài giếng, thể vàng không động tịnh, thì vật gì ra vào ? -<Nơi vàng không động tịnh thì vật gì ra vào> ? Đã thừa nhận vàng ra vào mà thể vàng không động tịnh. -Nếu vàng ở trong giếng thì ra là vật gì ? –Vàng, nếu ra ngoài thì ở trong giếng không phải vàng,Vàng nếu ở trong giếng thì ra không phải vật. –Nghĩa nầy không đúng. –Lý kia chẳng nhằm. –Nghĩa nầy đã ngã. –Nghĩa kia chẳng thành. –Nghĩa kia chẳng thành mà nghĩa của ta thành. –Nghĩa ta tuy thành mà pháp không có ta. –Nghĩa ta đã thành vì ta mà không ta. –Ta mà không ta lại thành nghĩa gì ? –Vì ta không ta nên thành nghĩa của ngươi. –Nhơn giả thờ vị thánh nào mà được <không ta> ấy ? -Thầy ta là Bồ-Tát Ca-Na-Đề-Bà chứng được <không ta>. Nan-Đề tán thán : -Cúi đầu lễ Đề-Bà, người tạo thành nhơn giả. Vì nhơn giả <không ta>, tôi muốn thờ nhơn giả. Ngài bảo : -Vì ta đã <không ta>, ngươi cần thấy ta ta. Ngươi nếu thờ nơi ta, biết ta chẳng ta ta.

Nan-Đề tâm được rỗng rang liền đảnh lễ nói kệ :

Tam giới nhất minh đăng, Hồi quang nhi chiếu ngã, Thập phương tất khai lãng, Như nhật hư không trụ.

Dịch : Ba cõi một ngọn đèn, Ánh sáng soi chiếu con, Mười phương đều sáng lạng, Như mặt trời trong không.

Nan-Đề nói kệ xong,lại đảnh lễ cầu xin thế độ. Ngài bảo: -Tâm ngươi tự tại chẳng lệ thuộc vào ta,cần gì nương nhờ mà cầu giải thoát. Một hôm, Ngài gọi Nan-Đề đến bảo :-Nay ta đã già không còn ở đời bao lâu, đại pháp nhãn tạng của Như-Lai trao lại cho ngươi. Nghe ta nói kệ :

Ư pháp thật vô chứng, Bất thủ diệc bất ly, Pháp phi hữu vô tướng, Nội ngoại vân hà khởi.

Dịch : Nơi pháp thật không chứng, Chẳng giữ cũng chẳng lìa, Pháp chẳng tướng có không, Trong ngoài do đâu khởi.

Nan-Đề nghe kệ xong càng thêm cung kính, nói kệ tán thán :

Thiện tai đại thánh giả, Tâm minh du nhật nguyệt, Nhất quang chiếu thế giới, Ám ma vô bất diệt.

Dịch : Lành thay ! bậc đại thánh, Tâm sáng như nhật nguyệt, Ánh sáng chiếu thế giới, Ma tối diệt hết sạch.

Ngài ngồi trên tòa lặng lẽ thị tịch. Bốn chúng xây tháp cúng dường .

17. -Tổ Tăng-Già-Nan-Đề (Sanghanandi)

Giữa thế kỷ thứ bảy sau Phật Niết-bàn.

Ngài là hoàng-tử con vua Bảo-Trang-Nghiêm ở thành Thất-La-Phiệt. Ngài sanh chưa bao lâu đã biết nói, mà thường nói việc Phật pháp. Năm bảy tuổi, Ngài chán thú vui ở đời, cầu xin xuất gia. Ngài nói kệ xin cha mẹ :

Khể thủ đại từ phụ, Hòa nam cốt huyết mẫu, Ngã kim dục xuất gia, Hạnh nguyện ai mẫn cố .

Dịch : Cúi đầu lễ cha lành, Nép mình lạy mẹ hiền, Nay con muốn xuất gia, Xin thương xót nhận cho .

Cha mẹ cố khuyên giải không cho. Ngài phải nhịn ăn nài nỉ cho kỳ được. Cuối cùng cha mẹ thấy chí Ngài quá mạnh không sao ngăn nổi, nên cho xuất gia với điều kiện ở một ngôi nhà riêng trong hoàng cung. Vua thỉnh Sa-Môn Thiền-Lợi-Đa về dạy Phật pháp cho Ngài. Từ đây Ngài được pháp danh là Tăng-Già Nan-Đề. Ngài ở trong hoàng cung chín năm tu hành, mới được thọ giới cụ túc. Một hôm, Ngài tự cảnh tỉnh : -Ta đã thọ giới cụ túc mà còn ở trong nhà thế tục nầy sao ? Chợt một buổi chiều trời quang mây tạnh, Ngài nhìn thấy một con đường bằng phẳng, ở xa đầu kia lố dạng một ngọn núi xanh. Ngài liền cất bước nhắm hòn núi thẳng tiến. Ngài đi đến dưới núi mà trời chưa tối. Tự Ngài tìm được thất đá rồi ngồi thiền nơi ấy. Năm ấy Ngài 26 tuổi.

Sáng hôm sau, vua nghe mất Thái-tử cho người tìm kiếm khắp nơi không được. Bực mình, vua đuổi Sa-Môn Thiền-Lợi-Đa ra khỏi thành. Ngài tu thiền ở đây ngót mười năm, mới có cơ duyên gặp Tổ La-Hầu-La-Đa được truyền chánh pháp. Sau khi đắc pháp, Ngài thống lãnh đồ chúng du hóa khắp nơi làm lợi lạc quần sanh. Một hôm, Ngài bảo đồ chúng:

-Thầy ta La-Hầu-La-Đa thường nói nước Ma-Đề sẽ ra đời một vị thánh tên Già-Da-Xá-Đa nối ta truyền pháp. Nay ta và các ngươi sang nước ấy tìm. Ngài liền dẫn đồ chúng du hóa nước Ma-Đề. Đang đi trong nước nầy, bỗng có một luồng gió mát lành từ phương tây thổi đến làm mát khỏe toàn chúng, Ngài bảo chúng : -Đây là đạo đức phong, ba ngàn dặm về phía tây ắt gặp thánh nhơn. Thầy trò đi đến một hòn núi nhìn lên đảnh có áng mây năm sắc.

Ngài bảo chúng : -Trên đảnh núi có mây tía như cái lọng ắt là chỗ thánh nhơn ở. Lên đến đảnh, quả nhiên thấy một mái nhà tranh nằm bên cạnh núi. Một đứa bé cầm gương tròn, đến trước bái Ngài. Ngài hỏi : -Ngươi bao nhiêu tuổi ?

Đứa bé thưa : -Trăm tuổi. –Ngươi còn bé mà sao trăm tuổi ? –Tôi chẳng hiểu sao, chính tôi một trăm tuổi. –Ngươi có căn cơ lành chăng ? -Phật đâu không nói kệ :<Nếu người sanh trăm tuổi không hội được cơ duyên chư Phật, chẳng bằng sanh một ngày, mà được hiểu rành rõ>. –Ngươi cầm gương tròn ý muốn làm gì ? Đứa bé nói kệ :

Chư Phật đại viên giám, Nội ngoại vô hà ế, Lưỡng nhơn đồng đắc kiến, Tâm nhãn giai tương tợ.

Dịch : Chư Phật gương tròn lớn, Trong ngoài không vết che, Hai người đồng được thấy, Tâm mắt đều giống nhau .

Cha mẹ thấy đứa bé đối đáp hợp đạo như thế, đồng ý cho Ngài làm thị giả, Ngài nhận đứa bé dẫn về tịnh-xá cạo tóc thọ giới, cho hiệu là Già-Da-Xá-Đa. Một hôm, gió thổi cái linh treo trên điện Phật khua động, Ngài hỏi Xá-Đa: -Linh kêu hay gió kêu ? –Xá-Đa thưa: -Chẳng phải linh kêu, chẳng phải gió kêu, mà tâm con kêu.–Tâm ngươi là cái gì ? -Đều lặng lẽ. –Hay thay! ngươi khéo hội lý Phật, nên nói pháp yếu, nối đạo cho ta, chẳng phải ngươi còn ai ? Ngài liền nói kệ

Tâm địa bổn vô sanh, Nhơn địa tùng duyên khởi, Duyên chủng bất tương phòng, Hoa quả diệc phục nhi .

Dịch : Đất tâm vốn không sanh, Nhơn đất từ duyên khởi, Duyên giống chẳng ngại nhau, Hoa trái cũng như thế .

Nói kệ xong, Ngài nắm cành cây mà hóa. Đồ chúng bàn nhau: < Thầy ta diệt độ ở dưới tàng cây, cũng là điềm che mát cho kẻ sau >. Liền làm lễ hỏa táng tại đây .

18. -Tổ Già-Da-Xá-Đa (Gayasata)

Cuối thế kỷ thứ bảy sau Phật Niết-bàn.

Ngài họ Uất-Đầu-Lam ở nước Ma-Đề, cha hiệu Thiên-Cái, mẹ là Phương-Thánh. Bà Phương-Thánh thọ thai,một đêm mộng thấy có người cầm cái gương báu đến nói: <Tôi đến >. Bà chợt tỉnh giấc, nghe toàn thân nhẹ nhàn thanh thản, khác hơn ngày thường. Trong nhà có mùi hương lạ, vài lằn hào quang xuất hiện. Bảy ngày sau, Bà sanh ra Ngài.

Thân Ngài trong sáng giống như lưu-ly. Ngài thích chỗ vắng vẻ, nói ra những lời siêu việt. Nhà cha mẹ Ngài ở trên núi Bảo-Lạc-Ca. Sau khi Ngài ra đời, ngôi nhà nầy luôn luôn có áng mây tía che đậy trên không. Tổ Tăng-Già-Nan-Đề nhơn thấy áng mây ấy, tìm đến gặp Ngài. Từ đó, Ngài theo làm đệ tử Tổ

Về sau, Ngài được Tổ truyền tâm ấn và thống lãnh đồ chúng. Tùy duyên, Ngài đi vân du khắp nơi để giáo hóa làm lợi ích cho quần sanh. Khi tuổi đã già, Ngài du hóa đến nước Nguyệt-Chí. Trong nước nầy có người dòng Bà-La-Môn tên Cưu-Ma-La-Đa tuổi được 30 tu theo ngoại đạo, chủ thuyết tự nhiên. Ông có nuôi một con chó, mỗi khi ăn xong, con chó ra hành lang dưới tấm rèm nằm. Có những khi mưa gió ướt cả mình, mà nó vẫn nằm đó. Người nhà sợ nó lạnh đuổi đi chỗ khác, rồi nó cũng trở lại chỗ đó nằm. Ông Cưu-Ma-La-Đa lấy làm lạ, đem việc đó hỏi thầy ông, nhưng không giải được điều gì. Ông mong có dịp gặp những bậc tu hành đạo đức cao cả để nhờ giải nghi.

Ngài cùng đồ chúng đi đến gần nhà người Bà-la-môn nầy, bỗng thấy khí đại thừa xông lên. Ngài dừng lại bảo chúng:

-Khí nầy nếu vòng tròn như khoen đeo tai là có Bồ-Tát bên cạnh. Nay khí nầy tương tợ vòng tròn ắt có thánh nhơn gần đây. Thầy trò đi đến một đỗi, bỗng có người Bà-la-môn đến hỏi thị giả: <Thầy đây là người gì ?> Thị giả đáp: <Là đệ tử Phật>. Người ấy liền chạy thẳng vào nhà đóng cửa lại. Ngài đi theo đến nơi gõ cửa. Trong nhà nói vọng ra rằng:

-Nhà nầy không có người. –ngài hỏi: -Đáp không người đó là ai ? Cưu-Ma-La-Đa nghe nói bèn có vẻ lạ, nghi là bậc đạo hạnh bèn mở cửa. Ra thấy Ngài, ông chào và thỉnh ngồi ghế giữa, đoạn đem nghi vấn về con chó ra hỏi.

Ngài giải thích: -Con chó nầy là cha của ông, bởi có chút ít nghiệp nên đọa làm súc sanh. Xưa kia cha ông đem cả ngàn đính vàng để trong cái hũ lén chôn dưới rèm. Đến khi người chết, chưa gặp ông để trối lại, vì còn tiếc của nầy nên sanh ra làm chó để gìn giữ. Nếu ông đào được, ắt nó sẽ bỏ đi. Cưu-Ma-La-Đa liền cho người đào chỗ con chó nằm, quả nhiên được hũ vàng đúng như lời Ngài nói. Ông hết lòng kính phục phát nguyện xuất gia. Ngài hoan hỷ chấp nhận làm lễ xuất gia thọ giới và cho làm thị giả. Thấy cơ duyên đã mãn, Ngài kêu Cưu-Ma-La-Đa đến dặn dò: -Xưa Như-Lai đem đại pháp nhãn trao cho Tổ Ca-Diếp truyền lần đến ta, nay ta truyền lại cho ngươi. Ngươi nghe ta dạy:

Hữu chủng hữu tâm địa, Nhơn duyên năng phát manh, Ư duyên bất tương ngại, Đương sanh sanh bất sanh.

Dịch: Có giống có đất tâm, Nhơn duyên hay nẩy mầm, Đối duyên chẳng ngại nhau, Chính sanh, sanh chẳng sanh..

Cưu-Ma-La-Đa cung kính vâng dạy, đảnh lễ thọ lãnh. Ngài dùng mười tám phép thần biến rồi vào viên tịch. Đồ chúng hỏa táng và lượm xá-lợi xây tháp cúng dường .

19. -Tổ Cưu-Ma-La-Đa (Kumarata)

Đầu thế kỷ thứ tám sau Phật Niết-bàn.

Ngài dòng Bà-la-môn ở nước Nguyệt-Chí. Gia đình Ngài trước kia giàu có, song cha Ngài vì bịnh tham tiếc chỉ một bề bo bo giữ của. Nhơn việc con chó nằm ngoài rèm, gặp Tổ Già-Da-Xá-Đa giải nghi, Ngài phát tâm theo đạo Phật, xuất gia thọ giới. Sau khi được được Tổ Xá-Đa phó chúc và truyền tâm pháp, Ngài đi vân du khắp nơi để hoằng pháp lợi sanh. Ngài đi giáo hóa đến miền Trung-Ấn, trên đường gặp một du khách tên Xà-Dạ-Đa đến lễ bái Ngài, Ông hỏi:

-Nhà con cha mẹ đều kính Tam-Bảo tu hành đúng pháp, mà sao nhiều bệnh hoạn, làm việc gì thất bại việc ấy. Hàng xóm gần nhà con, có người hung bạo giết hại làm ác càng ngày càng nhiều, mà thân thể khỏe mạnh, ra làm việc đều được như ý. Như vậy, nhơn quả nghiệp báo đâu không phải nói suông ư ? Con rất nghi lẽ nầy, mong Ngài giải nghi.

Ngài bảo: -Phật nói nghiệp báo thông cả ba đời, bởi do đời trước tạo nghiệp lành nên đời nầy hưởng quả lành. Dù đời nầy có làm ác thì quả ác sẽ chịu ở đời sau. Cho nên, có người đời nầy tuy làm lành mà đời nầy không hưởng được quả lành, vì nghiệp ác trước mạnh hơn. Có người đời nầy tuy làm ác mà không chịu quả ác, vì nghiệp lành trước mạnh hơn. Nếu do đời nầy không được quả lành, rồi lại tạo ác, thì đời sau càng sa vào đường ác. Nếu do đời nầy được quả lành, rồi lại tạo lành, thì đời sau càng tiến trên đường lành. Lại, có người đời trước làm lành được nửa đời, đổi sang làm ác, đến đời nầy nửa đời trước hưởng phước, nửa đời sau mắc họa.

Hiện nay cha mẹ ông và người hàng xóm lẽ báo ứng thiện ác cũng giống như thế, bởi nghiệp đời trước chiêu cảm nên vậy. Đâu thể căn cứ trong hiện đời mà hiểu được ? -Dạ-Đa nghe giải liền tan hết nghi ngờ. Ngài dạy thêm:

-Tuy ông đã tin nghiệp ba đời, mà chưa rõ nghiệp từ hoặc sanh, hoặc nhơn thức có, thức y nơi bất giác, bất giác y nơi tâm. Song tâm vốn thanh tịnh, không sanh diệt, không tạo tác, không báo ứng, không hơn kém, lặng lẽ linh thông. Ông nếu vào pháp môn nầy có thể đồng với chư Phật, tất cả thiện, ác, hữu vi, vô vi, đều như mộng huyễn. Dạ-Đa nghe được lời nầy liền phát huệ đời trước, bèn xin xuất gia. Ngài hỏi: -Ông người xứ nào ? Cha mẹ còn chăng ? Nếu thật tâm cầu đạo, nên trở về nhà xin với cha mẹ, xin xong trở lại cũng chẳng muộn. Dạ-Đa thưa: -Con là người Bắc-Ấn, cách đây hơn ba ngàn dặm, đâu thể trở lại được. Xin thỉnh Ngài đến xứ con, cho gia đình con cúng dường và nhơn đó con được xuất gia. Ngài bằng lòng, thầy trò và đồ chúng đồng sang Bắc-Ấn. Đến nhà, Dạ-Đa xin phép cha mẹ được xuất gia. Ngài làm lễ xuất gia và truyền giới cụ túc cho Dạ-Đa tại một ngôi tháp cổ, nơi quê hương của Dạ-Đa. Một hôm, Ngài gọi Dạ-Đa đến dặn dò: -Xưa Phật ghi rằng ngươi sẽ làm Tổ thứ hai mươi, nay ta trao pháp nhãn tạng cho ngươi, ngươi khéo giữ gìn và truyền bá. Nghe ta nói kệ:

Tánh thượng bổn vô sanh, Vị đối cầu nhơn thuyết, Ư pháp ký vô đắc, Hà hoài quyết bất quyết.

Dịch: Trên tánh vốn không sanh, Vì đối người cầu nói, Nơi pháp đã không được, Đâu cần giải chẳng giải. -Lại dặn: -Kệ nầy là lời diệu, do Như-Lai thấy tánh thanh tịnh nói ra, ngươi nên vâng giữ. Dạ-Đa cung kính đảnh lễ vâng dạy. Ngài ngồi ngay trên tòa chấp tay hở ra như hoa sen nở, phóng hào quang sáng suốt soi khắp trong chúng, rồi yên lặng thị tịch. Toàn chúng xây tháp phụng thờ.

20. -Tổ Xà-Dạ-Đa (Jayata)

Giữa thế kỷ thứ tám sau Phật Niết-bàn.

Ngài người Bắc-Ấn, trước đã sẵn lòng mến đạo, thông hiểu đạo lý. Nhơn du lịch miền Trung-Ấn gặp Tổ Cưu-Ma-La-Đa, Ngài nhờ giải nghi, rồi phát tâm xuất gia. Sau được truyền tâm ấn. Ngài thống lãnh đồ chúng du hóa các nước, lần lượt đến thành La-Duyệt. Trong thành nầy hiện có số đông chúng tăng học đạo. Nghe tin Ngài đến, họ đua nhau đến yết kiến. Chúng đến trước nhất,người lãnh đạo là Bà-Tu-Bàn-Đầu. Ông nầy tu hành tinh tấn suốt ngày đêm không nằm và sáu thời lễ bái,mặc y vá, ăn một bữa, lòng đạm bạc không mong cầu. Đồ chúng nhơn đó rất kính trọng ông.

Ngài gọi đồ chúng bảo: -Người khổ hạnh tu hành thanh tịnh nầy (Bà-Tu-Bàn-Đầu) có thể được Phật đạo chăng ?

Chúng đáp: -Thượng nhơn nầy tu hành tinh tấn như thế, đâu không được đạo. Ngài bảo: -Người nầy cùng đạo xa vậy.

Dù khổ hạnh trải qua nhiều kiếp, chỉ giúp cho gốc vọng, đâu thể chứng đạo ? Chúng hỏi: -Nhơn giả chứa đựng được pháp gì mà chê thầy tôi ? Ngài đáp: -Ta chẳng cầu đạo cũng chẳng điên đảo, ta chẳng lễ Phật cũng chẳng khinh mạn,ta chẳng ngồi mãi cũng chẳng lười biếng, ta chẳng biết đủ cũng chẳng tham cầu. Bà-Tu-Bàn-Đầu nghe lời nầy vui vẻ nói bài kệ tán thán: **Khể thủ tam muội tôn, Bất cầu ư Phật đạo, Bất lễ diệc bất mạn, Tâm bất sanh điên đảo, Bất tọa bất giải đải, Đãn thực vô sở hảo, Tuy hoãn nhi bất trì, Tuy cấp nhi bất tháo, Ngã kim ngộ chí tôn, Hòa nam y Phật giáo** *Dịch*: Đảnh lễ tam muội lớn, Chẳng cầu được Phật đạo, Chẳng lễ cũng chẳng khinh, Tâm chẳng sanh điên đảo, Chẳng ngồi chẳng lười biếng, Chỉ ăn không cần ngon, Tuy hoãn mà không chậm, Tuy gấp mà chẳng thô, Nay con gặp chí tôn, Cúi đầu vâng Phật dạy.

Ngài bảo chúng: -Người tu hạnh đầu đà nầy, bọn ngươi không thể bì kịp. Vì ông ấy kiếp trước tu hạnh bất khinh nên mới được như vậy. Vừa rồi,ta chê ông, bởi thấy ông đạo tâm tha thiết, sợ e như sợi đờn thẳng quá phải đứt nên ta không khen ông, muốn ông tiến đến chỗ vô sở đắc và dừng trụ nơi đất An-Lạc. Ngài lại gọi Bàn-Đầu hỏi: -Ta nói trái ý ông,

tâm ông được chẳng động chăng ? Bàn-Đầu thưa: -Đâu dám động tâm. Tôi nhớ bảy đời về trước sanh cõi An-Lạc, vì mộ đạo nên thờ trí giả Nguyệt-Tịnh làm thầy. Thầy Nguyệt-Tịnh dạy tôi: <Không bao lâu nữa ngươi sẽ chứng quả Tư-Đà-Hàm, nên siêng năng tinh tiến. Phàm tu hành như trèo lên cao, phải cố gắng tiến lần lên, không cho sụt xuống. Nếu lỡ có sụt, muốn trèo lên lại càng khó >. Lúc đó, tôi đã tám mươi tuổi, nương gậy mới có thể đi được. Khi ấy, gặp Bồ-Tát Đại-Quang-Minh ra đời, tôi muốn đến lễ Ngài, bèn đi đến tịnh-xá, lễ bái xong trở về. Chợt gặp thầy Nguyệt-Tịnh quở trách tôi: <Dốt quá, tại sao ông lại khinh cha trọng con ? Hôm trước, ta thấy ông sắp được chứng quả, hôm nay đã mất>. Khi ấy, tôi tự cho là không có lỗi, nên không phục những lời quở ấy. Tôi cầu xin thầy Nguyệt-Tịnh chỉ lỗi cho tôi.Thầy Nguyệt-Tịnh dạy: -< Vừa rồi, ngươi đến đảnh lễ Bồ-Tát Đại-Quang tại sao lại dựng cây gậy vào mặt Phật vẽ trên vách, Ngươi do lỗi nầy nên sụt quả vị >. Tôi nhớ kỹ lại, thật đúng như lời thầy Nguyệt-Tịnh quở. Từ đó về

sau, phàm có nghe lời nào, chẳng dám không tin. Dù bị những lời chửi mắng vẫn coi như gió thổi ngoài tai. Huống là, nay Tôn-giả dùng chánh pháp chỉ dạy thì đâu dám phiền buồn. Cúi xin đấng đại từ thương xót đem đạo mầu chỉ dạy cho con.

Ngài liền dạy: -Đại pháp nhãn tạng của Như-Lai, nay ta trao cho ngươi, ngươi nên truyền bá chớ để dứt mất. Nghe ta nói kệ: **Ngôn hạ hiệp vô sanh, Đồng ư pháp giới tánh, Nhược năng như thị giải, Thông đạt sự lý cánh .**

Dịch: Nói ra hợp vô sanh, Đồng cùng tánh pháp giới, Nếu hay hiểu như thế, Suốt thông sự lý tột .

Bà-Tu-Bàn-Đầu lễ bái vâng lệnh. Ngài ngồi ngay trên tòa lặng lẽ qui tịch. Chúng hỏa táng thu xá-lợi xây tháp thờ .

21. -Tổ Bà-Tu-Bàn-Đầu (Vasubandhu)

Cuối thế kỷ thứ tám sau Phật Niết-bàn.

Ngài họ Tỳ-Xá-Khư ở nước La-Duyệt, cha hiệu Quang-Cái, mẹ là Nghiêm-Nhất. Nguyên gia đình ông Quang-Cái giàu có mà không con. Hai ông bà đồng đi lễ tháp Phật ở phía Bắc thành La-Duyệt để cầu con. Sau đó, bà mộng thấy nuốt hai hạt châu một sáng một tối. Kế bà biết mình có thai. Một hôm, có vị A-La-Hán hiệu Hiền-Chúng đến nhà. Ông Quang-Cái ra đảnh lễ. Đến lượt bà ra lễ, Tôn-giả Hiền-Chúng liền tránh qua một bên ra vẻ cung kính đáp lại. Ông Quang-Cái lấy làm lạ hỏi: -Tôi là trượng phu đảnh lễ Tôn-giả chẳng nhượng, tại sao vợ tôi là phụ nữ mà Tôn-giả lại kính nhượng ? Tôn-giả Hiền-Chúng đáp: -Bởi ông là phàm phu nên tôi nhận ông lễ, còn vợ ông đang mang thai Bồ-Tát là bậc pháp khí thượng thừa nên tôi cố tránh, không phải tôi trọng nữ khinh nam.

Ông Quang-Cái tạ lỗi thưa: -Tôn-giả là bậc thánh nhơn hay biết việc chưa đến. Sau quả nhiên bà Nghiêm-Nhất sanh được hai người con trai một lượt. Người con lớn đặt tên là Bà-Tu-Bàn-Đầu tức là Ngài. Thuở bé, Ngài ý chí siêu việt, đến 15 tuổi xin xuất gia với A-La-Hán Quang-Độ. Khi thọ giới được Bồ-Tát Tỳ-Bà-Ha truyền cho. Ngài mộ hạnh của Tổ Ca-Diếp nên tập tu theo hạnh đầu-đà. Lúc gặp Tổ Xà-Dạ-Đa kích khởi phát sanh đại huệ và được truyền pháp.

Ngài thống lãnh đồ chúng du hóa khắp nơi, lần lượt đến nước Na-Đề. Vua Na-Đề tên là Thường-Tự-Tại, sanh được hai người con trai. Người con lớn là Ma-Ha-La đã 40 tuổi, người con thứ là Ma-Noa-La được 30 tuổi. Khi Ngài đến nước nầy, vua thỉnh vào cung cúng dường. Vua hỏi Ngài: -Phong tục nước tôi chắc không bằng phong tục thuần mỹ ở thành La-Duyệt ? Ngài đáp: -Ở thành La-Duyệt xưa kia có phước đức được ba đức Phật ra đời, ở nước nầy hiện có hai vị hiền sĩ làm phước báo. Vua hỏi: -Hai vị hiền là ai ? Ngài đáp: -Xưa Phật thọ ký rằng: < Gần một nghìn năm sau ta Niết-bàn, có một thần lực đại sĩ ra nối truyền chánh pháp tại nước Na-Đề tên là Ma-Noa-La >, là con thứ hai của bệ hạ.

Còn bần tăng tuy đức mỏng cũng đảm đang một vị vậy. Vua nghe hoan hỷ gọi thái-tử Ma-Noa-La đến, bạch với Ngài:

Con tôi đây đã được Phật thọ ký, cúi xin Tôn-giả nhận cho nó xuất gia. Ngài bảo: -Vị hoàng tử nầy nếu không phải tôi làm thầy, sau nầy không ai độ được. Ngài liền triệu tập thánh chúng vào hoàng cung làm lễ xuất gia thọ giới cho Ma-Noa-La. Ma-Noa-La rất hoan hỷ được thọ lãnh giới pháp. Sau đó, Ngài dẫn Ma-Noa-La sang hóa đạo nước khác.

Một hôm, Ngài gọi Ma-Noa-La lại bảo: -Đại pháp nhãn tạng của Như-Lai nay giao phó cho ngươi, ngươi phải gìn giữ truyền bá. Nghe ta nói kệ: **Bào huyễn đồng vô ngại, Vân hà bất ngộ liễu, Đạt pháp tại kỳ trung, Phi kim diệc phi cổ.**

Dịch: Bọt huyễn đồng không ngại, Tại sao chẳng liễu ngộ, Đạt pháp ngay trong ấy, Chẳng xưa cũng chẳng nay .

Truyền pháp xong, Ngài đang ngồi trên tòa, bỗng thân vượt lên hư không, ngồi yên trên ấy. Bốn chúng quỳ bạch:

< Chúng con muốn thờ xá-lợi, xin Tôn-giả cho chúng con được thiêu lấy xá-lợi >. Thân Ngài liền hạ xuống ngồi yên chổ cũ. Chúng thiêu lượm xá-lợi phụng thờ .

22. -Tổ Ma-Noa-La (Manorhita)

Đầu thế kỷ thứ chín sau Phật Niết-bàn.

Ngài dòng Sát-Đế-Lợi ở nước Na-Đề, cha là Thường-Tự-Tại vua nước nầy. Ngài là con thứ ba của vua, khi sanh ra có nhiều điềm lạ, nên vua không dám lấy việc thế tục ràng buộc. Khi gặp Tổ Bà-Tu-Bàn-Đầu, Ngài được 30 tuổi, vua cha cho phép xuất gia theo Tổ. Sau Ngài được Tổ truyền tâm pháp.

Ngài sang Tây-ấn giáo hóa. Vua nước nầy họ Cù-Đàm tên Đắc-Độ hằng sùng Phật pháp tinh tấn tu hành. Bảy năm hành đạo tại Long cung. Một hôm, bỗng hiện một bảo tháp xanh huyền bề cao một thước tư, ngay chổ vua tu hành.Vua đích thân lại bưng lên để thờ, nhưng bưng không nổi, lính hộ vệ họp lực nhắc lên cũng không lay chuyển. Sau cùng vua phải mở đại hội triệu tập tất cả lực sĩ, tăng sĩ, phạm-chí, chú-thuật…để hỏi nguyên nhơn bảo tháp xuất hiện và dời lên thờ. Trong cuộc hội nầy, Ngài cũng đến dự. Trước tiên những lực sĩ ra sức nhắc tháp lên không lay động. Kế các nhà chú-thuật dùng thần chú cũng bất lực. Sau cùng Ngài Ma-Noa-La bước ra giải thích: -Tháp nầy do vua A-Dục tạo ra để thờ xá-lợi của Phật. Bốn mặt đều có chạm hình tiền thân Phật Thích-Ca khi còn làm hạnh Bồ-Tát. Ngày nay do đại-vương có duyên phước lớn nên tháp nầy mới hiện. Nói xong, Ngài lại nhắc bảo tháp để trên bàn thờ.Vua và toàn chúng hết lòng kính phục. Vua thưa: -Xin Tôn-giả dạy cho chúng tôi những Phập pháp gì cần học ? Ngài bảo:-Muốn học Phật pháp phải bỏ ba vật và đủ bảy việc. Vua thưa: -Ba vật gì phải bỏ và đủ bảy việc gì ? Ngài đáp: -Tham, sân, si là ba vật phải bỏ. Đủ bảy việc là: 1)- đại từ, 2)- hoan hỷ, 3)- vô ngã, 4)-dõng mãnh, 5)- nhiêu ích, 6)- hàng ma, 7)- vô chứng.

Vua Đắc-Độ nghe xong cảm ngộ, rất tiếc mình được hiểu quá muộn. Tự than: < Bậc chí thành khó gặp, sự vui trong đời có gì lâu dài !> Vua cho đòi thái tử đến giao hết việc nước, xin theo Ngài xuất gia học đạo. Ngài triệu tập các vị thánh chúng đến hoàng cung làm lễ xuất gia và truyền giới cho vua. Xuất gia tu không bao lâu, vua Đắc-Độ chứng được quả thánh. Ngài dạy Đắc-Độ ở lại trong nước giáo hóa, còn Ngài sang nước Nguyệt-Chi tìm người kế truyền.

Ngài Ma-Noa-La và tăng chúng đến nước Nguyệt-Chi. Vua nước nầy là Bảo-Ấn và Tỳ-kheo Hạc-Lặc-Na đồng đón tiếp, thỉnh về nội cung. Hạc-Lặc-Na đem việc Long-Tử hỏi trước: -Thưa Tôn-giả ! tôi có một đứa đệ tử tên Long-Tử tuổi tuy còn nhỏ mà thông minh tuyệt vời. Tôi thường nhập định tìm nguyên nhơn đời trước mà không thấy manh mối, hôm nay gặp đây xin Tôn-giả chỉ dạy cho ? Ngài hỏi: -Ông nhập định quán thấy được mấy kiếp ? Hạc-Lặc-Na thưa: -Tôi chỉ thấy được ba đời. Ngài bảo: -Đệ tử của ông trong kiếp thứ năm đã sanh trong nhà Bà-la-môn giàu có tại nước Diệu-Hỷ. Khi ấy, trong nước có ngôi chùa mới khánh thành cái đại hồng chung. Con ông Bà-la-môn nầy dùng gỗ chiên đàn tiện cái chày dộng chuông cúng chùa. Nhờ chày nầy giúp cho người được nghe chuông thức tỉnh. Bởi quả báo ấy, nên nay nó sanh ra được thông minh. Hạc-Lặc-Na lại hỏi: -Riêng tôi không biết duyên gì mà cảm được bầy hạc thường theo, xin Tôn-giả chỉ dạy ? Ngài bảo:-Xưa ông trong kiếp thứ tư làm vị Tỳ-kheo đạo đức được đầy đủ,có đến 500 đệ tử

mỗi khi Long cung thỉnh ông cúng dường, ông xét trong hàng đệ tử không có người đủ phước đức thọ Long cung cúng nên ông chỉ đi một mình. Nhóm đệ tử bất mãn nói: < Thầy thường thuyết pháp nói: đối sự ăn uống bình đẳng, đối với pháp cũng bình đẳng, mà nay thầy đi thọ trai một mình !> Sau Long cung thỉnh, ông đều cho chúng đi theo. Bởi họ chưa đủ đức mà nặng về sự ăn uống, nên sau khi tịch diệt, chúng ấy lần lượt chết sanh trong loài có cánh. Đã trải qua năm kiếp, nay họ lại làm thân hạc. Do nhơn duyên thầy trò kiếp trước nên nay chúng cảm mến ông. Hạc-Lặc-Na cảm động, lại hỏi: -Nay phải tu pháp gì để giúp chúng trở lại làm người ? Ngài bảo: -Ta có pháp bảo vô thượng, là kho tàng Như-Lai, Thế-Tôn xưa trao cho Tổ Ca-Diếp lần lượt đến ta, nay ta trao cho ông, ông nên truyền bá chớ nên để dứt mất

Nghe ta nói kệ: **Tâm tùy vạn cảnh chuyển, Chuyển xứ thật năng u, Tùy lưu nhận đắc tánh, Vô hỷ diệc vô ưu .**

Dịch: Tâm theo muôn cảnh chuyển, Chổ chuyển thật kín sâu, Theo dòng nhận được tánh, Không mừng cũng không lo

Hạc-Lặc-Na vui vẻ kính vâng phụng hành. Ngài truyền pháp xong, ngay chỗ ngồi lặng lẽ thị tịch. Chúng hỏa táng và lượm xá-lợi xây tháp thờ .

23. -Tổ Hạc-Lặc-Na (Haklena)

Giữa thế kỷ thứ chín sau Phật Niết-bàn

Ngài dòng Bà-la-môn sanh tại nước Nguyệt-Chi, cha hiệu Thiên-Thắng, mẹ là Kim-Quang. Ông Thiên-Thắng đã lớn tuổi mà không con. Một hôm, ông đến trước Kim-Tràng thờ bảy đức Phật dâng hương lễ bái cầu con. Một hôm, bà Kim-Quang nằm mộng thấy một vị thần đứng trên ngọn núi Tu-Di tay cầm vòng ngọc nói với bà: <Ta lại đây>. Khi thức giấc, bà biết có thai. Khi Ngài được bảy tuổi đi chơi trong xóm, thấy một ngôi miếu thờ thần, dân gian hằng ngày giết các súc vật đến dâng cúng. Ngài đi thẳng vào miếu quở: -Khéo bày đặt sự họa phước mà lừa gạt dân chúng, hằng năm làm hao phí của nhơn dân, tổn hại sinh mạng loài vật quá nhiều ! Ngài quở xong, ngôi miếu bị sụp đổ. Dân chúng trong làng gọi Ngài là ông thánh con.

Hai mươi tuổi, Ngài xuất gia tu theo Phật giáo. Ngài ở ẩn trong đám rừng xanh ngót chín năm, chỉ làm bạn với bầy hạc và chuyên tụng kinh Đại-Bát-Nhã. Năm ba mươi tuổi, Ngài gặp Tổ Ma-Noa-La và được truyền tâm ấn. Ngài dẫn chúng du hóa miền Trung-Ấn. Ông vua sứ nầy tên Vô-Úy-Hải rất sùng mộ Phật giáo. Vua thỉnh Ngài vào cung thuyết pháp cho vua nghe.Vua nghe Ngài thuyết pháp rất hoan hỷ. Ngài có đệ tử ưu tú nhất là Long-Tử. Long-Tử rất thông minh, mà mạng yểu. Long-Tử mất, cha mẹ và anh là Sư-Tử đến làm lễ hỏa táng, song dời quan tài không được. Sư-Tử lấy làm lạ hỏi Ngài: -Toàn chúng tận lực dỡ lên, tại sao không nổi ? Ngài đáp: -Lỗi tại nơi ngươi vậy. Sư-Tử hỏi: -Tôi có lỗi gì ? Xin Tôn-giả nói cho tôi biết ? Ngài bảo: -Ngươi xưa theo Bà-la-môn, em ngươi đi xuất gia, hai bên xa cách.

Em ngươi hai năm ngày đêm nhớ thương, muốn làm phước giúp cho ngươi, bảo thầy ngươi đấp một tượng Phật, đã lâu mà chưa hoàn bị. Ngươi vì ghét nên đem tượng Phật ném xuống đất. Bây giờ, ngươi đi về thỉnh tượng Phật để trên bàn lại, thì quan tài sẽ dời được. Sư-Tử làm y như Ngài dạy, quả nhiên quan tài dời đi dễ dàng. Kế đến thầy của Sư-Tử tịch. Ông cảm thấy buồn bã, nghiệm lại lời Ngài nói, bèn đến xin xuất gia theo Phật làm đệ tử Ngài.

Sư-Tử hỏi Ngài: -Bạch thầy ! con muốn dụng tâm cầu đạo, phải dụng tâm nào ? Ngài đáp: -Không có chổ dụng tâm. Đã không dụng tâm làm sao làm Phật sự ? –Ngươi nếu có dụng thì chẳng phải công đức. Nếu ngươi không làm tức là Phật sự. Cho nên kinh nói: < Ta ra làm công đức, mà không có cái ta làm >. Sư-Tử nghe nói liền phát sanh trí huệ Phật.

Ngài chỉ hướng Đông-Bắc hỏi Sư-Tử: -Ngươi thấy gì chăng ? Sư-Tử thưa: -Con thấy. –Ngươi thấy cái gì ? –Con thấy hơi trắng xông lên giống như cái mống bao khắp trời đất, lại có hơi đen năm lằn xẹt như cây thang lên trời Đạo-Lợi.

-Ngươi thấy hơi ấy, có biết ứng điềm gì chăng ? –Con không biết ứng điềm gì, xin thầy dạy cho. -Cuối năm chục năm sau khi ta diệt độ, tai nạn sẽ phát khởi ở Bắc-Ấn ngươi nên biết đó. Sư-Tử thưa: -Con muốn du phương, thỉnh thầy chỉ dạy. Ngài bảo: -Nay ta đã già,

giờ Niết-bàn sắp đến, đại pháp nhãn tạng của Như-Lai giao lại cho ngươi, ngươi đến nước khác. Song nước ấy có tai nạn mà liên hệ đến thân ngươi. Ngươi phải dè dặt, truyền trao sớm chớ để đoạn mất. Nghe ta nói kệ: **Nhận đắc tâm tánh thời, Khả thuyết bất tư nghì, Liễu liễu vô khả đắc, Đắc thời bất thuyết tri .**

Dịch : Khi nhận được tâm tánh, Mới nói chẳng nghĩ bàn, Rõ ràng không chỗ được, Khi được không nói biết .

Truyền pháp xong, Ngài phi thân lên hư không làm mười tám pháp thần biến, rồi trở lại chỗ ngồi lặng lẽ thị tịch

24. -Tổ Sư-Tử (Aryasimha)

Cuối thế kỷ thứ chín sau Phật Niết-bàn

Ngài dòng Bà-la-môn người Trung-Ấn. Thuở nhỏ Ngài rất thông minh, tài hùng biện xuất chúng. Ngài có người em tên Long-Tử cũng thông minh như thế. Trước Ngài thọ giáo với thầy Bà-la-môn, em Ngài lại xuất gia tu theo Phật giáo.

Khi Long-Tử tịch, Ngài có cơ hội gặp Tổ Hạc-Lặc-Na và hồi đầu thọ giáo với Tổ. Khi Tổ sắp tịch truyền tâm pháp lại cho Ngài. Ngài sang nước Kế-Tân hoằng hóa. Trong nước nầy trước có vị Sa-môn tên Bà-Lợi-Ca, chuyên tập thiền quán Tiểu-thừa. Môn đồ của Bà-Lợi-Ca, sau lại chia làm năm phái:1) -Thiền-định, 2) –Tri-kiến, 3) -Chấp-tướng, 4)Xã-tướng, 5)-Tịnh-khẩu. Họ tranh nhau dành phần hơn. Ngài đến các phái ấy, dùng biện tài vô ngại chiết phục được bốn phái. Duy phái Thiền-định người cầm đầu là Đạt-Ma-Đạt, hay tin nầy tức giận tìm đến cật vấn Ngài.

Vừa gặp Ngài, Đạt-Ma-Đạt nói: -Muốn gặp nhau vấn nạn mới đến đây. Ngài hỏi: -Nhơn giả tập định sao lại đến đây ? Nếu có đến đây thì đâu phải thường tập định ? Ma-Đạt nói: -Tôi đến chỗ nầy mà tâm cũng không loạn, định tùy người tập đâu phải tại chỗ nơi. Ngài hỏi: -Nhơn giả lại đây thì cái tập kia cũng đến. Đã không phải chỗ nơi thì đâu tại người tập ? Ma-Đạt nói: -Vì định tập người, chẳng phải người tập định. Tuy tôi có đi lại mà cái định ấy vẫn thường tập. Ngài hỏi: -Người chẳng tập định, vì định tập người. Vậy chính khi người đi lại, thì cái định ấy tập ai ? Ma-Đạt nói: -Như hạt minh châu sạch, trong ngoài không bị che, nếu định được thông đạt cũng lại như thế. Ngài bảo: -Nếu định thông đạt giống như hạt minh châu. Nay thấy nhơn giả không thể sánh được với hạt minh châu. Ma-Đạt nói: -Hạt châu kia sáng suốt trong ngoài đều định. Tâm tôi không loạn ví như hạt châu ấy. Ngài bảo: -Châu kia không có trong ngoài, nhơn giả làm sao hay định ? Vật nhơ chẳng giao động, định nầy chẳng phải sạch. Đạt-Ma-Đạt biết nghĩa mình bị bẽ gãy, càng kính phục, đảnh lễ bạch Ngài: -Con học đạo còn sơ suyển, nếu không được lời chỉ dạy của Tôn-giả làm sao biết được chỗ tột. Cúi xin Tôn-giả thương xót nhận con làm học trò. Ngài dạy thêm: -Thiền-định của chư Phật không có sở đắc. Giác đạo của chư Phật không có sở chứng. Không đắc không chứng là chơn giải thoát. Đền nhơn trả quả là nghiệp báo của thế gian, ở trong pháp nầy (chơn giải thoát) ắt chẳng như thế. Ngươi nếu tập định nên tập như vậy. Đạt-Ma-Đạt vui vẻ vâng lời dạy. Một hôm, có ông trưởng giả dẫn đứa con đến yết kiến Ngài. Trưởng giả thưa: -Thằng con tôi đây tên là Tư-Đa, từ khi sanh ra cho đến giờ (20 tuổi) mà bàn tay trái vẫn nắm chặc lại chưa từng mở ra. Xin Tôn-giả từ bi nói rõ nhơn đời trước của nó cho con hiểu. Ngài nhìn thẳng vào mặt Tư-Đa, rồi đưa tay bảo: -Trả hạt châu lại cho ta ! Tư-Đa liền sè tay dâng hạt châu cho Ngài, Ông trưởng-giả và đồ chúng thấy thế đều ngạc nhiên. Ngài giải thích:-Thuở quá khứ Ta làm vị Tỳ-kheo thường được Long-Vương thỉnh xuống Long-cung tụng kinh, khi ấy, Tư-Đa nầy cũng theo ta xuất gia, tên Bà-Xá. Một hôm, Long-Vương thỉnh ta đi tụng kinh, Bà-Xá theo làm thị giả. Tụng kinh xong, Long-Vương cúng hạt châu đáp lễ. Ta nhận trao cho thị giả giữ trong tay. Ta tịch, sanh nơi đây, vì nhơn duyên thầy trò chưa hết,

nên lại gặp nhau tại hội nầy. Ông trưởng giả nghe được tiền duyên của con mình, hoan hỷ cho Tư-Đa theo Ngài xuất gia.

Ngài xét duyên xưa và nay nên hợp hai tên lại đặt là Bà-Xá-Tư-Đa. Nhận Bà-Xá-Tư-Đa rồi, Ngài triệu tập thánh chúng làm lễ truyền giới. Sau đó, Ngài gọi Bà-Xá-Tư-Đa lại bảo: -Nơi nước nầy sắp có tai nạn đến cho ta, nhưng tuổi ta đã già yếu đâu mong lánh thoát làm gì. Ta đã được truyền đại pháp nhãn tạng của Như-Lai, nay ta trao lại cho ngươi, ngươi nên phụng trì, ngươi mau đi khỏi nước nầy, lấy sự giáo hóa làm nhiệm vụ. Nếu có người nghi ngờ nên trình cái y tăng-già-lê của ta đây làm tin. Nghe ta nói kệ: **Chánh thuyết tri kiến thời, Tri kiến câu thị tâm, Đương tâm tức tri kiến, Tri kiến tức vu kim.** *Dịch*: Chính khi nói tri kiến, Tri kiến đều là tâm, Chính tâm tức tri kiến, Tri kiến tức là hiện nay.

Bà-Xá-Tư-Đa nhận lãnh tuân hành, ngay hôm ấy đi nơi khác. Lúc ấy, trong nước Kế-Tân có hai người ngoại đạo giỏi pháp huyễn thuật mưu đồ ám sát nhà vua. Nhưng còn ngại bại lộ cơ mưu, nên chúng đổi hình Tỳ-kheo đi làm việc gian ác ấy. Quả nhiên bị quân quan bắt được. Vua Di-La-Quật hay việc nầy nổi cơn phận nộ, ra lệnh triệt hạ chùa chiền, bắt nhốt tăng chúng. Vua trách: -Lâu nay ta sùng kính Phật giáo quý trọng Tỳ-kheo mà nay họ lại manh tâm sát hại ta, vậy còn đạo đức chỗ nào? Bởi sự tức giận ấy, nhà vua đích thân cầm gươm báo đến chỗ Ngài Sư-Tử hỏi: -Thầy được không tướng chưa ? Ngài đáp: -Đã được.- Đã được, thì còn sợ sống chết chăng ?- Đã lìa sống chết thì đâu có sợ. - Chẳng sợ có thể cho ta cái đầu chăng? - Thân chẳng phải cái của ta, huống nữa là đầu. Vua liền chặt đầu Ngài rơi xuống đất. Nơi cổ phun lên giọt sữa trắng cao chừng một trượng. Cánh tay mặt của vua Di-La-Quật cũng đứt lìa. Bảy ngày sau vua băng (*Duyên nghiệp đời trước của Ngài và nhà vua có ghi rõ ràng trong: Thánh-Trụ Tập và Bửu-Lâm Truyện)*. Thái-tử Quang -Thủ lên ngôi, lo mai táng phụ hoàng và thỉnh chúng tăng cúng dường sám hối. Tăng chúng lo xây tháp thờ Ngài .

25. -Tổ Bà-Xá-Tư-Đa (Basiasita)

Đầu thế kỷ thứ mười sau Phật Niết-bàn

Ngài dòng Bà-la-môn người nước Kế-Tân, cha hiệu Tịch-Hạnh , mẹ là Thường-An-Lạc. Một hôm, bà Thường-An-Lạc nằm mộng thấy lượm được cây kiếm thần, sau đó có thai Ngài. Khi sanh ra, Ngài nắm chặt bàn tay trái mãi, cho đến gặp Tổ Sư-Tử mới sè ra. Ngài được cha mẹ cho phép xuất gia theo hầu Tổ Sư-Tử. Tổ Sư-Tử vì nợ trước phải trả nên truyền tâm ấn xong, bảo Ngài phải sang Nam-Ấn.

Ra khỏi nước Kế-Tân, Ngài đến Trung-Ấn. Vua nước nầy hiệu Ca-Thắng ra đón tiếp Ngài. Trong nước nầy trước có chúng ngoại đạo giỏi pháp thuật, ỷ tài khinh chê Phật pháp, người cầm đầu tên Vô-Ngã. Vua thấy thế bất bình, muốn thỉnh Ngài chiết phục chúng. Vua mở hội nghị luận, chính vua làm chủ tọa. Vô-Ngã đến hội đề xướng mặc luận, không dùng lời nói. Ngài chống: -Nếu chẳng dùng lời làm sao phân biệt hơn thua ? Ngoại đạo nói: -Chẳng tranh hơn thua chỉ lấy nghĩa ấy. Ngài hỏi: -Cái gì là nghĩa ? Ngoại đạo đáp: -Không tâm là nghĩa. Ngài hỏi: -Ngươi đã không tâm thì đâu thành nghĩa ? –Tôi nói không tâm chính là danh chẳng phải nghĩa. Ngài nói: -Ngươi nói không tâm chính là danh chẳng phải nghĩa, ta nói phi tâm chính là nghĩa chẳng phải danh. –Chính là nghĩa chẳng phải danh thì ai hay biện được nghĩa ?

Ngài bảo: -Ngươi nói chính là danh không phải nghĩa, thì danh nầy là danh gì ? –Vì biện cái phi nghĩa nên không danh mà đặt danh. –Ngài bảo: -Danh đã phi danh thì nghĩa cũng phi nghĩa, người biện là ai và biện vật gì ?

Bàn qua luận lại như thế đến hơn năm chục lần, ngoại đạo mới bặt lời nép phục. Bỗng trong vương cung có mùi hương lạ bay đến, Ngài chợt nói:< Đây là tin đưa đến, thầy ta đã tịch >. Ngài liền xây mặt về hướng Bắc chấp tay đảnh lễ. Lễ xong, Ngài nói với vua: -Khi tôi mới đi, thầy dạy qua Nam-Ấn, nay ở lại đây đã lâu là trái ý thầy, xin tạm biệt Đại-Vương sang nơi ấy.Vua và quần thần đồng tiễn Ngài sang Nam-Ấn.

Vua nước Nam-Ấn hiệu là Thiên-Đức nghe tin Ngài sang cũng sửa sang xe giá ra đón tiếp, thỉnh Ngài về hoàng cung.

Nhơn vua có hai Thái-tử, vị lớn là Đức-Thắng thì thân thể mạnh khỏe mà tánh tình hung bạo, còn em thì hiền lành mà bệnh hoạn liên miên, sẵn dịp vua hỏi Ngài. Vua hỏi: -Con tôi kính thờ Phật pháp, ưa làm việc lành, mà sao lại mắc bệnh kinh niên, vậy lẽ báo ứng lành dữ như thế nào ? Ngài đáp: -Bệnh của Thái-tử là do công đức phát sanh. Song lý sâu xa nầy Đại-Vương phải khéo nghe. Phật dạy người có nghiệp nặng nơi thân, ví như bệnh nội thương quá nặng, uống thuốc không có công hiệu, sắp chết bệnh càng hoành hành. Nếu là bệnh nhẹ, gặp thuốc liền bớt, bớt rồi từ từ mạnh. Người nghiệp nặng cũng vậy, tuy có công đức mà không làm gì được, đến lúc gần chết nghiệp lại càng hiện. Nếu nghiệp nhẹ, làm các việc công đức, nghiệp trước liền hiện, trả xong sau sẽ thanh tịnh. Hiện nay Thái-tử làm việc thiện mà bị bệnh lâu, hẳn là do làm các công đức nên phát ra nghiệp nhẹ nầy. Hiện nay tuy có khổ nhỏ, về sau sẽ an ổn. Kinh đã nói:< Nếu phải chịu nghiệp báo trong ba đường ác, nguyện đời nầy trả xong, để khỏi vào đường ác >. Vua còn nghi gì ư ?

-Vua Thiên-Đức tín nhận, càng phát tâm làm phước. Sau đó, Ngài từ giả nhà vua đi hoằng hóa nơi khác. Mười sáu năm sau, vua Thiên-Đức băng, Thái-tử Đức-Thắng lên nối ngôi. Vua Đức-Thắng tin theo ngoại đạo, chú thuật, nghe lời xúi dục của chúng, muốn làm khó Ngài. Thái-tử con vua Đức-Thắng tên Bất-Như-Mật-Đa biết được ác ý đó, liền đến can vua.

Thái-tử thưa: -Tôn-giả Bà-Xá-Tư-Đa xưa kia được ông nội kính trọng, nhiều người muốn hại còn không thể được, đạo đức của Ngài rất cao, xin phụ hoàng đừng làm khó Ngài. Vua Đức-Thắng nổi giận cho Thái-tử theo phe Tôn-giả Bà-Xá-Tư-Đa liền bắt hạ ngục. Sau vua cho thỉnh Ngài vào chánh điện. Vua cật nạn: -Nước tôi không có pháp tà, thầy tu học về Tông phái nào ? Ngài đáp: -Tôi tu học theo tâm tông của Phật. Vua hỏi: -Phật diệt độ đã một ngàn năm, thầy làm sao được tâm tông của Phật ? Ngài đáp: -Từ Phật truyền cho Tổ Ca-Diếp đã trải qua 24 đời đến thầy tôi là Tổ Sư-Tử, tôi được người truyền lại. Vua hỏi: -Tôn-giả Sư-Tử đã bị giết, đâu thể đem pháp truyền cho thầy ? Nếu thầy thật được truyền thì lấy gì làm tin ? Ngài đáp: -Thầy tôi truyền bát và trao y Tăng-già-lê để làm tin, hiện nay vẫn còn. Ngài liền lấy y đưa cho vua xem. Vua vẫn không tin bảo đem lửa đốt. Khi lửa cháy, y hiện năm sắc hào quang. Lửa tắt, y vẫn còn nguyên như cũ. Vua mới tin nhận, xin sám hối tạ tội. Đồng thời, vua truyền lệnh tha Thái-tử.

Sau khi được thả, Thái-tử Bất-Như-Mật-Đa quyết chí xuất gia, xin phép vua cha được như nguyện. Vua thấy không thể ngăn được chí Thái-tử, nên đành phải cho. Thái-tử đến yết kiến Ngài xin cho làm đệ tử xuất gia. Ngài hỏi: -Nhà vua bằng lòng chăng ? Thái-tử thưa: -Phụ vương bằng lòng. Ngài hỏi: -Ông muốn xuất gia để làm việc gì ? Thái-tử thưa:

-Con muốn xuất gia để làm việc Phật. Ngài thấy Thái-tử tha thiết cầu đạo, liền nhận cho xuất gia. Sau sáu năm, Ngài triệu thỉnh các vị thánh chúng vào vương cung truyền giới cho Bất-Như-Mật-Đa. Giờ truyền giới đó có nhiều điềm lành ứng hiện, toàn hội đều hoan hỷ. Một hôm, Ngài gọi Bất-Như-Mật-Đa đến dặn dò: -Ta đã già lắm, chẳng bao lâu sẽ rời cõi nầy, xưa đại pháp nhãn tạng của Như-Lai, nay ta trao lại cho ngươi. Hãy nghe ta nói kệ:

Thánh nhơn thuyết tri kiến, Đương cảnh vô thị phi, Ngã kim ngộ kỳ tánh, Vô đạo diệc vô lý .

Dịch: Thánh nhơn nói tri kiến, Ngay cảnh không phải quấy, Nay ta ngộ tánh ấy, Không đạo cũng không lý .

Bất-Như-Mật-Đa thọ pháp xong, thưa: -Còn y Tăng-già-lê thầy không truyền cho con, là sao vậy ? Ngài bảo: -Xưa ta được truyền y vì thầy ta bị nạn truyền pháp không rõ ràng. Nay ngươi được truyền, mọi người đều biết, cần y làm gì ? Chỉ cần hóa đạo. Nói xong, Ngài thị hiện thần biến rồi vào Niết-bàn. Đồ chúng lượm xá-lợi xây tháp thờ .

26. -Tổ Bất-Như-Mật-Đa (Punyamitra)

Giữa thế kỷ thứ mười sau Phật Niết-bàn

Ngài dòng Sát-Đế-Lợi ở Nam-Ấn, con vua Đức-Thắng, Lúc bé, Ngài đã sùng mộ Phật giáo, tánh tình thuần lương, thông minh xuất chúng. Vì can thiệp với vua cha về việc hại Tổ Bà-Xá-Tư-Đa, Ngài bị hạ ngục. Sau khi được thả, Ngài lấy cớ bệnh, từ ngôi Thái-tử, xin xuất gia với Tổ Bà-Xá-Tư-Đa. Sau đó, Ngài được Tổ truyền tâm ấn, đi giáo hóa các nơi.

Ngài sang Đông-Ấn hoằng hóa. Vua nước nầy hiệu Kiên-Cố đang tin trọng các thầy Phạm-Chi. Hay tin Ngài vào nước nầy, chúng Phạm-Chi họp nhau bàn mưu hãm hại. Thầy bọn Phạm-Chi xin theo vua lên chỗ cao, ông chỉ xa hỏi vua: -Bệ hạ thấy gì không ? Phương-Tây có yêu khí, ắt ma vào nước. Vua đáp: -Không thấy, song có gì đáng ngại ? Phạm-Chi thưa

-Ma nầy đến thì quốc gia suy vong. Xin dâng kế với bệ hạ, chi bằng mình tiêu diệt trước đi. Vua đáp: -Chưa thấy họ có tội gì? đâu thể nhẫn tâm hại được. Phạm-Chi lại tiến cử một đồ chúng giỏi chú thuật để theo vua trị ma. Ngài dự biết trước việc xảy đến nên dặn đồ chúng: -Ta đến thành nầy ắt có nạn nhỏ, các ngươi chớ sợ. Đến thành, Ngài xin vào yết kiến nhà vua. Vừa gặp, vua liền hỏi: -Thầy đến đây làm gì ? Ngài đáp: -Tôi đến đây vì độ chúng sanh. Vua hỏi: -Sẽ lấy pháp gì ? độ những loài chúng sanh nào ? Ngài đáp: -Tùy mỗi loài kia dùng pháp độ họ.

Vua hỏi: -Nếu có người pháp thuật giỏi, thầy dám chống chăng ? Ngài đáp: -Phật pháp rất chơn chánh, dù thiên ma cũng hàng phục được, huống là yêu thuật mà chẳng dám chống sao ? Ngoại đạo nghe nói nổi nóng, liền dùng pháp thuật hóa quả núi lớn, hiện trên không ngay đầu Ngài, như chực sắp đè. Ngài lấy tay chỉ, quả núi bay lại trên đầu bọn Phạm Chi chúng hoảng sợ cầu Ngài cứu mạng. Ngài lấy tay chỉ, quả núi tan mất. Vua và chúng Phạm-Chi đều kính phục xin Ngài từ bi tha lỗi.

Nhơn đó, Ngài đem yếu lý Phật pháp giảng giải cho vua nghe. Vua hiểu rõ, thêm lòng quí kính, thỉnh Ngài lưu lại trong hoàng cung. Ngài cũng cho nhà vua biết rằng trong nước nhà vua có một vị thánh nhơn sẽ nối tiếp Ngài truyền đạo

Nguyên trong nước nầy có một đồng tử con dòng Bà-la-môn. Cha mẹ mất sớm, đồng tử ấy phải ăn xin để sống qua ngày. Đồng tử nầy tánh tình phóng khoáng lạ thường, không ai biết tên họ gì. Có khi đồng tử tự xưng là Anh-Lạc, nên dân chúng gọi là đồng-tử Anh-Lạc. Gặp lúc đồng tử đi nhanh, có người hỏi:-Sao anh đi nhanh vậy ? Đồng tử đáp: -Sao các người đi chậm quá. Có người hỏi:-Anh họ gì ? Đồng tử đáp: -Tôi với các người đồng họ. Một hôm, vua Kiên-Cố cùng Ngài Bất-Như-Mật-Đa ngồi chung xe đi sang thành Đông. Anh-Lạc ra đón, đứng trước xe làm lễ. Ngài nói với nhà vua:

-Người nầy là thánh nhơn ở trong nước đại vương vậy. Ngài lại hỏi Anh-Lạc: -Ngươi nhớ việc xưa chăng ? Anh-Lạc thưa: -Tôi nhớ xưa đồng trong pháp hội, Tôn-giả giảng Bát-Nhã-Ba-La-Mật-Đa, tôi giảng Tu-Đa-La thậm thâm. Duyên xưa lại gặp, nên mới đón

nhau đây. Ngài nói với vua: -Đồng tử nầy là hóa thân của Bồ-Tát Đại-Thế-Chí ra đời để nối dòng pháp cho tôi. Sau tôi sẽ có hai vị đại-sĩ ra đời, vị trước giáo hóa ở Nam-Ấn, vị sau có duyên với nước Trung-Hoa, nhưng ở bên ấy chín năm rồi trở về bổn quốc. Ngài bảo Anh-Lạc: -Do xưa ta giảng Bát-Nhã, ông thuyết Tu-Đa-La, nay lại gặp đây, nên lấy Bát-Nhã-Đa-La đặt tên ngươi. Bát-Nhã-Đa-La lễ tạ, theo thầy xuất gia. Ngài ở Đông-Ấn ngót sáu chục năm hoằng truyền chánh pháp. Thấy cơ duyên sắp mãn, Ngài gọi Bát-Nhã-Đa-La đến dặn dò: -Xưa Như-Lai trao đại pháp nhãn tạng lần lượt truyền đến ta, nay ta đem truyền lại cho ngươi, ngươi nên lưu truyền chớ để dứt mất.

-Nghe ta nói kệ: **Chơn tánh tâm địa tàng, Vô đầu diệc vô đuôi, Ứng duyên nhi hóa vật, Phương tiện hô vi trí .**

Dịch : Kho tâm địa chơn tánh, Không đầu cũng không đuôi, Hợp duyên tùy hóa vật, Phương tiện gọi là trí .

Ngài từ giả vua Kiên-Cố rằng: -Đại-vương gánh vác việc nước, ủng hộ Tam-Bảo đều được an ổn. Vì tôi hóa duyên đã hết, không vì quyến luyến ân đức đại vương mà ở lâu, nay tôi sắp đi, đại vương khéo bảo hộ Phật pháp.

Ngài nói xong, trở lại chổ ngồi, thị hiện các thứ thần biến, rồi thị tịch. Vua và môn đồ xây tháp thờ xá-lợi cúng dường .

27. -Tổ Bát-Nhã-Đa-La (Prajnatara)

Cuối thế kỷ thứ mười sau Phật Niết-bàn

Ngài dòng Bà-la-môn ở Đông-Ấn. Cha mẹ mất sớm, Ngài đi theo xóm ăn xin qua ngày. Nếu có ai mượn làm việc gì, Ngài sẵn sàng làm tận lực mà không cần tiền. Hành động và ngôn ngữ của Ngài lạ thường, người đời không lường được. Khi gặp Tổ Bất-Như-Mật-Đa nhắc lại duyên xưa, Ngài xin xuất gia, theo hầu Tổ và được truyền tâm pháp.

Sau nầy, Ngài thống lãnh đồ chúng sang Nam-Ấn hoằng hóa. Vua nước nầy hiệu Hương-Chí hết lòng sùng kính Phật pháp. Vua sanh ba người con trai đều kính tin Phật pháp. Người con lớn tên Nguyệt-Tịnh-Đa-La thích tu pháp niệm Phật tam muội. Người thứ hai tên Công-Đức-Đa-La thích tu bố thí làm phước. Người thứ ba tên Bồ-Đề-La thích thông lý Phật, lấy việc xuất thế làm trên. Vua thỉnh Ngài về cung cúng dường, bảo ba vị Thái-tử ra đảnh lễ Ngài. Ngài biết ba vị Thái-tử đều ham tu, muốn nghiệm thử trí mỗi người thế nào. Sẵn nhà vua cúng dường hạt châu quý vô giá, Ngài lấy ra hỏi: -Ở đời còn có vật gì quý báu bằng hạt châu nầy chăng ? Nguyệt-Tịnh thưa: -Hạt châu nầy quý tột, ở đời không có gì hơn nó, chẳng phải trong nhà vua thì làm gì có hạt châu nầy. Công-Đức-Đa-La cũng đồng ý như vậy: Bồ-Đề-Đa-La thưa: -Châu nầy là của báu thế gian chưa đủ làm tột, trong các thứ báu chỉ có pháp bảo là tột. Đây là ánh sáng của thế gian, trong các thứ ánh sáng chỉ có ánh sáng trí tuệ là tột. Đây là trong sạch của thế gian, trong các thứ trong sạch, chỉ tâm trong sạch là trên hết. Nhưng ánh sáng của hạt châu nầy không thể tự chiếu, cần nhờ ánh sáng trí tuệ mới biện biệt được nó. Đã biện rõ mới biết là châu, đã biết là châu mới hiểu cái quý báu của nó. Nếu hiểu cái quý báu của nó, thì nó báu mà không biết báu. Nếu biện rõ nó là châu, thì nó châu mà chẳng tự biết châu. Châu mà chẳng tự biết châu, cần nhờ trí châu mới biện được thế châu. Báu mà chẳng tự biết báu, cần nhờ trí bảo mới rõ pháp bảo. Song mà, thầy tôi có đạo thì báu kia liền hiện. Chúng sanh có đạo thì tâm báu cũng thế.

Ngài khen ngợi tài biện luận của Bồ-Đề-Đa-La. Lại hỏi thêm: -Trong các vật, vật gì không tướng ? –Trong các vật, chẳng khởi là không tướng. –Trong các vật, vật gì là tối cao ? –Trong các vật, nhơn ngã là tối cao. –Trong các vật, vật gì là tối đại ? –Trong các vật, pháp tánh là tối đại. Ngài thầm vui biết là đại pháp khí sẽ nối dõi cho Ngài sau nầy. Một hôm, vua Hương-Chí hỏi Ngài: -Tôi thấy các thầy đều tụng kinh, tại sao Tôn-giả không tụng kinh ? Ngài đáp: Tôi hơi thở ra chẳng tiếp các duyên, hít vào chẳng ở trong ấm giới, thường tụng thứ kinh nầy trăm ngàn muôn ức quyển.

Vua Hương-Chí băng, hai hoàng tử lớn và hoàng thân đều kêu khóc, duy Bồ-Đề-Đa-La ngồi nhập định chỗ hoàn linh cữu suốt bảy ngày. An táng nhà vua xong, Bồ-Đề-Đa-La xin phép mẹ và hai anh theo Ngài Bát-Nhã-Đa-La xuất gia. Ngài thấy cơ duyên đã thuần thục nên nhận cho, rồi thỉnh thánh tăng làm lễ xuất gia thọ giới cho Bồ-Đề-Đa-La.

Hôm nọ, Ngài gọi Bồ-Đề-Đa-La đến dặn dò: Đại pháp nhãn tạng của Như-Lai lần lượt truyền trao, nay ta trao cho ngươi, ngươi khéo truyền bá chớ cho đoạn dứt. Nghe ta nói kệ:

Tâm địa sanh chư chủng, Nhơn sự phục sanh lý, Quả mãn bồ-đề viên, Hoa khai thế-giới khởi.

Dịch: Đất tâm sanh các giống, Nhơn sự lại sanh lý, Quả đầy bồ-đề tròn, Hoa nở thế-giới sanh. Truyền pháp xong, Ngài hiện các thứ thần biến, rồi thị tịch

Tổ thứ nhất Trung-Hoa

28. -Bồ-Đề-Đạt-Ma (Bodhidharma)

Đầu thế kỷ thứ mười một sau Phật Niết-bàn

Ngài dòng Sát-Đế-Lợi ở Nam-Ấn, cha là Hương-Chí vua nước nầy. Vua Hương-Chí sanh được ba người con trai, Ngài

Là Vương-tử thứ ba. Thuở nhỏ, Ngài đã có chí siêu việt và đặc tài hùng biện. Nhơn vua Hương-Chí thỉnh Tổ Bát-Nhã-Đa-La vào cung cúng dường, Ngài mới có duyên gặp Tổ. Qua cuộc nghiệm vấn về hạt châu, Tổ đã biết Ngài là người siêu quần bạt tục sẽ kế thừa Tổ vị. Sau khi vua cha băng, Ngài quyết chí xuất gia cầu xin Tổ Bát-Nhã độ làm đệ tử, Tổ hoan hỷ làm lễ thế phát và truyền giới cụ túc. Tổ bảo Ngài: -Hoàng-tử đối các pháp đã được thông suốt, nay nên đổi hiệu là Bồ-Đề-Đạt-Ma. Từ đây, Ngài luôn hầu hạ bên thầy. Một hôm, Tổ gọi Ngài đến truyền pháp và dặn dò: -Ngươi tạm giáo hóa ở nước nầy, sau sang Trung-Hoa mới thật là nhơn duyên lớn. Song, đợi ta diệt độ khoảng sáu mươi năm sau sẽ đi. Nếu ngươi đi sớm, sau e có việc không tốt. Những điều kiết hung về sự giáo hóa ở Trung-Hoa sau nầy, Ngài đều cầu xin Tổ chỉ dạy. Tổ dùng những lời sấm ký tiên đoán sự kiết hung vận số Phật pháp ở Trung-Hoa, nói có hơn mười bài kệ.

Tổ tịch rồi, Ngài vẫn ở tại nước nhà giáo hóa. Người huynh đệ đồng sư với Ngài là Phật-Đại-Tiên cùng chung sức giáo hóa. Thời nhơn gọi hai Ngài là < Mở hai cửa cam lồ >. Song, sau môn đồ của Phật-Đại-Tiên lại chia làm sáu tông:

1.-Hữu tướng, 2.-Vô tướng, 3.- Định huệ, 4.-Giới hạnh, 5.-Vô đắc, 6.-Tịch tịnh, đua nhau truyền bá. Ngài thấy sự chia ly ấy, ngại cho chánh pháp suy vi. Vì thế, Ngài dùng phương tiện cảm hóa họ hồi đầu quay về chánh pháp.

Vua Nguyệt-Tịnh băng, con vua là Thái-tử Dị-Kiến nối ngôi. Dị-Kiến lên ngôi không bao lâu lại tin theo tà thuyết bài bác Phật giáo. Ngài sai đệ tử là Ba-La-Đề đến cung vua để nhiếp hóa. Sau khi cải tà quy chánh, vua Dị-Kiến hỏi ra mới biết Ba-La-Đề là đệ tử của chú mình. Nhà vua cho người thỉnh Ngài về cung giáo hóa. Về cung giáo hóa một thời gian, Ngài thấy cơ duyên sang Trung-Hoa đã đến, bèn đem lời huyền ký của Tổ Bát-Nhã-Đa-La thuật lại cho vua biết. Vua không còn lời gì dám ngăn cản, đành sắm một chiếc thuyền buôn, cho thủy thủ đưa Ngài sang Trung-Hoa. Vua và quần thần tiễn đưa Ngài ra tới cửa biển.

Ngài ở trên thuyền gần ngót ba năm, thuyền mới cặp bến Quảng-Châu, nhằm đời nhà Lương niên hiệu Phổ-Thông năm

đầu (520 sau T.C.),ngày 21 tháng 9 năm Canh-Tý. Thích-sử tỉnh nầy ra đón tiếp Ngài, đồng thời dâng sớ về triều tâu vua Lương-Võ-Đế. Vua được sớ, liền sai sứ lãnh chiếu chỉ đến thỉnh Ngài về Kim-Lăng (Kinh đô nhà Lương). Vua Võ-Đế hỏi: -Trẩm từ lên ngôi đến nay thường cất chùa, chép kinh, độ Tăng ni, không biết bao nhiêu, vậy có công đức gì chăng ? Ngài đáp: -Đều không có công đức. -Tại sao không có công đức ? -Bởi vì

những việc ấy là nhơn hữu lậu, chỉ có quả báo nhỏ ở cõi người cõi trời, như bóng theo hình, tuy có mà chẳng phải thật. -Thế nào là công đức chơn thật ? –Trí thanh tịnh tròn mầu, thể tự không lặng, công đức như thế chẳng do thế gian mà cầu. -Thế nào là thánh đế nghĩa thứ nhất ?

-Rỗng rang không thánh. -Đối diện với trẩm là ai ? –Không biết. Vua Lương-Võ-Đế không lãnh ngộ được, lui về nghỉ. Ngài biết căn cơ chẳng hợp, tạm lưu lại đây ít hôm.

Đến ngày 19, Ngài bỏ vua Lương, lén sang sông qua Giang-Bắc. Ngài nhập cảnh nước Ngụy đi đến Lạc-Dương nhằm đời Hậu-Ngụy, vua Hiếu-Minh-Đế niên hiệu Chánh-Quang năm đầu (520 sau T.C.) ngày 23 tháng 11.

Ngài dừng trụ tại chùa Thiếu-Lâm ở Trung-Sơn, trọn ngày ngồi xây mặt vào vách im lặng. Tăng chúng đều không hiểu được. Người đời gọi Ngài là < Thầy Bà-la-môn ngồi nhìn vách > (Bích quán Bà-la-môn). Có vị Tăng tên Thần-Quang học thông các sách, giỏi lý diệu huyền, nghe danh Ngài tìm đến yết kiến. Thần-Quang đã đủ lễ nghi mà Ngài vẫn ngồi lặng yên ngó mặt vào vách không màng đến. Quang nghĩ: < Người xưa cầu đạo chẳng tiếc thân mạng, nay ta chưa được một trong muôn phần của các Ngài >. Hôm ấy, nhằm tiết mùa đông (mùng 9 tháng chạp), ban đêm tuyết rơi lả tả, Thần-Quang vẫn đứng yên ngoài tuyết chấp tay hướng về Ngài. Đến sáng tuyết ngập lên khỏi đầu gối, mà gương mặt Thần-Quang vẫn thản nhiên. Ngài thấy thế thương tình, xây ra hỏi: -Ngươi đứng suốt đêm trong tuyết, ý muốn cầu việc gì ?

Thần-Quang thưa: -Cúi mong Hòa-thượng từ bi mở cửa cam lồ, rộng độ chúng con. -Diệu đạo vô thượng của chư Phật, dù nhiều kiếp tinh tấn, hay làm được việc khó làm, hay nhẫn được việc khó nhẫn, còn không thể đến thay ! Huống là, dùng chút công lao nhỏ nầy mà cầu được pháp chân thừa ?

Thần-Quang nghe dạy bèn lén lấy đao chặt cánh tay trái để trước Ngài để tỏ lòng thiết tha cầu đạo. Ngài biết đây là pháp khí bèn dạy: -Chư Phật lúc ban đầu cầu đạo, vì pháp quên thân, nay ngươi chặt cánh tay để trước ta, tâm cầu đạo như vậy cũng khá. –Pháp ấn của chư Phật con có thể được nghe chăng ? –Pháp ấn của chư Phật không phải từ người khác mà được. –Tâm con chưa an, xin thầy dạy pháp an tâm. –Ngươi đem tâm ra đây, ta an cho. –Con tìm tâm không thể được. –Ta đã an tâm cho ngươi rồi. Thần-Quang nhơn đây được khế ngộ. Ngài liền đổi tên Thần-Quang là Huệ-Khả.

Từ đây kẻ Tăng người tục đua nhau đến yết kiến Ngài, tiếng tăm vang dậy. Vua Hiếu-Minh-Đế nước Ngụy sai sứ ba phen thỉnh Ngài, Ngài đều từ chối. Nhà vua càng kính trọng, sai sứ đem lễ vật đến cúng dường: một cây tích trượng, hai y kim tuyến, bình bát, v.v…Ngài từ khước nhiều lần, nhưng nhà vua cố quyết cúng dường, rốt cuộc Ngài phải nhận.

Mở cửa phương tiện, Ngài có dùng bốn hạnh để giáo hóa môn đồ: 1.-Báo oán hạnh, 2.-Tùy duyên hạnh, 3.-Vô sở cầu hạnh, 4.-Xứng pháp hạnh (Xem cửa thứ ba quyển < Sáu cửa vào động Thiếu-Thất > của Trúc-Thiên dịch.

Ở Trung-Hoa gần chín năm, Ngài thấy cơ duyên đã đến, liền gọi đồ chúng hỏi: -Giờ ta trở về sắp đến. Các ngươi mỗi người nên nói chỗ sở đắc của mình. Đạo-Phó ra thưa: -Theo chỗ thấy của con, chẳng chấp văn tự, chẳng lìa văn tự, đây là dụng của đạo. Ngài bảo: -Ngươi được phần da của ta. Bà ni Tổng-Trì ra thưa: -Nay chỗ hiểu của con, như Tổ

A-Nan thấy nước Phật A-Súc, chỉ thấy một lần, không còn thấy lại. Ngài bảo: -Ngươi được phần thịt của ta. Đạo-Dục ra thưa:

-Bốn đại vốn không, năm ấm chẳng có, chỗ thấy của con không một pháp có thể được. Ngài bảo: -Ngươi được phần xương của ta. Đến Huệ-Khả bước ra đảnh lễ Ngài, rồi lui lại đứng yên lặng. Ngài bảo: -Ngươi được phần tủy của ta. Ngài gọi Huệ-Khả đến dặn dò: -Xưa Như-Lai đem đại pháp nhãn tạng trao cho Tổ Ca-Diếp, lần lượt truyền đến ta. Nay ta đem trao lại cho ngươi, ngươi phải truyền trao không để dứt mất. Cùng trao cho ngươi y Tăng-già-lê và bát báu, để làm pháp tín. Mỗi thứ tiêu biểu cho mỗi việc, ngươi nên biết. Huệ-Khả thưa: -Xin thầy từ bi chỉ dạy mọi việc. Ngài dạy: -Trong truyền tâm-ấn để khế hợp chổ tâm chứng, ngoài trao cà-sa để định tông chỉ. Đời sau có nhiều người cạnh tranh nghi ngờ, họ nói < Ta là người Ấn, ngươi là người Hoa, căn cứ vào đâu mà được pháp, lấy cái gì để minh chứng ? >. Ngươi gìn giữ pháp y nầy, nếu gặp tai nạn, ngươi đem ra làm biểu tín, thì sự giáo hóa không bị trở ngại. Hai trăm năm sau khi ta diệt độ, y bát nầy dừng lại không truyền, vì lúc đó, Phật pháp rất thạnh hành, Chính khi ấy, người biết đạo thật nhiều, người hành đạo quá ít, người nói lý thì nhiều, người ngộ lý thì ít. Tuy nhiên, người thầm thông lặng chứng có hơn ngàn vạn. Ngươi gắng xiển dương, chớ khinh người chưa ngộ. Nghe ta nói kệ:

Ngô bổn lai tư độ, Truyền pháp cứu mê tình, Nhất hoa khai ngũ diệp, Kết quả tự nhiên thành.

Dịch : Ta sang đến cõi nầy, Truyền pháp cứu mê tình, Một hoa nở năm cánh, Nụ trái tự nhiên thành.

Ngài lại bảo: -Ta có bộ kinh Lăng-già bốn quyển, là Phật nói tột pháp yếu, cũng giúp cho chúng sanh mở, bày, ngộ, nhập kho tri kiến Phật, nay ta trao luôn cho ngươi. Ta từ Nam-Ấn sang đây đã năm phen bị thuốc độc mà không chết, vì thấy xứ nầy tuy có khí đại-thừa mà chưa ứng hợp, nên ta lặng lẽ ngồi lâu chờ đợi. Nay đã truyền xong, đã có thủy ắt phải có chung vậy. Xong rồi, Ngài cùng đồ chúng đi đến Võ-môn ở chùa Thiên-Thánh dừng lại ba hôm. Quan thái thú thành nầy tên Dương-Huyễn-Chi là người sùng mộ Phật pháp. Nghe tin Ngài đến, liền tới đảnh lễ. Ông hỏi: -Thầy ở Ấn-Độ được kế thừa làm Tổ, vậy thế nào là Tổ, xin thầy dạy cho ? Ngài đáp: -Rõ được tâm tông của Phật, không lầm một mảy, hạnh và giải hợp nhau, gọi đó là Tổ. -Chỉ một nghĩa nầy hay còn nghĩa nào khác ? -Cần rõ tâm người, biết rành xưa nay, chẳng chán có không, cũng chẳng cố chấp, chẳng hiền chẳng ngu, không mê không ngộ. Nếu hay hiểu như thế, cũng gọi là Tổ. Huyễn-Chi lại thưa: -Đệ tử vì bị nghiệp thế tục, ít gặp được tri thức, trí nhỏ bị che lấp không thể thấy đạo. Cúi xin thầy chỉ dạy, con phải noi theo đạo quả nào ? dùng tâm gì được gần với Phật, Tổ ? Ngài vì ông nói kệ: **Diệc bất đổ ác nhi sanh hiềm, Diệc bất quán thiện nhi cần thố, Diệc bất xả trí nhi cận ngu, Diệc bất phao mê nhi tựu ngộ, Đạt đại đạo hề quá lượng, Thông Phật tâm hề xuất độ, Bất dữ phàm thánh đồng triền, Siêu nhiên danh chi viết Tổ.**

Dịch: Cũng đừng thấy dữ mà sanh chê, Cũng đừng thấy lành mà ái mộ, Cũng đừng bỏ trí mà gần ngu, Cũng đừng ném mê mà về ngộ, Đạt đạo lớn chừ quá lượng, Thông Phật tâm chừ vô kể, Chẳng cùng phàm thánh đồng vai, Vượt lên, gọi đó là Tổ. Huyễn-Chi nghe dạy hoan hỷ đảnh lễ, lại thưa: -Xin thầy chớ vội tạ thế, để làm phước lợi cho quần sanh, Ngài bảo: -Đời mạt pháp, kẻ tệ ác quá nhiều, dù ta còn ở lâu e chẳng lợi ích, mà thêm tai nạn, làm tăng trưởng tội ác cho người. -Từ thầy đến đây ai thường hại thầy, xin

thầy chỉ họ, con sẽ sắp xếp. –Nói ra ắt có tổn hại, ta nên đi vậy. Đâu cam hại người để mình được vui. Huyễn-Chi nài nỉ thưa: -Con không hại người, chỉ muốn biết đó thôi. Ngài bất đắc dĩ nói bài kệ:

Giang tra phân ngọc lãng, Quản cự khai kim tỏa, Ngũ khẩu tương cộng hành, Cửu thập vô bỉ ngã.

Dịch: Thuyền con rẽ sóng ngọc, Đuốc soi mở khóa vàng, Năm miệng đồng cùng đi, Chín, mười không ta người.

Huyễn-Chi nghe rồi ghi nhớ, đảnh lễ Ngài lui ra. Ở đây đúng ba hôm, Ngài ngồi an nhiên thị tịch. Hôm ấy là ngày mùng 9 tháng 10 năm Bính-Thìn, nhằm niên hiệu Đại-Thông năm thứ hai nhà Lương (529 T.C). Đến ngày 18 tháng chạp năm nầy, làm lễ đưa nhục thân của Ngài nhập tháp tại chùa Định-Lâm, núi Hùng-Nhĩ.

Sau, vua Hậu Ngụy sai Tống-Vân đi sứ Ấn-Độ về, gặp Ngài tại núi Thông-Lãnh, thấy Ngài tay xách một chiếc dép, một mình đi nhanh như bay. Tống-Vân hỏi: -Thầy đi đâu ? Ngài đáp: Về Ấn-Độ. Ngài lại nói thêm: -Chủ ông đã chán đời rồi. Tống-Vân ngẩn ngơ, từ giả Ngài về triều. Đến triều thì vua Minh-Đế đã băng. Hiếu-Trang-Đế lên ngôi. Ông đem việc ấy tâu lại, vua ra lệnh mở cửa tháp dở quan tài ra, quả nhiên là quan tài không, chỉ còn một chiếc dép. Vua sắc đưa chiếc dép về thờ ở chùa Thiếu-Lâm, Đến đời Đường niên hiệu Khai-Nguyên năm thứ 15 (728 sau T.C) môn đồ lại dời chiếc dép về thờ ở Chùa Hoa-Nghiêm. Vua phong Ngài hiệu Viên-Giác Thiền-Sư, tháp hiệu Không-Quán.

Tập Thiếu-Thất-Lục-Môn nói là tác phẩm của Ngài .

Tổ thứ hai Trung-Hoa

29. –Huệ-Khả (494 – 601 T.L)

Sư họ Cơ quê ở Võ-Lao, giòng tôn thất nhà Chu, cha mẹ Sư lớn tuổi không con, lắm phen đến chùa cầu con, sau mẹ có thai sinh ra Sư. Khi Sư lọt lòng mẹ, có hào quang lạ chiếu sáng trong nhà, nên đặt tên Sư là Quang.

Thuở bé, Sư học hết sách đời, rất thông Lão-Trang. Năm ba mươi tuổi, Sư tự cảm than: < Lão, Dịch là sách thế gian chẳng tột được đại lý >. Sư bắt đầu xem kinh Phật. Sư viễn du tìm thầy học đạo, đến Lạc-Dương lên núi Hương-Sơn chùa Long-Môn gặp thiền sư Bảo-Tịnh bèn xin xuất gia. Sau đó, Sư đến chùa Vĩnh-Mục thọ giới ở tại Phù-Du Giảng-Tứ. Sư chuyên học Kinh luận, chưa bao lâu thảy được tinh thông. Năm 32 tuổi, Sư trở về Bổn sư nơi Hương-Sơn. Ở đây trọn ngày, Sư ngồi thiền quán trên núi. Trải tám năm như thế, một hôm khi Sư đang thiền định, bỗng có vị thần hiện ra thưa: -Ngài không nên ở đây lâu, muốn được đạo quả hảy đi về phương Nam.

Hôm sau, trên đầu Sư chợt đau như kim châm không thể chịu được. Sư định đi tìm thuốc trị, chợt nghe trong hư không có tiếng nói: < Đây là đỏi xương, chẳng phải bệnh thường >. Sư đem việc nầy thuật lại Thiền-sư Bảo-Tịnh. Bảo-Tịnh ngăn không cho trị thuốc. Sáng hôm sau, Bảo-Tịnh xem trên đầu Sư quả thấy đầu xương nổi cao như năm ngọn núi, bảo:

-Lạ thay ! ngươi có tướng tốt này ắt sẽ đắc đạo. Thần lại dạy ngươi sang miền Nam, ta nghe Đại-sĩ Bồ-Đề-Đạt-Ma đến ở chùa Thiếu-Lâm, chắc đó là thầy của ngươi vậy. Nhơn có Thần mách bảo, nên Bổn sư Bảo-Tịnh đổi hiệu Sư là Thần-Quang. Sư tìm đến chùa Thiếu-Lâm yết kiến Tổ Bồ-Đề-Đạt-Ma và được truyền tâm ấn. Sư ở đây cho đến lúc Tổ qui tịch. Sau đó, sư sang Bắc-Tề hoằng truyền chánh pháp. Một hôm, Sư gặp một người cư sĩ trạc 40 tuổi, chẳng nói tên họ, đến đảnh lễ Sư thưa: -Đệ tử mang bệnh ghẻ lở đầy mình, xin thầy từ bi vì đệ tử sám tội. Sư bảo: -Đem tội ra, ta sẽ vì ngươi sám hối. Ông cư sĩ đứng sững giây lâu thưa: -Đệ tử tìm tội không thể được. –Ta đã vì ngươi sám hối rồi. Nhưng, ngươi nên nương tựa Phật Pháp Tăng. -Hiện giờ đệ tử thấy thầy đã biết được Tăng. Chẳng biết thế nào là Phật và Pháp ?

-Tâm ấy là Phật, tâm ấy là Pháp, Phật Pháp không hai, ngươi có biết đó chăng ? –Nay đệ tử mới biết tánh tội không ở trong, ngoài, chặng giữa; như tội, tâm cũng vậy, thật Phật Pháp không hai. Sư nghe nói rất hoan hỷ, cho cạo tóc xuất gia

bảo: -Ngươi là vật báu của ta, nên đặt tên Tăng-Xán. Ngày 18 tháng 3 niên hiệu Thiên-Bình năm thứ hai (536 T.L).

Tăng-Xán được thọ giới cụ túc tại Chùa Quang-Phước. Từ đó, bệnh của ông lần lần thuyên giảm. Ông theo hầu thầy được hai năm. Một hôm, Sư Huệ-Khả gọi ông đến bảo: -Tổ Bồ-Đề-Đạt-Ma chẳng ngại xa xôi từ Ấn-Độ sang, đem chánh pháp nhãn tạng truyền cho ta, nay ta trao lại cho ngươi cùng với y bát, ngươi khéo giữ gìn chớ để đoạn tuyệt.

Nghe ta nói kệ: **Bổn lai duyên hữu địa, Nhơn địa chúng hoa sanh, Bổn lai vô hữu chủng, Hoa diệc bất tằng sanh.**

Dịch: Xưa nay nhơn có đất, Bởi đất giống hoa sanh, Xưa nay không có giống, Hoa cũng chẳng từng sanh

Đọc bài kệ xong Sư lại tiếp: -Ngươi phải tìm nơi núi sâu ở ẩn, không nên đi giáo hóa sớm, trong nước sẽ có nạn. Tăng-Xán thưa: -Thầy đã biết trước mọi việc, cúi xin từ bi dạy con rành rẽ. –Đây không phải tự ta nói, mà là lời huyền ký của Tổ Bát-Nhã-Đa-La do Tổ Đạt-Ma thuật lại cho ta nghe: Sau khi Tổ nhập Niết-bàn 150 năm sẽ có những việc xảy ra như bài kệ nầy: **Tâm trung tuy kiết ngoại đầu hung, Xuyên hạ tăng phòng danh bất trung, Vi ngộ độc long sanh võ tử, Hốt phùng tiểu thử tịch vô cùng.** *Dịch*: Trong tâm tuy kiết ngoài đầu hung, Đất xuyên phòng tăng tên chẳng trúng, Vì gặp độc long sanh con võ, Chợt nghe chuột nhỏ lặng vô cùng.

Xét về niên số nhằm đời của ngươi, ngươi cố gắng gìn giữ. Ta cũng có cái nợ ngày trước nay cần phải trả. Sư sang xứ Nghiệp-Đô tùy nghi giáo hóa thuyết pháp độ sanh ngót ba mươi bốn năm. Lúc đó, có một văn sĩ nổi tiếng là thần đồng tên Mã-Tăng-Ma. Năm 21 tuổi, ông đã giảng được sách Lễ, kinh Dịch tại miền Đông-Hải, thính giả đến nghe đông như chợ. Một phen gặp Sư, Tăng-Ma liền xin xuất gia đầu Phật. Từ đây về sau, ông chẳng cầm đến cây viết, bỏ hết sách thế gian, chỉ một y một bát, một tọa cụ, ngày ăn một bửa, dưới gốc cây ngủ một lần, chuyên tu hạnh đầu đà.

Lại có ông cư sĩ Hướng là nhà văn Uyên bác chẳng màng đến bả công danh, tánh thích rừng sâu quê vắng, đói ăn lá cây, khát uống nước giếng, làm bạn với nước biếc non xanh, để di dưỡng tinh thần. Nghe Sư hoằng hóa ở Bắc-Tề, ông biên thơ đến hỏi, thơ viết: -Bạch-Thầy, Theo thiển ý của tôi, người đời cảnh tạm, công danh phú quý như lùm mây nổi, lạch biển cồn dâu, đài các phong lưu, như hòn bọt nước. Có cái gì là chơn thật, đáng để ta quí trọng.

Vì bởi bóng do hình mà có, vang theo tiếng mà sanh, đuổi bóng nhọc hình, chẳng biết hình là gốc của bóng, to tiếng để ngăn vang, đâu biết tiếng là cội của vang. Trừ phiền não mà thú hướng Niết-bàn, dụ bỏ hình mà tìm bóng; lìa chúng sanh mà cầu Phật quả, dụ im tiếng mà tìm vang. Cho nên biết, mê ngộ một đường, ngu trí chẳng khác, không tên mà đặt tên, nhơn tên đó mà có thị phi. Không lý mà tạo thành lý, nhơn lý đó mà khởi tranh luận. Huyễn hóa chẳng phải chơn, thì cái gì phải ? cái gì quấy ? Hư vọng chẳng thật, thì cái gì không ? cái gì có ?

Muốn đem cái biết < được mà không chỗ được, mất mà không chỗ mất > trình với Thầy mà chưa có dịp gặp. Nay thố lộ ý nầy, mong thầy từ bi đáp cho. Sư đáp thơ: **Bị quán lai ý giai như thật, Chơn u chi lý cảnh bất thù, Bổn mê ma-ni vị ngõa lịch, Hoát nhiên tự giác thị chơn châu, Vô minh trí huệ đẳng vô dị, Đương tri vạn pháp tất giai như, Mẫn thị nhị kiến chi đồ bối, Thân từ tá bút tác tư thơ, Quán thân dữ Phật bất sai biệt, Hà tu cánh mích bỉ vô dư ?**

Dịch: Ông cư sĩ Hướng, Xem rõ ý ông gởi đến đây, Đối lý chơn u có khác gì, Mê bảo ma-ni là ngói gạch, Bỗng nhiên giác ngộ biết chơn châu, Vô minh trí huệ đồng chẳng khác, Muôn pháp đều như, phải liễu tri, Thương kẻ chấp thường và chấp đoạn, Bày lời mượn bút viết thơ này, Quán thân với Phật không sai khác, Nhọc gì tìm kiếm Niết-bàn chi ?

Ông cư sĩ Hướng được thơ Sư, đọc xong ông tìm đến đảnh lễ và thọ nhận ấn ký. Sau nầy, Sư đổi đạo phục, giả dạng thế gian, có khi vào quán rượu, hoặc lúc đến hàng thịt, hoặc ở giữa đám đông thuyết pháp, hoặc làm người khuân vác v.v… Có người biết hỏi Sư: -Thầy là nhà tu, tại sao làm như thế ? Sư đáp: -Ta tự điều phục tâm, đâu có quan hệ gì đến việc của ngươi. Sư đến huyện Quản-Thành, ở trước tam quan chùa Khuôn-Cứu diễn nói đạo vô thượng. Nhằm lúc ông trụ trì là pháp sư Biện-Hòa đang giảng Kinh Niết-bàn, thính giả bên trong từ từ rút lần ra nghe Sư diễn hóa. Ông Biện-Hòa bực tức mới đi cáo gian với quan Ấp-Tể tên Địch-Trọng-Khản rằng < Sư giảng tà thuyết làm việc phi pháp >.

Địch-Trọng-Khản không biết nhận xét, cứ nghe bướng liền bắt Sư gia hình. Sư không đối khán vẫn mặc nhiên thừa nhận để trả nợ trước cho xong. Ngay lúc gia hình, Sư thị tịch nhằm niên hiệu Khai-Hoàng năm thứ 13 nhà Tùy (601T.L)

Sư hưởng thọ 107 tuổi. Thiện tín thương xót đem di thể của Sư về chôn ở Từ-Châu phía đông-bắc huyện Phú-Dương.

Đến đời vua Đức-Tông nhà Đường truy phong **Đại-Tổ-Thiền-Sư**

·_____

Phần-Phụ: Sư Mã-Tăng-Ma sau có đệ tử hiệu là Huệ-Mãn. Sư bảo Huệ-Mãn: -Tâm ấn của Tổ-Sư chẳng phải chuyện khổ hạnh, khổ hạnh chỉ là giúp đạo mà thôi. Nếu người khế được bản tâm, phát cái dụng tùy ý chơn quang, thì khổ hạnh như nắm đất thành vàng. Nếu người chỉ chú trọng khổ hạnh mà không rõ bản tâm, lại yêu ghét trói buộc thì khổ hạnh như đêm ba mươi đi trong đường hiểm. Ngươi muốn rõ được bản tâm, phải suy cùng xét cạn, khi gặp sắc gặp thinh mà chưa khởi suy nghĩ, tâm ở chỗ nào ? là không chăng ? là có chăng ? Đã chẳng rơi vào chỗ có không, thì tâm chân tự sáng thường chiếu thế gian, chưa có một mảy bụi làm gián cách, chưa từng có tướng khoảng sát-na đứt nối.

Huệ-Mãn sau cũng hành hạnh đầu đà.

Thiền-Sư Hạo-Nguyệt hỏi Thiền-Sư Trường-Sa-Cảnh-Sầm rằng: -Cổ-đức nói: < **Liễu tức nghiệp chướng bổn lai không, vị liễu ưng tu thường túc trái >** (*Hai câu này trích trong < Chứng Đạo Ca > của Thiền-Sư Huyền-Giác)*.

Như Tổ Sư-Tử và Tổ Huệ-Khả vì sao lại đền nợ trước ? Trường-Sa bảo: -Đại-Đức chẳng biết bổn lai không. Hạo-Nguyệt hỏi: -Thế nào là bổn lai không ? -Nghiệp chướng. -Thế nào là nghiệp chướng ? -Bổn lai không. Hạo-Nguyệt lặng thinh. Trường-Sa dùng kệ chỉ bày: **Giả hữu nguyên phi hữu, Giả diệt diệc phi vô, Niết-bàn thường trái nghĩa, Nhất tánh cánh phi thù.** *Dịch*: Giả có vốn chẳng có, Giả diệt cũng chẳng không, Nghĩa Niết-bàn, đền nợ, Một tánh lại nào hai .

Tổ thứ Ba Trung-Hoa

30. –Tăng-Xán (497 '?' – 602 T.L.)

Không ai biết quê quán và gốc gác Sư thế nào. Chỉ biết Sư với hình thức cư sĩ mắc bệnh ghẻ lở đến lễ Tổ Huệ-Khả xin xám tội. Nhơn đó được ngộ đạo. Được Tổ cho thọ giới cụ túc tại Chùa Quang-Phước, nhằm niên hiệu Thiên-Bình thứ hai (536 T.L) nhà Bắc-Tề ngày 18 tháng 3. Sư theo hầu hạ Tổ được hai năm. Tổ truyền kệ và y bát bảo phải đi phương xa ẩn tránh kẻo có nạn. Sư đến ở ẩn nơi núi Hoàn-Công thuộc Thư-Châu.

Đời Châu-Võ-Đế ra lệnh diệt Phật pháp (561 T.L). Sư sang ở núi Tư-Không huyện Thái-Hồ. Sư thường đổi dời ít khi ở lâu một chỗ, nên hơn mười năm mà không ai biết tông tích. Thời gian Sư ở núi Tư-Không có một vị sư người Ấn tên Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi sang Trung –Hoa cầu pháp. Gặp sư, Lưu-Chi hết lòng kính mộ xin làm đệ tử. Sư truyền tâm ấn cho và khuyên qua phương Nam tiếp độ chúng sinh.

Đời nhà Tùy khoảng niên hiệu Khai-Hoàng có ông Sa-di hiệu Đạo-Tín được 14 tuổi đến lễ Sư thưa: -Xin Hòa-Thượng từ bi ban cho con pháp môn giải thoát. Sư hỏi: -Ai trói buộc ngươi ?

-Không ai trói buộc. –Đã không trói buộc, đâu cần cầu giải thoát. Đạo-Tín nghe liền đại ngộ. Từ đây, Đạo-Tín theo hầu hạ Sư suốt chín năm. Sau Đạo-Tín đến Kiết-Châu thọ giới, rồi trở lại hầu thầy rất cần mẫn. Sư thường dùng lý huyền diệu gạn hỏi, biết Đạo-Tín cơ duyên đã thuần thục, bèn truyền y pháp cho ông, Sư bảo: -Đại pháp nhãn tạng của Như-Lai, nay ta trao lại cho ngươi cùng với y bát. Ngươi gắng mà gìn giữ. Nghe ta nói kệ:

Hoa chủng tuy nhơn địa, Tùng địa chủng hoa sanh, Nhược vô nhơn hạ chủng, Hoa địa tận vô sanh.

Dịch: Giống hoa tuy nhơn đất, Từ đất giống hoa sanh, Nếu không người gieo giống, Hoa, đất trọn không sanh .

Sư dạy tiếp: -Xưa Tổ Huệ-Khả trao pháp cho ta rồi, Ngài đến xứ Nghiệp-Đô hoằng hóa hơn ba chục năm mới thị tịch. Nay đã có người thừa kế cho ta thì việc của ta đã xong, còn mắc ở đây làm gì ! Sư đến núi La-Phù ngao du hai năm. Sư lại trở về Châu-Thư, ngụ tại chùa Sơn-Cốc. Dân chúng ở đây nghe Sư đến đều vui mừng tấp nập kéo đến thừa sự cúng dường. Sư đăng tòa thuyết pháp cho tứ chúng nghe. Thuyết xong, Sư đứng ngay thẳng dưới cây đại thọ chấp tay thị tịch.

Nhằm ngày rằm tháng 10 năm Bính-Dần, niên hiệu Đại-Nghiệp thứ hai (602 T.L) nhà Tùy. Sư có trước tác bài < Tín tâm minh > là một tác phẩm trọng yếu của thiền tông hiện còn lưu hành. Vua Huyền-Tông đời Đường truy phong hiệu là Giám Trí thiền sư

Phần-Phụ: Đời Đường niên hiệu Thiên-Bảo (742 T.L) có quan Doãn huyện Hà-Nam tên Lý-Thường đến khai mộ Sư, thỉnh thi hài làm lễ trà tỳ. Ông lượm xá-lợi xây tháp thờ, một phần tặng sư Thần-Hội ở Chùa Hà-Trạch, một phần mang luôn theo mình .

Tổ thứ tư Trung-Hoa

31. -Đạo-Tín (580 – 651 T.L.)

Sư họ Tư-Mã, tổ tiên quê ở Hà-Nội, thân phụ Sư dời về Kỳ-Châu huyện Quảng-Tế, mới sanh Sư. Sư xuất gia khi còn để chóp. Tuy tuổi ấu thơ, mà Sư có ý chí siêu việt, ngưỡng mộ Không tông và các môn giải thoát.

Năm 14 tuổi là một Sa-di, Sư gặp Tổ Tăng-Xán cầu xin pháp môn giải thoát, được Tổ khai ngộ cho. Sư theo hầu Tổ suốt chín năm, mới được truyền pháp. Sau khi được pháp, Sư một bề tinh tấn trọn ngày đêm không nằm. Niên hiệu Đại-Nghiệp thứ 13 (613 T.L.) đời Tùy, Sư thống lãnh đồ chúng sang Kiết-Châu. Đến đây bị bọn giặc Tào-Võ-Vệ vây thành suốt bảy tuần. Dân chúng trong thành kinh hoàng. Sư dạy họ chí tâm niệm <Ma-ha-bát-nhã >. Toàn dân trong thành đều thành kính tụng niệm. Quả nhiên bọn giặc nhìn trên thành có thần binh trùng điệp, chúng sợ hãi rút quân. Niên hiệu Võ-Đức thứ hai (619 T.L.) đời Đường, Sư sang đất Loa-Xuyên. Ở đây, Sư giáo hóa ngót bảy năm. Sau Sư trở về an trụ tại Kỳ-Xuân trên núi Phá-Đầu. Ở đây, Tăng chúng bốn phương đua nhau tìm đến tham vấn rất đông.

Đời Đường niên hiệu Trịnh-Quán thứ tư (630 T.L.) Sư đang ở trên núi Phá-Đầu nhìn xem khí tượng, biết trên núi Ngưu-Đầu có bậc dị nhơn. Sư đích thân tìm đến núi nầy, vào Chùa U-Thê hỏi thăm những vị tăng rằng: -Ở đây có đạo nhơn chăng ? Có vị tăng đáp: -Phàm là người xuất gia ai chẳng phải đạo nhơn ? Sư hỏi: -Cái gì là đạo nhơn ? Tăng im lặng không đáp được. Có vị tăng khác thưa: -Cách đây chừng mười dặm bên kia núi, có một vị sư tên Pháp-Dung, lười biếng đến thấy người chẳng đứng dậy chào, cũng không chấp tay, phải là đạo nhơn chăng ? Sư liền trèo núi tìm đến thấy Pháp-Dung đang ngồi thiền trên tảng đá, dường như chẳng để ý đến ai. Sư hỏi: -Ở đây làm gì ? Pháp-Dung đáp: -Quán tâm.-Quán là người nào, tâm là vật gì ? Pháp-Dung không đáp được, bèn đứng dậy làm lễ thưa: -Đại đức an trụ nơi nào?

Sư đáp: -Bần tăng không có chỗ ở nhất định, hoặc Đông hoặc Tây. –Ngài biết thiền sư Đạo-Tín chăng ? –Vì sao hỏi ông ấy ? –Vì nghe danh đức đã lâu, khao khát muốn đến lễ yết. -Thiền sư Đạo-Tín là bần đạo đây. –Vì sao Ngài quan lâm đến đây ? –Vì tìm đến thăm hỏi ngươi, lại có chỗ nào nghỉ ngơi chăng ? Pháp-Dung chỉ phía sau, thưa: -Riêng có cái am nhỏ. Pháp-Dung liền dẫn Sư về am. Chung quanh am toàn loài cọp sói nằm đứng lăng xăng, Sư giơ hai tay lên làm thế sợ. Pháp-Dung hỏi: -Ngài vẫn còn cái đó sao ? Sư hỏi: -Cái đó là cái gì ? Pháp-Dung không đáp được. Giây lát, Sư lại tấm đá của Pháp-Dung ngồi vẽ một chữ PHẬT, Pháp-Dung nhìn thấy giật mình. Sư bảo: -Vẫn còn cái đó sao ? Pháp-Dung không hiểu, bèn đảnh lễ cầu xin Sư chỉ dạy chỗ chân yếu. Sư bảo: -Phàm trăm ngàn pháp môn đồng về một tất vuông. Diệu đức như hà-sa thảy ở nơi nguồn tâm. Tất cả môn giới, định, huệ, thần thông biến hóa, thảy đều đầy đủ nơi tâm ngươi. Tất cả phiền não xưa nay đều không lặng. Tất cả nhơn quả đều như mộng huyễn, không có tam giới có thể ra, không có bồ-đề có thể cầu. Người cùng phi nhơn tánh tướng bình đẳng. Đại đạo thênh thang rộng lớn bặt suy dứt nghĩ. Pháp như thế, nay ngươi đã được không thiếu khuyết, cùng Phật không khác, lại không có pháp gì lạ.

Chỉ tâm ngươi tự tại, chớ khởi quán hạnh, cũng chớ lóng tâm, chớ khởi tham sân, chớ ôm lòng lo buồn, rỗng rang không ngại, mặc tình tung hoành, chẳng làm các việc thiện, chẳng làm các việc ác, đi đứng ngồi nằm, mắt thấy gặp duyên thảy đều là diệu dụng của Phật. Vì vui vẻ không lo buồn nên gọi là Phật.

Pháp-Dung thưa: -Tâm đã đầy đủ, cái gì là Phật ? cái gì là tâm ? Sư đáp: -Chẳng phải tâm thì không hỏi Phật, hỏi Phật thì chính là tâm. Pháp-Dung thưa: -Đã không khởi quán hạnh, khi gặp cảnh khởi tâm làm sao đối trị ? Sư đáp: -Cảnh duyên không có tốt xấu, tốt xấu khởi nơi tâm, nếu tâm chẳng theo danh (tên), vọng tình từ đâu khởi ? Vọng tình đã chẳng khởi, chơn tâm mặc tình biết khắp. Ngươi chỉ tùy tâm tự tại, chẳng cầu đối trị, tức gọi là pháp thân thường trụ, không có đổi thay. Ta thọ pháp môn đốn giáo của Tổ Tăng-Xán, nay trao lại cho ngươi. Nay ngươi nhận kỹ lời ta, chỉ ở núi nầy sau có năm vị đạt nhơn đến nối tiếp giáo hóa. Một hôm Sư đến huyện Huỳnh-Mai, giữa đường gặp một đứa bé dáng vẻ khôi ngô, độ chừng bảy tuổi. Sư để tâm nơi đứa bé, bèn hỏi: -Ngươi họ gì ? Đứa bé đáp: -Họ thì có, mà không phải họ thường. –Là họ gì ? –Là họ Phật.

-Ngươi không họ à ? –Vì họ ấy là không. Sư nhìn những người thị tùng bảo: -Đứa bé nầy không phải hạng phàm, sau nầy sẽ làm Phật pháp hưng thịnh. Sư cùng thị tùng tìm đến nhà đứa bé, thuật những lời đối đáp lạ thường của nó và xin cha mẹ cho nó xuất gia. Cha mẹ đứa bé đồng ý cho nó xuất gia. Thế là, Sư nhận đứa bé làm đệ tử xuất gia, đặt tên là Hoằng-Nhẫn. Một hôm Sư gọi Hoằng-Nhẫn đến bảo: -Xưa Như-Lai truyền chánh pháp nhãn tạng chuyển đến đời ta, nay ta trao lại cho ngươi cùng với y bát. Ngươi đều giữ gìn, cố gắng truyền trao không cho dứt bặt. Nghe ta nói kệ:

Hoa chủng hữu sanh tánh, Nhơn địa hoa sanh sanh, Đại duyên dữ tín hiệp, Đương sanh sanh bất sanh.

Dịch: Giống hoa có tánh sống, Nhơn đất hoa nảy mầm, Duyên lớn cùng tín hợp, Chính sanh, sanh chẳng sanh.

Sư lại bảo Hoằng-Nhẫn: -Trước trong thời Võ-Đức ta có viếng Lô-Sơn, lên tột trên đảnh nhìn về núi Phá-Đầu thấy một vầng mây màu tía giống như cái lộng, dưới phát ra lằn hơi trắng chia ra sáu đường, ngươi cho là điềm gì ? Hoằng-Nhẫn thưa: -Đó là điềm sau Hòa-Thượng con cháu sẽ chia thêm một nhánh Phật pháp. Sư khen: -Hay thay, ngươi khéo biết đó

Niên hiệu Trinh-Quán thứ 18 (644 T.L.) nhà Đường, Vua Thái-Tông ngưỡng mộ đạo hạnh của Sư sai sứ mang chiếu thỉnh Sư về kinh đô để tham vấn đạo lý. Sứ đi đến ba phen mà thỉnh không được. Sư cứ từ chối là già bệnh. Lần thứ tư, vua hạ lệnh nếu Sư không chịu đi thì lấy thủ cấp đem về, vì Sư phạm tội trái lệnh. Sứ giả đọc chiếu chỉ xong, Sư ngửa cổ

cho sứ chém, mà thần sắc vẫn thản nhiên. Sứ giả thấy thế, không dám hạ thủ, trở về tâu lại nhà vua. Vua nghe việc nầy càng thêm kính phục, gởi đồ lụa gấm đến cúng dường.

Đến niên hiệu Vĩnh-Huy năm thứ 2 (651 T.L) đời Đường, ngày mùng 4 tháng 9 nhuần năm Tân-Hợi, Sư gọi môn nhân vào dặn: -Tất cả các pháp thảy đều là giải thoát, các ngươi phải tự gìn giữ và giáo hóa đời sau. Nói xong, Sư ngồi an nhiên thị tịch. Sư thọ 72 tuổi. Môn nhơn xây tháp thờ tại núi Phá-Đầu. Sư từ khi ngộ đạo cho đến lúc thị tịch gần ngót mười năm mà vẫn tinh tấn tu hành không khi nào nằm nghỉ.Thật là một gương sáng về hạnh giải đều tuyệt đỉnh.

Ngày mùng tám tháng tư năm sau, tự nhiên cửa tháp mở ra, nghi dung của Sư xinh tươi như lúc sống. Từ đây về sau môn nhơn không đóng cửa tháp. Đời Tống vua truy phong Sư hiệu Đại Y Thiền Sư._____

Phần-Phụ: 1. –Tài Tòng Đạo Giả

Một hôm, Tổ Đạo-Tín đi viếng núi Long-Phong gặp một vị sư già trồng tòng, thời nhơn gọi là Tài-Tòng đạo giả. Vị sư ấy hỏi Tổ rằng: -Đạo Pháp của Như-Lai có thể cho tôi nghe được chăng ? Tổ đáp: -Tuổi ông đã già, dù có nghe được cũng

không hoằng hóa kịp. Nếu có tái sanh được thì ta cũng nán chờ.

Đạo giả nghe dạy rồi từ tạ đi xuống núi. Đến huyện Huỳnh-Mai, thấy một cô gái đang giặt áo ở bờ sông, ông chào và hỏi: -Nhà cô ở gần xa, cô vui lòng cho tôi nghỉ nhờ được chăng ? Cô đáp: -Tôi còn cha mẹ không dám tự quyền, mời Sư vào nhà hỏi cha mẹ tôi là hơn. Ông bảo: -Vậy cô có bằng lòng không cho tôi biết ? Cô đáp: -Riêng tôi bằng lòng. Đạo giả nghe cô hứa chịu, bèn trở về núi ngồi ngay thẳng viên tịch.

Cô gái kia là con út của nhà họ Châu, sau khi hứa lời với Đạo giả rồi, không bao lâu có thai. Cha mẹ cô thấy chưa chồng mà có thai, là làm ô nhục gia phong, quyết định đuổi cô đi. Cô đang tuổi trẻ mà mang phải cái nợ giữa đường, sống bơ vơ không chỗ nương đỡ, phải đi kéo chỉ mướn nuôi miệng qua ngày.

Đến ngày, cô sinh ra một đứa con trai xinh xắn, nhưng vì sự kỳ dị không chồng có con, nên cô đành đem thả xuống sông.

Sáng ngày, cô thấy đứa bé ngồi xếp bằng trên mặt nước, khí sắc tươi tỉnh lạ thường. Cô vừa lấy làm lạ vừa xót thương nên bồng về nuôi dưỡng. Đến bảy tuổi, đứa bé gặp Tổ Đạo-Tín đối đáp một cách phi thường, được Tổ xin về cho xuất gia đặt tên là Hoằng-Nhẫn. Hoằng-Nhẫn có nghĩa là mẹ nhẫn nhục nuôi con, cũng có nghĩa Tổ Đạo-Tín nhẫn chờ đứa bé khôn lớn truyền pháp. Theo truyện nầy, Tổ Hoằng-Nhẫn là thân sau của Tài-Tòng đạo giả.

2. -Thiền sư Pháp-Dung núi ngưu Đầu (594 – 567 T.L.)

Sư họ Vi quê ở Duyên-Lăng, Nhuận-Châu. Năm mười chín tuổi, Sư đã học thông kinh sử, tìm xem đại bộ Bát-Nhã hiểu thấu lý chơn không. Một hôm, Sư tự than: -Đạo nho sách đời, không phải pháp cứu cánh. Bát-Nhã chánh quán là thuyền bè xuất thế.Sư bèn vào ở ẩn núi Mao theo thầy xuất gia học đạo. Sau, Sư đến núi Ngưu-Đầu ở trong thất đá trên ngọn núi phía bắc chùa U-Thê. Lúc đó, có các loài chim tha bông đến cúng dường. Các loài thú dữ quanh quẩn bên Sư không ngớt.

Khoảng niên hiệu Trinh-Quán nhà Đường (627-650 T.L) Tổ Đạo-Tín nhơn thấy khí tượng lạ tìm đến gặp Sư. Nhơn đó, Sư được đại ngộ. Từ khi đắc pháp về sau, nơi pháp

tịch của Sư đại thạnh. Khoảng niên hiệu Vĩnh-Huy đời Đường (650-656 T.L) đồ chúng thiếu lương thực, Sư phải sang Đơn-Dương hóa duyên. Đơn-Dương cách núi Ngưu-Đầu đến tám mươi dặm, Sư đích thân mang một thạch(tạ) tám đấu, sáng đi chiều về để cúng dường ba trăm tăng. Như vậy, mà ngót ba năm, Sư cung cấp không thiếu. Quan Ấp Tể tên Tiêu-Nguyên-Thiện thỉnh Sư giảng Kinh Bát-Nhã tại chùa Kiến-Sơ. Thính giả vân tập. Sư giảng đến phẩm Diệt-Tĩnh, đất chấn động. Bác-Lăng-Vương hỏi Sư: -Khi cảnh duyên sắc phát, không nói duyên sắc khởi; làm sao biết được duyên, muốn dứt cái khởi ấy ? Sư đáp: -*Cảnh sắc khi mới khởi, Sắc cảnh tánh vẫn không, Vốn không người biết duyên, Tâm lượng cùng tri đồng, Soi gốc phát chẳng phát, Khi ấy khởi tự dứt, Ôm tối sanh hiểu duyên, Khi duyên, tâm chẳng theo, Chí như trước khi sanh, Sắc tâm không nuôi dưỡng, Từ không vốn vô niệm, Tưởng thọ ngôn niệm sanh, Khởi pháp chưa từng khởi, Đâu cần Phật chỉ dạy.* Hỏi: -*Nhắm mắt không thấy sắc, Cảnh lự lại thêm phiền, Sắc đã chẳng quan tâm, Cảnh từ chỗ nào phát ?* Sư đáp: -*Nhắm mắt không thấy sắc, Trong tâm động lự nhiều, Huyễn thức giả thành dụng, Há gọi trọn không lỗi, Biết sắc chẳng quan tâm, Tâm cũng chẳng quan người, Tùy đi có tướng chuyển, Chim bay trông không thật.* Hỏi: -*Cảnh phát không chỗ nơi, Duyên đó hiểu biết sanh, Cảnh mất hiểu lại chuyển, Hiểu bèn biến làm cảnh, Nếu dùng tâm kéo tâm, Lại thành biết bị biết, Theo đó cùng nhau đi, Chẳng lìa mé sanh diệt ?* Sư đáp: -*Tâm sắc, trước, sau, giữa, Thật không cảnh duyên khởi, Một niệm tự ngừng mất, Ai hay tính động tịnh, Đây biết tự không biết, Biết, biết duyên chẳng hợp, Nên tự kiểm bản hình, Đâu cần tìm ngoại cảnh, Cảnh trước không biến mất, Niệm sau chẳng hiện ra, Tìm trăng chấp bóng huyền, Bàn dấu đuổi chim bay, Muốn biết tâm bản tánh, Lại như xem trong mộng, Ví đó băng tháng sáu, Nơi nơi đều giống nhau, Trốn không trọn chẳng khỏi, Tìm không lại chẳng thành, Thử hỏi bóng trong gương, Tâm từ chỗ nào sanh ?* Hỏi: -*Khi đều đặn dụng tâm, Nếu là an ổn tốt ?* Sư đáp: -*Khi đều đặn dụng tâm, Đều đặn không tâm dụng, Bàn quanh danh tướng nhọc, Nói thẳng không mệt phiền, Không tâm đều đặn dụng, Thường dụng đều đặn không, Nay nói chỗ không tâm, Chẳng cùng có tâm khác*. Hỏi: -*Người trí dẫn lời diệu, Cùng tâm phù hợp nhau, Lời cùng tâm đường khác, Hiệp thì trái vô cùng ?* Sư đáp: -*Phương tiện nói lời diệu, Phá bệnh đạo đại thừa, Bàn chẳng quan bản tánh, Lại từ không hóa tạo, Vô niệm là chơn thường, Trọn phải bặt đường tâm, Lìa niệm tánh chẳng động, Sanh diệt chẳng trái lầm, Cốc hưởng đã có tiếng, Bóng gương hay ngó lại.*

Niên hiệu Hiển-Khánh năm đầu (656 T.L) nhà đường, Ấp Tể Tiêu Nguyên Thiện thỉnh Sư xuống núi trụ trì chùa Kiến Sơ, Sư hết lời từ chối mà không được. Bất đắc dĩ, Sư gọi đệ tử thượng thủ là Trí-Nham truyền trao pháp ấn và dặn dò tiếp nối truyền dạy tại núi nầy. Sư sắp xuống núi bảo chúng: -Ta không còn bước chơn lại núi nầy. Lúc đó chim thú kêu buồn gần suốt tháng không dừng. Trước am có bốn cây ngô đồng, giữa tháng hè bỗng nhiên rụng lá.

Năm sau (657 T.L) ngày 23 tháng giêng, Sư thị tịch tại chùa Kiến-Sơ, thọ 64 tuổi, tuổi hạ được 41. Ngày 27 đưa quan tài lên núi Kê-Long an táng, số người tiễn đưa hơn vạn.

Phái thiền của Sư truyền, sau nầy gọi là Ngưu-Đầu-Thiền, vì lấy tên núi mà đặt tên. Số môn đồ khá đông, lưu truyền thạnh hành đến sáu đời mới dứt.

Tổ thứ năm Trung-Hoa
32. -Hoằng-Nhẫn (602 - 675 T.L.)

Sư họ Châu quê ở Châu-Kỳ thuộc huyện Huỳnh-Mai. Thuở nhỏ, Sư thông minh, xinh đẹp. Có ông thầy xem tướng khen rằng: < Đứa bé nầy có đầy đủ tướng tốt, chỉ thua Phật bảy tướng thôi >

Năm bảy tuổi, Sư gặp Tổ Đạo-Tín độ cho xuất gia. Từ đây về sau, Sư theo hầu Tổ đến khi được truyền tâm ấn. Khi Tổ tịch, Sư kế thừa trụ trì tại núi Phá-Đầu, giáo hóa nơi đây rất thạnh hành. Khi ấy, dân chúng kính mộ tông phong dù ở xa nghìn dặm cũng tìm đến tham học. Tại đạo tràng nầy, tăng chúng thường trực không dưới năm trăm người.

Khoảng niên hiệu Hàm-Hanh (670-674 T.L.) nhà Đường, có người cư sĩ họ Lư tên Huệ-Năng từ phương Nam đến yết kiến Sư. Sư hỏi: -Ngươi từ đâu đến ? Huệ-Năng thưa: -Đệ tử ở Lãnh-Nam đến. –Ngươi đến ý muốn cầu việc gì ? -Đệ tử chỉ muốn cầu làm Phật. -Người Lãnh-Nam không có Phật tánh, làm sao làm Phật được ? -Người thì có Nam Bắc, Phật tánh há có Nam Bắc sao ? Sư biết là bậc lợi căn, giả vờ nạt bảo: -Lại nhà sau đi ! Huệ-Năng đảnh lễ, đi xuống nhà sau lãnh phần bửa củi, giã gạo.

Một hôm, Sư dự biết thời kỳ truyền pháp đã đến, liền gọi đồ chúng đến bảo: -Chánh pháp khó hiểu không nên nhớ ghi lời nói suông của ta, giữ làm nhiệm vụ của mình. Các ngươi, tùy ý mỗi người thuật một bài kệ, nếu ý ngộ thầm phù hợp, ta sẽ truyền pháp và y bát.

Lúc đó, hội chúng hơn bảy trăm người, ai cũng tôn sùng thượng tọa Thần-Tú làm bực thầy. Họ đồng bảo nhau: -Nếu không phải Thượng-Tọa Tú, còn ai đảm đương nổi. Họ đồng nhường phần trình kệ cho Thần-Tú. Thần-Tú thầm nghe lời bàn tán của chúng như vậy, tự suy nghĩ phải làm kệ. Làm kệ xong, ban đêm ông lén biên lên vách chùa phía ngoài hành lang: **Thân thị bồ đề thọ, Tâm như minh cảnh đài, Thời thời cần phất thức, Mạc sử nhạ trần ai.**

Dịch: Thân là cội bồ đề, Tâm như đài gương sáng, Luôn luôn phải lau chùi, Chớ để dính bụi bặm.

Sáng ngày, Sư đi kinh hành qua thấy bài kệ, đọc qua biết là của Thần-Tú làm. Sư khen rằng: -Người đời sau, nếu y bài kệ nầy tu hành cũng được thắng quả. Toàn chúng đều đua nhau đọc tụng. Ở nhà trù, Huệ-Năng đang giã gạo, có một ông đạo đi qua tụng bài kệ ấy. Hỏi ra biết của Thần-Tú làm, Huệ-Năng bèn nhờ dẫn đến chỗ biên kệ đảnh lễ, đồng thời nhờ biên giùm một bài kệ hòa lại: **Bồ đề bổn vô thọ, Minh cảnh diệc phi đài, Bổn lai vô nhất vật, Hà xứ nhạ trần ai.**

Dịch: Bồ đề vốn không cội, Gương sáng cũng chẳng đài, Xưa nay không một vật, Chỗ nào dính trần ai.

Sư thấy bài kệ nầy thầm nhận, song không dám nói sợ e có người tật đố hại Huệ-Năng. Sư bôi, nói: -Ai làm bài kệ nầy cũng chưa thấy tánh. Sư bèn gọi Huệ-Năng nửa đêm vào

thất. Sư lấy y che xung quanh thất, giảng kinh Kim-Cang cho Huệ-Năng nghe. Đến câu < **Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm >**, Huệ-Năng bừng ngộ, Sư dạy:

-Chư Phật ra đời chỉ vì một đại sự nhân duyên, bởi chúng sanh căn cơ có lớn nhỏ, tùy đó hướng dẫn, mới có nói ra ba thừa, mười địa đốn tiệm, gọi đó là giáo môn. Như-Lai riêng đem chánh pháp nhãn tạng vô thượng chơn thật vi diệu trao cho Tổ Ma-Ha-Ca-Diếp, lần lượt truyền đến đời thứ 28 là Tổ Bồ-Đề-Đạt-Ma. Tổ Đạt-Ma sang Trung-Quốc truyền nối đến đời ta, nay ta đem đại pháp và y bát đã thọ trao lại cho ngươi. Ngươi phải gắng gìn giữ truyền trao đừng cho bặt dứt. Nghe ta nói kệ: **Hữu tình lai hạ chủng, Nhơn địa quả hoàn sanh, Vô tình ký vô chủng, Vô tánh diệc vô sanh.**

Dịch: Hữu tình đến gieo giống, Nhơn đất quả lại sanh, Vô tình đã không giống, Không tánh cũng không sanh.

Huệ-Năng thọ pháp và y bát xong, lễ bái thưa: -Pháp đã nghe dạy, còn y bát có nên truyền cho người sau chăng ? Sư bảo:

-Xưa Tổ Đạt-Ma sang là người nước khác, truyền pháp cho Tổ Huệ-Khả, vẫn ngại người đời không tin sự truyền thừa của thầy trò, nên lấy y bát truyền cho để làm tín nghiệm. Nay tông môn của ta thiên hạ đều biết rõ, không còn ai chẳng tin, nên y bát dừng ngay đời ngươi. Song chánh pháp đến đời ngươi truyền bá càng rộng, nếu còn truyền y sẽ sanh sự tranh giành. Cho nên nói: < người nhận y mạng như chỉ mành >. Ngươi nên đi liền, khéo tránh, thời gian sau sẽ ra hoằng hóa.

Huệ-Năng lại hỏi: -Nay con phải đi về đâu ? Sư bảo: -Đến Hoài thì dừng, gặp Hội thì ẩn. Huệ-Năng lãnh dạy, lễ tạ rồi ra đi ngay đêm ấy. Sau khi truyền pháp, liên tiếp ba hôm, Sư không thượng đường thuyết pháp. Toàn chúng đều nghi ngờ, đồng đến thưa thỉnh. Sư bảo: -Pháp của ta đã đi về phương Nam rồi. Giờ lại nói gì ? Chúng thưa: -Người nào được ? Sư bảo: -Năng thì được đó. Chúng biết là cư sĩ Huệ-Năng. Họ đồng đuổi theo, song tìm không gặp.

Bốn năm sau, một hôm chợt Sư gọi đại chúng bảo: -Việc ta đã xong, đến lúc nên đi. Sư vào trong thất ngồi an nhiên thị tịch, nhằm niên hiệu Thượng Nguyên thứ hai (675 T.L.) nhà Đường, thọ 74 tuổi. Chúng xây tháp ở Đông-Sơn huyện Huỳnh-Mai tôn thờ. Vua Đường-Đại-Tông truy phong là Đại-Mãn Thiền Sư, tháp hiệu Pháp-Võ.

Sư có trước tác tập < Tối thượng thừa luận >.hiện giờ còn lưu hành. Sư được ba đệ tử ưu tú: Huệ-Năng, Thần-Tú, Huệ-An.

Tổ thứ sáu Trung-Hoa

33. -Huệ-Năng (638 – 713 T.L.)

Sư họ Lư, Tổ tiên quê ở Phạm-Dương, cha tên Hành-Thao, mẹ là Lý-Thị. Đời Võ-Đức (618-627 T.L.) nhà Đường cha Sư làm quan ở Nam-Hải, sau dời về Tân Châu. Sư sanh tại Tân-Châu. Sư được ba tuổi, cha mang bệnh rồi mất, mẹ thủ chí nuôi con. Sư lớn lên trong gia đình rất nghèo túng. Mỗi ngày, Sư phải vào rừng đốn củi đem ra chợ đổi gạo nuôi mẹ.

Một hôm, nhơn gánh củi ra chợ bán, có người mua bảo gánh đến nhà. Sư gánh ngang qua một căn nhà, bỗng nghe người trong nhà tụng kinh, âm ba vang ra, Sư vừa nghe, chợt tỉnh ngộ, Sư hỏi khách: -Tụng đó là kinh gì ? Phát xuất từ đâu ?

-Khách đáp: -Kinh Kim-Cang. Phát xuất từ Ngũ Tổ Hoằng-Nhẫn ở chùa Đông-Sơn, tại huyện Huỳnh-Mai.

Nghe nói xong, Sư tỏ chí muốn tìm đến đó học đạo, song gia cảnh còn mẹ già không ai nuôi ! Có người khách hàng quen xin đài thọ số tiền để Sư cung cấp mẹ già. Gặp cơ hội tốt, Sư về xin phép mẹ cho xuất gia, mẹ Sư hoan hỉ cho xuất gia.

Sư khăn gói lên đường, trải hơn một tháng mới đến huyện Huỳnh-Mai, Sư vào yết kiến Tổ, Tổ hỏi: -Ngươi từ đâu đến ? Sư thưa: -Từ Lãnh-Nam đến. -Đến đây để cầu việc gì ? -Đến đây chỉ cầu làm Phật, không cầu việc gì khác. -Người Lãnh-Nam không có Phật tánh, làm sao cầu làm Phật được ? -Người thì có Nam Bắc, chớ Phật tánh không chia Nam Bắc. Tổ biết Sư là hàng pháp khí, bèn bảo xuống nhà trù làm công quả.

Ở đây, Sư chuyên bửa củi, giã gạo. Cối gạo to, chày đạp lớn, người Sư ốm, không đủ sức nặng cất được chày đạp, Sư phải cột thêm cục đá vào lưng để đủ sức giã gạo. Sư làm công việc nặng nhọc như vậy gần ngót sáu tháng, mà chưa khi nào trễ nải, thối chí. Một hôm, Tổ xuống nhà trù, đi ngay chỗ Sư giã gạo, thấy Sư mang đá giã gạo, Tổ bảo: -Ngươi vì đạo quên mình như thế ư ? Ta biết ngươi căn tánh lanh lợi, nhưng ngại kẻ khác hại ngươi nên ta không nói chuyện với ngươi, ngươi có biết chăng ? Sư thưa: -Con đã biết thế. Tổ biết thời cơ truyền pháp đã đến, liền ra lệnh cho toàn chúng trình kệ. Trong số chúng bảy trăm người đều suy nhường Thượng tọa Thần-Tú. Sư nghe bài kệ của Thần-Tú, biết là chưa thấy tánh, nên hòa lại một bài kệ. Đọc kệ của Sư, Tổ biết Sư đã thấy tánh. Mấy hôm sau, Tổ tìm cơ hội xuống nhà trù, đến chỗ Sư giã gạo hỏi: -Gạo trắng chưa ? Sư thưa: -Đã trắng mà chưa có sàng. Tổ bèn cầm gậy gõ trên tay cối ba cái, rồi đi lên. Canh ba đêm ấy Sư vào thất Tổ. Tổ truyền pháp và trao luôn y bát cho Sư, dạy đi về phương Nam.

Sư mang y bát đi được mấy hôm vừa đến Dưu-Lãnh bị một người hiệu Huệ-Minh đuổi theo. Sư để y bát trên tảng đá, vào rừng ẩn. Huệ-Minh đến dỡ y bát lên không nổi, đành phải kêu: -Hành giả ! Tôi đến đây vì pháp, chớ không vì y bát. Sư nghe nói, bước ra ngồi trên tảng đá bảo: -Nếu ông vì pháp, hãy bình tâm lại nghe tôi nói. Huệ-Minh đứng lặng

yên giây lâu. Sư bảo: -Khi không nghĩ thiện, không nghĩ ác, cái gì là bản lai diện mục của Thượng tọa Minh ? Huệ-Minh nghe câu nầy liền đại ngộ. Sư thường tàng ẩn nơi hai ấp Hoài và Hội. Có lúc gặp phải cuộc sống khó khăn, Sư lại gia nhập vào đoàn thợ săn. Đến bửa ăn, Sư hái rau luộc nhờ trong nồi thịt, rồi chỉ ăn rau, không ăn thịt. Như vậy, Sư với hình thức cư sĩ, thường tùy nghi nói pháp cho họ nghe. Có lần Sư đến Thiều-Châu, gặp ông cư sĩ Lưu-Chí-Lược kết bạn. Chí-Lược có người cô làm Ni hiệu Vô-Tận-Tạng, thường tụng kinh Niết-Bàn. Sư vừa nghe tụng qua đã hiểu được thâm ý, vì bà giải nói nghĩa thú. Sư cô đem quyển kinh ra hỏi chữ, Sư bảo: -Chữ thì tôi không biết, nghĩa tùy cô cứ hỏi. Sư cô bảo: -Chữ còn không biết, nghĩa làm sao hiểu nổi ? Sư bảo: -Diệu lý của chư Phật, chẳng quan hệ gì đến văn tự. Sư cô nghe nói kinh ngạc, liền báo tin cho các bậc kỳ lão trong làng hay rằng: -Có bậc đạo sĩ đáng cúng dường.

Dân chúng trong làng nghe tin, đua nhau đến chiêm lễ Sư. Gần đó có ngôi chùa cổ hiệu Bửu-Lâm, lâu đời bị đổ nát, dân chúng trong làng hợp sức tu bổ lại, thỉnh Sư về trụ trì. Hằng ngày tứ chúng bốn phương tụ hội về đông đảo, không bao lâu ngôi chùa Bửu-Lâm biến thành một đạo tràng xinh đẹp. Chẳng bao lâu có người theo dõi, Sư lại tìm nơi ẩn tránh.

Ngót mười sáu năm ẩn tránh. Sư biết cơ duyên hoằng pháp đã đến, bèn đến Quản-Châu, nhằm ngày mùng tám tháng giêng năm Bính-Tý, niên hiệu Nghi-Phụng năm đầu (676 T.L) nhà Đường. Sư vào nghỉ nhờ ngoài hiên chùa Pháp-Tánh.

Hôm ấy, pháp sư Ấn-Tông đang giảng kinh Niết-Bàn. Trước chùa treo lá phướng dài, gió thổi lá phướng phất phơ qua lại. Hai ông đạo lấy đó làm đề tài tranh luận. Người nói: < phướng động >.người bảo < gió động >; bàn qua cải lại mà không ngã lẽ. Sư đến thưa: -Có thể cho khách cư sĩ nầy lạm bàn chăng ? Hai ông đồng ý, Sư bảo: -Không phải phướng động, không phải gió động, mà tâm nhơn giả động. Mọi người nghe qua đều ngạc nhiên. Họ vào báo cho Ấn-Tông biết lời bàn kỳ diệu ấy.

Hôm sau, Ấn-Tông mời Sư vào hỏi về lý < Tâm động >. Sư giải rõ thâm lý cực diệu. Ấn-Tông bất giác đứng dậy thưa: -Ngài không phải là người thường. Nghe nói y pháp của Ngũ Tổ Huỳnh-Mai đã về phương Nam, vậy có phải Ngài chăng ?

Sư đáp: -Chẳng dám. Ấn-Tông bèn tập hợp bốn chúng, cầu xin Sư trình bày y bát của Tổ. Sư bèn đem y bát cho đại chúng chiêm bái. Ấn-Tông xin làm đệ tử, đồng thời cầu chỉ dạy thiền yếu.

Đến ngày rằm tháng giêng, Ấn-Tông thỉnh các bậc danh đức đến làm lễ thế phát cho Sư. Ngày mùng tám tháng hai, làm lễ truyền giới cụ túc cho Sư tại chùa Pháp-Tánh. Luật sư Trí-Quang làm Tuyên-luật-sư. Giới đàn nầy, đời Tống,Tam Tạng Cầu Na Bạt-Đà-La đã dự ký trước rằng: -Sau sẽ có nhục thân Bồ Tát thọ giới tại đây. Lại, thời Lương mạc, Tam Tạng Chân-Đế, đích thân trồng hai cây Bồ Đề tại giới đàn nầy và bảo chúng rằng: -Sau khoảng một trăm hai chục năm, sẽ có bậc đại sĩ ở dưới cội Bồ Đề nầy khai diễn pháp vô thượng thừa, độ chúng sanh vô lượng.

-Sau đó có quan Thích Sử Thiều Châu tên Vi Cừ thỉnh Sư đến chùa Đại Phạm thuyết pháp môn vi diệu và thọ giới vô tướng tâm địa. Quan liêu, sĩ thứ và kẻ tại gia, người xuất gia đến dự nghe pháp trên ngàn người. Những thời thuyết pháp tại đây, được đệ tử Sư ghi lại đầy đủ trong kinh Pháp Bảo Đàn.

Năm sau, Sư muốn trở về chùa Bửu Lâm ở Tào Khê là chỗ ẩn xưa kia. Ấn Tông cùng quan liêu sĩ thứ đạo tục tiển đưa có hơn ngàn người. Sư an trú ở đây, tăng chúng xa gần đua nhau đến tham vấn. Trung bình chư tăng thường có mặt tại chùa không dưới một ngàn. Sư đã dựng lên cây cờ Đại pháp, bốn phương trông thấy đều hướng về.

Niên hiệu Thần Long năm đầu (705 T.L) Vua Trung Tông xuống chiếu sai sứ là Tiết Giảm đi thỉnh Sư về triều. Sư từ chối vì lý do bệnh. Trong lời từ chối của Sư có câu: < Tôi nguyện được trọn đời ở chốn núi rừng >. Tiết Giảm thưa: -Các bậc thiền đức nơi kinh thành đều nói < muốn được hội đạo cần phải tọa thiền tập định, nếu không nhơn thiền định mà được giải thoát, là việc chưa từng thấy >. Chưa biết Thầy thường nói pháp dạy người thế nào ? Sư đáp: -Đạo do tâm ngộ, đâu phải ở ngồi. Kinh nói: < Nếu nói Như-Lai hoặc đến, hoặc đi, hoặc nằm là người ấy không hiểu nghĩa ta nói. Vì sao ? Vì Như-Lai không từ đâu đến cũng không đi đâu >. Vì không từ đâu đến, nên không sanh, vì không đi đâu nên không diệt. Nếu không sanh diệt là Như-Lai thanh tịnh thiền, các pháp không tịch là Như-Lai thanh tịnh tọa. Tột cùng không được, cũng không có chỗ chứng, huống là ngồi ư ?

Tiết Giảm thưa: -Đệ tử trở về kinh đô ắt Chúa Thượng có hỏi. Cúi xin Hòa Thượng từ bi chỉ cho chỗ tâm yếu, ngõ hầu đối cảnh giải rành, khiến cho những kẻ học giả ở kinh đô hiểu biết tu hành. Ví như thắp một ngọn đèn, mồi được trăm ngàn ngọn đèn, khiến cho chỗ tối tăm được sáng, sáng mãi không cùng.

Sư bảo: -Đạo không có tối sáng, tối sáng là nghĩa đối đãi nhau; dù sáng mãi không cùng, cũng là có cùng. Bởi vì đối đãi mà lập danh tự cho nên Kinh nói: < Pháp không có so sánh vì không có đối đãi >. –Sáng thí dụ trí huệ, tối thí dụ phiền não. Người tu hành nếu không dùng trí huệ chiếu phá phiền não, thì cái sanh tử từ vô thủy do đâu được ra khỏi ?

Sư bảo: -Nếu dùng trí huệ chiếu phá phiền não, đây là kẻ tiểu căn Nhị thừa, là xe dê, xe nai, người đại căn thượng trí không như vậy. Tiết Giảm hỏi: -Thế nào là chỗ kiến giải của Đại thừa ? Sư đáp: -Sáng cùng không sáng tánh nó chẳng hai, tánh không hai tức là tánh thật. Tánh thật thì ở phàm phu chẳng bớt, ở hiền thánh chẳng thêm, dừng nơi phiền não mà chẳng loạn, đứng nơi thiền định mà chẳng lặng, chẳng đoạn chẳng thường, chẳng đến, chẳng đi, chẳng ở giữa và hai bên, chẳng sanh, chẳng diệt, tánh tướng như như, thường trụ không dời đổi, gọi đó là Đạo.

Tiết Giảm thưa: -Hòa thượng nói chẳng sanh chẳng diệt, có khác gì chúng ngoại đạo nói ? Sư bảo: -Ngoại đạo nói chẳng sanh chẳng diệt là đem cái diệt chận cái sanh, lấy cái sanh để bày cái diệt. Diệt vẫn chẳng diệt, sanh nói không sanh. Ta nói không sanh diệt là xưa tự không sanh, nay cũng không diệt, đâu có thể đồng với ngoại đạo ư ? Ông muốn rõ được tâm yếu thì, đối tất cả việc thiện ác đều chớ suy nghĩ, tự nhiên được vào.Tâm thể trong trẻo thường lặng lẽ diệu dụng như hằng sa. Tiết Giảm nghe qua liền đại ngộ, lễ bái Sư trở về triều. Về triều ông tâu hết tự sự cho vua nghe. Vua càng thêm cung kính và ngợi khen.Vua lại ban chiếu và cúng dường ca-sa, tích trượng bảo câu. Sắc đổi tên chùa Bửu-Lâm là Trung-Hưng.

Năm sau, vua lại sắc thích sử Thiều-Châu kiến thiết ngôi chùa Trung-Hưng lại và đổi tên là Pháp-Tuyền. Chùa của Sư ở trước, tại Tân-Châu đổi tên là Quốc-Ân. Một hôm Sư bảo chúng: -Thiện tri thức ! các ngươi mỗi người tịnh tâm nghe ta nói pháp, hết thảy các ngươi tâm mình là Phật, chớ có hồ nghi. Ngoài không có một pháp có thể dựng lập, đều là tâm mình sanh ra muôn pháp. Kinh nói: <Tâm sanh thì các thứ pháp sanh, tâm diệt thì

các thứ pháp diệt >. Nếu muốn thành tựu chủng trí phải đạt nhất tướng tam muội và nhất hạnh tam muội.

Nếu ở tất cả chỗ mà không trụ tướng, ở trong tướng ấy mà không sanh yêu ghét, chẳng lấy, chẳng bỏ, chẳng nghĩ việc lợi ích, thành hoại,v.v…an ổn thanh tịnh gọi là nhất tướng tam muội. Nếu ở tất cả chỗ đi đứng ngồi nằm, ròng một trực tâm, không dời khỏi đạo tràng, liền thành tịnh độ, gọi là nhất hạnh tam muội. Nếu người đủ hai tam muội nầy, như đất có giống hay chứa đựng, nuôi dưỡng thành tựu được bông trái của nó. Nhất tướng, nhất hạnh cũng lại như vậy.

Nay ta nói pháp, ví như khi mưa thấm ướt cả đất, Phật tánh của các ngươi ví như các hột giống, vừa gặp thấm ướt, liền nảy mầm. Giữ đúng lời ta quyết được Bồ-Đề, đúng theo ta dạy mà thực hành nhất định chứng quả Phật. Niên hiệu Tiên-Thiên năm đầu (712 T.L) một hôm Sư chợt gọi đồ chúng đến bảo: -Ta ở chỗ Tổ Hoằng-Nhẫn thọ pháp yếu cùng y bát. Nay tuy nói pháp mà không truyền y bát, bởi vì các ngươi lòng tin đã thuần thục, không còn nghi ngờ, nên chẳng truyền. Nghe ta nói kệ: **Tâm địa hàm chư chủng, Phổ vũ tất giai manh. Đốn ngộ hoa tình dĩ, Bồ-Đề quả tự thành.**

Dịch: Đất tâm chứa các giống, Mưa khắp ắt nẩy mầm. Hoa tình vừa đốn ngộ, Trái bồ-đề tự thành.

Sư lại bảo: -Pháp ấy không hai, tâm ấy cũng vậy. Đạo kia thanh tịnh cũng không các tướng. Các ngươi dè dặt chớ quán tịnh và tâm kia không. Tâm nầy sẵn tịnh, không lấy bỏ, mỗi người tự nỗ lực tùy duyên đi an lành. Sư thuyết pháp độ sanh đã được bốn chục năm. Trước đây, Sư đã sai người về chùa Quốc-Ân ở Tân-Châu xây tháp. Đến ngày mùng 6 tháng 6 năm nầy, Sư lại sai người đến đốc suất làm nhanh.

Đến ngày mùng 1 tháng 7, niên hiệu Tiên-Thiên thứ hai (713 T.L), Sư gọi môn nhân bảo: -Ta muốn trở về Tân-Châu, các ngươi lo sửa soạn thuyền. Lúc ấy, đại chúng đều buồn bã, thỉnh Sư ở nán lại. Sư bảo: -Chư Phật ra đời vẫn thị hiện vào Niết-Bàn. Có đến ắt có đi, lẽ đó là việc thường vậy. Thân hình hài của ta về ắt có chỗ. Chúng hỏi: -Hôm nay thầy đi bao giờ trở lại ? Sư bảo: -Lá rụng về cội, trở lại không hẹn. Chúng hỏi: -Pháp nhãn tạng, thầy sẽ trao cho người nào ? Sư bảo: -Có đạo thì được, vô tâm thì thông. Chúng thưa: -Thầy để lời di chúc xem có nạn không ? Sư bảo: -Ta diệt độ khoảng năm, sáu năm ắt có người đến lấy đầu ta. Nghe ta nói kệ:

Đầu thượng dưỡng thân, Khẩu lý tu xan. Ngộ Mãn chi nạn, Dương Liễu vi quan.

Dịch: Trên đầu nuôi thân, Trong miệng để ăn. Gặp Mãn gây nạn, Dương Liễu làm quan.

-Sư nói tiếp: Sau khi ta diệt độ khoảng bảy chục năm, có hai vị Bồ-Tát từ phương Đông đến, một tại gia, một xuất gia chung hưng hóa Phật pháp, sửa lại các ngôi già lam nâng đỡ tông chỉ của ta. Sư về đến Tân-Châu, vào chùa Quốc-Ân, tắm gội xong, ngồi kiết già, an nhiên thị tịch. Khi ấy có mùi hương lạ xông ra, móng trắng vòng chí đất. Sư tịch ngày mùng hai tháng tám năm Quý Sửu, niên hiệu Tiên-Thiên thứ hai (713 T.L), đời Đường, thọ 76 tuổi.

Bấy giờ môn đồ hai châu Thiều và Tân muốn đem hài cốt Sư về châu mình an táng. Bàn nhau không ngã lẽ, phải thắp hương cầu nguyện ý Sư; nếu khói hương bay về đâu, thì vâng theo ý đó. Khói hương bay thẳng hướng Tào-Khê. Thế là môn đồ ở Thiều Châu sửa

soạn đưa linh cữu Sư về nhập tháp. Ngày 13 tháng 11 đưa linh cữu về nhập tháp tại bên bờ khe Tào-Hầu, nay là chùa Nam-Hoa.

Vua Đường Hiến-Tông truy phong Sư là Đại Giám thiền sư, tháp hiệu Nguyên Hòa Linh Chiếu. Môn đệ của Sư đắc pháp và hoằng hóa sau nầy có cả thảy bốn mươi ba vị: 1-Hành-Tư ở núi Thanh Nguyên. 2-Hoài-Nhượng ở Nam Nhạc.

3-Pháp-Hải. 4-Huệ-Trung. 5-Bổn-Tịnh. 6-Thần-Hội. 7-Huyền-Giác. 8-Huyền-Sách. 9-Tam Tạng Quật-Đa v.v…

-Những lời Sư chỉ dạy có thể đa số được sưu tập trong quyển Pháp-Bảo-Đàn Kinh.